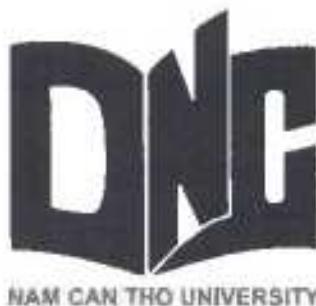


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC
VÀ PHÁP LUẬT 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 1

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Lý luận nhà nước và pháp luật 1
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Lý luận nhà nước và pháp luật 1, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về nhà nước như khái niệm nhà nước, nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của nhà nước; bộ máy nhà nước; nhà nước pháp quyền;
- Xác định được quá trình vận động và phát triển của nhà nước;
- Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước với các hiện tượng xã hội khác;
 - Xác định được chức năng nhà nước nói chung qua các kiểu nhà nước; đồng thời xác định được chức năng của nhà nước Việt Nam hiện nay;
 - Phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước với cá nhân nói chung và ở Việt Nam hiện nay nói riêng;
 - Có được tư duy khoa học và phương pháp nhận thức khoa học về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước trong thực tế;
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật;
- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề lý luận về nhà nước;
- Có kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề pháp luật về nhà nước;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;
- Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá hiện tượng nhà nước trong đời sống xã hội;
- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;
- Xác định đúng vị trí, vai trò của lý luận nhà nước và pháp luật trong hệ thống các khoa học pháp lý và các môn học pháp lý trong chương trình đào tạo đại học luật.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>	<i>Bậc 1</i>	<i>Bậc 2</i>	<i>Bậc 3</i>
<i>Vấn đề 1:</i> Nguồn gốc, kiểu nhà nước	1A1. Nêu được khái niệm nhà nước. 1A2. Nêu được nguồn gốc ra đời nhà	1B1. Phân tích được nội dung các đặc trưng của nhà nước. 1B2. Phân tích được	1C1. Phân biệt được nhà nước với các tổ chức xã hội khác trong xã hội có giai

	<p>nước</p> <p>1A3. Nêu được các đặc trưng của nhà nước.</p> <p>1A4. Nêu được các hình thức xuất hiện điển hình của nhà nước.</p> <p>1A5. Nêu được khái niệm kiều nhà nước.</p> <p>1A6. Nêu được sự ra đời, quá trình phát triển của các kiều nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin</p>	<p>nguyên nhân và quá trình ra đời nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.</p> <p>1B3. Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về quy luật thay thế các kiều nhà nước trong lịch sử.</p> <p>1B4. Phân tích được sự ra đời, cơ sở kinh tế-xã hội, đặc điểm cơ bản về quá trình tồn tại và phát triển của từng kiều nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản và XHCN.</p>	<p>cấp.</p> <p>1C2. Nhận thức được sự khác biệt về cơ sở kinh tế-xã hội giữa các kiều nhà nước.</p> <p>1C3. So sánh được sự giống và khác nhau về cơ sở kinh tế và cơ sở xã hội của từng kiều nhà nước</p>
<p><i>Vấn đề 2:</i> Bản chất, chức năng của nhà nước</p>	<p>2A1. Nêu được khái niệm bản chất của nhà nước.</p> <p>2A2. Nêu được bản chất của nhà nước Việt Nam hiện nay.</p> <p>2A3. Nêu được khái niệm chức năng của nhà nước.</p> <p>2A4. Nêu được các hình thức, phương pháp thực hiện chức năng của nhà nước.</p> <p>2A5. Nêu được các loại chức năng của nhà nước (theo các tiêu chí phân loại khác nhau).</p>	<p>2B1. Phân tích được nội dung hai thuộc tính thể hiện bản chất của nhà nước (tính xã hội và tính giai cấp).</p> <p>2B2. Phân tích được sự vận động biến đổi của hai thuộc tính thể hiện bản chất của nhà nước qua các kiều nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản, XHCN.</p> <p>2B3. Phân tích được bản chất và các đặc trưng của nhà nước Việt Nam hiện nay.</p> <p>2B4. Phân tích được các đặc điểm thể hiện tính xã hội của nhà nước Cộng hòa xã hội</p>	<p>2C1. Đưa ra được những bình luận về tính kế thừa và phát triển của chức năng nhà nước qua các kiều nhà nước.</p> <p>2C2. Đưa ra được sự hiểu biết của bản thân về nhà nước “của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”.</p>

		<p>chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.</p> <p>2B5. Phân tích được sự vận động, phát triển của chức năng nhà nước qua các kiểu nhà nước.</p> <p>2B6. Phân tích được nội dung các chức năng của nhà nước Việt Nam hiện nay.</p>	
<i>Vấn đề 3:</i> Cơ quan nhà nước và bộ máy nhà nước	<p>3A1. Nêu được khái niệm cơ quan nhà nước.</p> <p>3A2. Nêu được các đặc điểm của cơ quan nhà nước.</p> <p>3A3. Nêu được các loại cơ quan nhà nước (theo các tiêu chí phân loại khác nhau).</p> <p>3A4. Nêu được khái niệm bộ máy nhà nước.</p> <p>3A5. Nêu được các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.</p> <p>3A6. Nêu được các đặc điểm của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay.</p> <p>3A7. Nêu được các loại cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay.</p>	<p>3B1. Phân tích được sự phụ thuộc của bộ máy nhà nước vào chức năng của nhà nước.</p> <p>3B2. Phân tích được sự phát triển của bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước.</p> <p>3B3. Phân tích được nguyên tắc phân quyền: quá trình hình thành, nội dung cơ bản, sự vận dụng trên thực tế, ưu điểm và hạn chế.</p> <p>3B4. Phân tích được nội dung các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay.</p>	<p>3C1. Phân biệt được điểm khác biệt giữa cơ quan nhà nước với cơ quan của tổ chức xã hội khác.</p> <p>3C2. Bình luận được nguyên tắc phân chia quyền lực nhà nước trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và của Việt Nam nói riêng.</p>

<p>Vấn đề 4: Hình thức nhà nước</p>	<p>4A1. Nêu được khái niệm hình thức của nhà nước.</p> <p>4A2. Nêu được khái niệm hình thức chính thể của nhà nước.</p> <p>4A3. Nêu được các dạng chính thể của nhà nước.</p> <p>4A4. Nêu được khái niệm hình thức cấu trúc nhà nước.</p> <p>4A5. Nêu được các dạng cấu trúc nhà nước.</p> <p>4A6. Nêu được khái niệm chế độ chính trị trong hình thức nhà nước.</p> <p>4A7. Nêu được hình thức nhà nước Việt Nam hiện nay.</p>	<p>4B1. Phân tích được các đặc trưng của từng dạng chính thể của nhà nước.</p> <p>4B2. Phân tích được sự biến đổi của hình thức chính thể qua các kiểu nhà nước.</p> <p>4B3. Phân tích được các đặc trưng của từng dạng cấu trúc của nhà nước.</p> <p>4B4. Phân tích được sự biến đổi của hình thức cấu trúc nhà nước qua các kiểu nhà nước.</p> <p>4B5. Phân tích được các đặc trưng của chế độ chính trị dân chủ và chế độ chính trị phản dân chủ.</p> <p>4B6. Phân tích được sự biến đổi của chế độ chính trị của nhà nước qua các kiểu nhà nước.</p>	<p>4C1. Nhận xét được về sự biến đổi của hình thức nhà nước qua các kiểu nhà nước.</p> <p>4C2. Bình luận được ưu thế của nhà nước so với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.</p> <p>4C3. Bình luận và phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước Việt Nam với các tổ chức chính trị - xã hội khác trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.</p>
<p>Vấn đề 5: Nhà nước trong hệ thống chính trị - Nhà nước pháp quyền</p>	<p>5A1. Nêu được khái niệm hệ thống chính trị.</p> <p>5A2. Nêu được các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị.</p>	<p>5B1. Phân tích được vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị.</p> <p>5B2. Phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam với</p>	<p>5C1. Nhận xét được sự cần thiết phải xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>5C2. Bình luận và phân tích được giải pháp cơ bản để xây</p>

	<p>5A3. Nêu được khái niệm nhà nước pháp quyền.</p> <p>5A4. Nêu được các đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền.</p>	<p>Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>5B3. Phân tích được mối quan hệ giữa nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.</p> <p>5B4. Phân tích được các nội dung cơ bản về đặc trưng của nhà nước pháp quyền.</p>	dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.
--	--	--	--

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	05 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình chi tiết

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	<p>Chương 1. Nguồn gốc, kiểu nhà nước</p> <p>1.1. Khái niệm nhà nước</p> <p>1.1.1. Định nghĩa nhà nước</p> <p>1.1.2. Đặc trưng của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề tài từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc.

	<p>nhà nước</p> <p>1.2. Nguồn gốc nhà nước</p> <p>1.3. Kiểu nhà nước</p> <p>1.3.1. Khái niệm kiểu nhà nước</p> <p>1.3.2. Các kiểu nhà nước trong lịch sử</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 7-11	<p>Chương 2: Bản chất, chức năng của nhà nước</p> <p>2.1. Bản chất của nhà nước</p> <p>2.1.1. Các thuộc tính thể hiện bản chất của nhà nước</p> <p>2.1.2. Bản chất của nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>2.2. Chức năng của nhà nước</p> <p>2.2.1. Khái niệm chức năng của nhà nước</p> <p>2.2.2. Phân loại chức năng của nhà nước</p> <p>2.3. Sự phát triển của chức năng nhà nước qua các kiểu nhà nước</p> <p>2.4. Chức năng của nhà nước Việt Nam hiện nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 12-17	<p>Chương 3: Bộ máy nhà nước</p> <p>3.1. Khái niệm bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc.

	<p>máy nhà nước</p> <p>3.2. Phân loại cơ quan trong bộ máy nhà nước</p> <p>3.3. Sự phát triển của bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước</p> <p>3.4. Bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>3.4.1. Đặc特点 của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>3.4.2. Cơ cấu của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>3.4.3. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>3.4.4. Hoàn thiện bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>- Làm bài kiểm tra cá nhân.</p>	<p>nêu tình huống liên quan đến bài giảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. - GV ra đề kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống. - SV làm bài kiểm tra cá nhân.
Tiết 18-22	<p>Chương 4: Hình thức nhà nước</p> <p>4.1. Khái niệm hình thức nhà nước</p> <p>4.1.1. Hình thức chính thể</p> <p>4.1.2. Hình thức cấu trúc nhà nước</p> <p>4.1.3. Chế độ chính trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.

	<p>4.2. Sự biến đổi của hình thức nhà nước qua các kiều nhà nước</p> <p>4.2.1. Sự biến đổi của hình thức chính thể</p> <p>4.2.2. Sự biến đổi của hình thức cấu trúc nhà nước</p> <p>4.2.3. Sự biến đổi của chế độ chính trị</p> <p>4.3. Hình thức của nhà nước Việt Nam hiện nay</p>		
Tiết 23-28	<p>Chương 5: Nhà nước trong hệ thống chính trị - Nhà nước pháp quyền</p> <p>5.1. Nhà nước trong hệ thống chính trị</p> <p>5.1.1. Khái niệm hệ thống chính trị</p> <p>5.1.2. Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị</p> <p>5.1.3. Mối quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị</p> <p>5.1.4. Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay</p> <p>5.2. Nhà nước pháp quyền</p> <p>5.2.1. Khái quát về lịch sử tư tưởng nhà</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV.

	nước pháp quyên 5.2.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyên 5.2.3. Xây dựng nhà nước pháp quyên Việt Nam hiện nay		
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm 	10

			<ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

- Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh (2011), *Giáo trình bầu cử trong nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Luật Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

			<ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

- Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình bầu cử trong nhà nước pháp quyền*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt nam;
- Luật Hiến pháp Việt Nam năm 2013;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

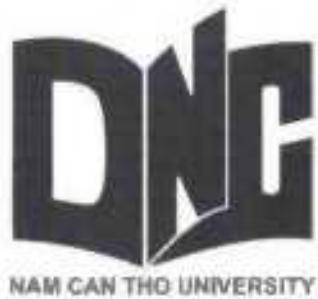


TS. Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Thị Cảnh Hồng
TS. Nguyễn Thị Cảnh Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGHỀ LUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP
HỌC LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ - Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ
KHOA LUẬT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Nghề Luật và phương pháp học luật
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
 - + **Bậc học:** Đại học
 - + **Hệ Chính quy**
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách giảng dạy:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C0-1, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nối dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Xác định được các phương pháp học tập ở trường đại học, đặc biệt là phương pháp học tập theo hệ thống tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên một số phương pháp cần thiết cho việc học tập đạt hiệu quả tại Trường Đại học Luật Hà Nội (phương pháp tìm kiếm thông tin, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp viết bài luận, phương pháp thi kiểm tra, ...), giúp cho sinh viên tự tin, hứng thú học tập và đạt kết quả cao trong học tập.

- Bên cạnh các phương pháp học tập, sinh viên cũng được cung cấp các thông tin tổng quan về nghề luật, về các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp luật có thể đảm nhận.

- Học phần bước đầu trang bị cho sinh viên các quy tắc đạo đức mà mỗi người hành nghề luật phải tuân thủ.

2.2. Kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức tổng quan về nghề luật trong định hướng nghề nghiệp.

- Vận dụng được kiến thức chung về nghề luật trong mối quan hệ với vấn đề đạo đức nghề luật và phương pháp học;

- Sinh viên nêu và vận dụng được một số kỹ năng thu thập tài liệu học đại học ngành luật.

- Hình thành kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.

- Sinh viên nêu và vận dụng được một số kỹ năng lưu giữ, xử lý tài liệu;

- Hình thành kỹ năng tự học, tự cập nhật kiến thức.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Có khả năng lập quy hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực.

2.4. Về thái độ

- Hình thành sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật và các khoa học luật;

- Chủ động, tự tin trong lý giải, phân tích một vấn đề pháp luật;

- Tôn trọng và biết lắng nghe ý kiến, quan điểm của người cung cấp thông tin và những người cùng làm việc trong nhóm.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

TT	VĂN ĐỀ	MỤC TIÊU NHẬN THỨC	
		VỀ KIẾN THỨC	VỀ KỸ NĂNG
VĐ 1	Khái quát chung về phương pháp học đại học	<ul style="list-style-type: none">- Hiểu được bộ máy học của mình- Hiểu được các yếu tố tác động của môi trường học tập đến hiệu quả học tập- Nhận thức được một cách tổng quát về quá trình học tập ở bậc đại học.- Nắm được đặc thù của hệ thống đào tạo theo tín chỉ.- Hiểu được cấu trúc của Đề cương môn	<ul style="list-style-type: none">- Biết cách sử dụng hiệu quả bộ máy học của mình.- Xác định được mục tiêu học tập phù hợp cho mình.- Tạo được môi trường học tập phù hợp với bản thân.

		học.	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được Đề cương môn học vào việc tự học một cách hiệu quả.
VĐ 2	Giới thiệu tổng quan nghề luật	<ul style="list-style-type: none"> Nêu và giải thích được những đặc trưng của nghề luật. Nêu và giải thích được những vinh quang và thách thức trong nghề luật; Nêu và giải thích được ý nghĩa hoạt động nghề nghiệp của các chức danh tư pháp. Liệt kê được các đặc điểm nghề nghiệp Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư; Đánh giá được mối quan hệ giữa các chức danh tư pháp trong hoạt động nghề luật. 	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được kiến thức tổng quan về nghề luật trong định hướng nghề nghiệp. Vận dụng được kiến thức chung về nghề luật trong mối quan hệ với vần đề đạo đức nghề luật và phương pháp học đại học ngành luật.
VĐ 3	Đạo đức nghề luật	<ul style="list-style-type: none"> Nhận diện được các đặc trưng nghề luật ảnh hưởng đến việc xác định đạo đức nghề luật: Sứ mệnh - Tư duy – Bản lĩnh (<i>nghề nguy hiểm</i>) – Kỹ năng – Công cụ - Quy tắc hành nghề (đạo đức nghề luật) – Phẩm chất cần có của người hành nghề. Nắm được vai trò của quy tắc hành nghề luật: Với chủ thể hành nghề - Trách nhiệm xã hội – Sản phẩm cung cấp cho xã hội Hiểu được những quy tắc chung khi hành nghề Luật: Tôn trọng tính tối thượng của pháp luật; hành xử theo công lý và lẽ công bằng, tôn trọng giá trị phổ quát của quyền con người cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> Vận dụng được các kiến thức được cung cấp để nhận diện các hành vi tuân chuẩn hay lệch chuẩn nghề nghiệp trong thực tiễn đối với từng chức danh tư pháp: Luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên.

		<p>trong điều kiện nhà nước pháp quyền.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm được những quy tắc chung của nghề nghiệp các chức danh tư pháp: <ul style="list-style-type: none"> + Quy tắc hành nghề luật sư + Quy tắc nghề nghiệp của thẩm phán + Quy tắc nghề nghiệp của Kiểm sát viên 	
VĐ 4	Phương pháp tìm kiếm tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nêu và giải thích được: (i) những đặc thù của tài liệu học đại học ngành luật; (ii) các nguồn tài liệu học đại học ngành luật; (iii) ý nghĩa của thu thập tài liệu trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Sinh viên liệt kê được các phương pháp thu thập tài liệu học đại học ngành luật và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng phương pháp thu thập tài liệu. - Sinh viên áp dụng được các phương pháp thu thập tài liệu phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nêu và vận dụng được một số kỹ năng thu thập tài liệu học đại học ngành luật. - Sinh viên nêu và vận dụng được một số kỹ năng lưu giữ, xử lý tài liệu.
VĐ 5	Phương pháp viết bài luận	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những yêu cầu đối với một bài luận trong chương trình đào tạo cử nhân luật. - Năm được các bước trong quá trình thực hiện bài luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách xác định đề tài nghiên cứu của bài luận - Biết cách xây dựng đề cương chi tiết - Biết cách xây dựng kế hoạch thực hiện bài luận
VĐ 6	Phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Có được hiểu biết cơ bản của nhóm làm việc nhóm và tầm quan trọng của 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được những kỹ năng cơ bản của làm

	làm việc nhóm	<p>làm việc nhóm;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm được bản chất của làm việc nhóm với tính chất là một phương pháp học tập ở bậc đại học; - Nhận thức được vai trò (tầm quan trọng) của phương pháp làm việc nhóm trong học tập ở bậc đại học; - Nhận thức được những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm trong học tập ở bậc đại học; - Năm được nội dung, quy trình, cách thức tổ chức thực hiện và những kỹ năng cơ bản của làm việc nhóm trong học tập ở bậc đại học. 	<p>việc nhóm để thực hiện trọn vẹn một bài tập nhóm được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu nhận thức được những điểm mạnh/điểm yếu của cá nhân trong làm việc nhóm để hạn chế/khắc phục điểm yếu, phát huy điểm mạnh để từng bước nâng cao hiệu quả làm việc nhóm trong học tập làm tiền đề cho việc thực hiện những công việc của nghề nghiệp tương lai.
VĐ 7	Phương pháp thi, kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu và phân biệt hai khái niệm thi – kiểm tra; - Liệt kê các hình thức thi, kiểm tra đang được áp dụng tại Trường Đại học Luật Hà Nội; - Xác định được mục đích, yêu cầu đặc thù của từng hình thức thi, kiểm tra; - Liệt kê các phương pháp ôn tập: thi, kiểm tra và biết về hệ thống chấm điểm, phúc tra; - Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương pháp ôn tập và phương pháp thi phù hợp với từng môn học và với người học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích thông tin môn học để chuẩn bị ôn tập và thi; - Lập và triển khai kế hoạch ôn tập; - Giải tỏa căng thẳng, lo âu trong kỳ thi; - Kỹ năng làm bài thi, kiểm tra.

4. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	7 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-5	<p>VĂN ĐỀ 1 - Khái quát chung về phương pháp học đại học</p> <p>1.1. Khái quát chung về phương pháp học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của việc nắm vững phương pháp - Giới thiệu học phần „Nghề luật và phương pháp học đại học ngành luật“ <p>1.2. Bộ máy học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thần kinh ngoại biên và hệ thần kinh trung - Một số kinh nghiệm học tập rút ra từ bộ máy học. <p>1.3. Môi trường học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường bên trong, môi trường bên ngoài <p>1.4. Đặc thù của giáo dục đại học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh giữa học đại học với học phổ thông - Vai trò của giảng viên đại học 	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giải các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>1.5. So sánh hệ thống đào tạo theo niêm ché o tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm và nhược điểm của đào tạo theo hế. - Ưu điểm và nhược điểm của đào tạo theo - Đặc thù đào tạo theo tín chỉ tại Trường ọc Luật Hà Nội <p>1.6. Phương pháp sử dụng Đề cương môn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức tiếp thu kiến thức và các bậc hức trình độ đại học - Cấu trúc của Đề cương môn học - Cách sử dụng từng bộ phận của Đề cương môn học 		
Tiết 6-12	<p>* VĂN ĐỀ 2 – Giới thiệu tổng quan nghề luật</p> <p>2.1. Nghề luật và những đặc trưng của nghề luật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện các khái niệm cơ bản về Nghề Tư pháp, Nghề luật - Nghề luật – vinh quang và thách thức <p>2.2. Hoạt động nghề nghiệp của các chức danh tư pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm chung nghề nghiệp của các chức danh tư pháp - Đặc điểm nghề nghiệp đặc thù của Nghề Thẩm phán, Luật sư, Kiểm sát viên. <p>2.3. Mối quan hệ giữa các chức danh tư pháp trong hoạt động nghề luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các yếu tố đảm bảo thực hiện hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo tra lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	dòng nghề nghiệp của các chức danh Tư pháp - Mối quan hệ giữa nghề luật và đạo đức nghề luật trong hoạt động nghề luật		
Tiết 13-17	* VẤN ĐỀ 3 – Đạo đức nghề luật - Đặc trưng nghề luật ảnh hưởng đến việc xác định đạo đức nghề luật - Vai trò của quy tắc hành nghề luật - Các quy tắc chung khi hành nghề luật - Quy tắc hành nghề luật sư - Quy tắc hành nghề thẩm phán - Quy tắc hành nghề kiểm sát viên	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống: - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo tra lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 18 – 20	*VẤN ĐỀ 4 - Phương pháp thu thập tài liệu 4.1. Tài liệu - Khái niệm tài liệu - Đặc điểm tài liệu học ngành luật - Vai trò, ý nghĩa của tài liệu - Phân loại tài liệu - Các nguồn tài liệu 4.2. Phương pháp thu thập tài liệu - Khái niệm phương pháp thu thập tài liệu - Nguồn tài liệu học ngành luật - Một số kỹ năng thu thập tài liệu + Kỹ năng nghe	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.	- SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng đọc + Kỹ năng ghi chép (kỹ năng ghi chép trong khi nghe; kỹ năng ghi chép trong khi đọc) - Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp - Phương pháp thu thập tài liệu sơ cấp + Phương pháp khảo sát-lập bảng câu hỏi + Phương pháp phỏng vấn + Phương pháp quan sát + Phương pháp mô phỏng 		
Tiết 21-25	<p>*VÀN ĐÈ 5 - Phương pháp viết bài luận</p> <p>5.1. Định hình vấn đề cần giải quyết và hướng triển khai bài luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vấn đề cần giải quyết. - Xác định được đối tượng, phạm vi vấn đề cần triển khai khi viết. - Xác định phương pháp giải quyết vấn đề <p>> Sử dụng lý luận, pháp luật, thực tiễn để minh chứng và giải quyết vấn đề.</p> <p>5.2. Xây dựng đề cương chi tiết của bài luận</p> <p>5.2.1. Xác định kết cấu của bài luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với bài tập cá nhân/tuần; - Đối với bài tập nhóm/tháng; - Đối với bài tập học kỳ; - Đối với khoá luận tốt nghiệp ; - Đối với bài báo hoặc chuyên đề, luận văn, luận án. 	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. 	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<p><i>5.2.2. Xác định các nội dung cốt yếu cần triển khai trong bài luận và mối liên hệ giữa chúng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung các phần, mục, tiểu mục...(Mục lục; Phần giới thiệu ; Danh mục chữ viết tắt ; Phần nội dung chính ; Phần kết luận; Phụ lục; Danh mục tài liệu tham khảo). - Cách chia cắt vấn đề nghiên cứu(Cách tiếp cận trong nước và ngoài nước). <p><i>5.3. Xây dựng kế hoạch hoàn thành bài luận</i></p> <p><i>4.3.1. Xác định những tài liệu cần xử lý, trích dẫn để đưa vào bài luận.</i></p> <p><i>4.3.2. Xác định tiến độ thực hiện công việc nghiên cứu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách hình thành mốc thời gian và công việc cần phải thực hiện để giải quyết vấn đề nghiên cứu <p><i>5.4. Yêu cầu của bài luận và kỹ năng thực hiện</i></p> <p><i>5.4.1. Yêu cầu của bài luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Yêu cầu về nội dung</i> - <i>Yêu cầu về văn phong và hình thức trình bày</i> <p><i>5.4.2. Về kỹ năng thực hiện bài luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng xây dựng khái niệm - Kỹ năng xây dựng và phát triển lập luận (<i>phân tích, so sánh, quy nạp, diễn giải, phản biện...</i>) - Kỹ năng tổng hợp vấn đề 	
--	--	--

	<p>- Kỹ năng tóm tắt vấn đề</p> <p>(Về chu trình thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng giả thiết cho từng chương - Xây dựng lập luận cho từng giả thiết (tìm lập luận đồng quan điểm và lập luận đối lập...) <p>(Chu trình: Nghiên cứu tài liệu – Hoàn thiện đề cương - củng cố lập luận - Hoàn thiện bản thảo)</p>		
Tiết 26-28	<p>*VÂN ĐÈ 6 - Phương pháp làm việc nhóm</p> <p>6.1. Khái quát chung về phương pháp làm việc nhóm</p> <p>6.1.1 Nhóm và làm việc nhóm</p> <p>6.1.2 Tầm quan trọng của làm việc nhóm</p> <p>6.1.3 Làm việc nhóm – Hình thức tổ chức dạy - học ở bậc đại học</p> <p>6.1.4 Những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc nhóm</p> <p>6.2. Nội dung và quy trình làm việc nhóm</p> <p>6.2.1 Lập nhóm</p> <p>6.2.2 Lập kế hoạch làm việc nhóm</p> <p>6.2.3 Tổ chức phân công công việc nhóm</p> <p>6.2.4 Họp nhóm – thảo luận nội dung công việc- xây dựng và hoàn thiện kết quả làm việc nhóm</p> <p>6.2.5 Thuyết trình kết quả làm việc nhóm</p> <p>6.3. Một số kỹ năng cơ bản của làm việc nhóm</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.</p>

	<p>6.3.1 Kỹ năng giao tiếp trong làm việc nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi, chia sẻ thông tin - Trình bày và đóng góp ý kiến - Tương tác và hỗ trợ trong làm việc nhóm <p>6.3.2. Kỹ năng quản lý điều hành của lãnh đạo nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tổ chức, điều hành, phân công công việc - Kỹ năng điều hành họp nhóm (lưu ý một số công cụ cơ bản điều hành họp nhóm), tổ chức thảo luận - Kỹ năng giải quyết xung đột trong làm việc nhóm <p>6.3.3 Kỹ năng xây dựng, hoàn thiện và trình bày kết quả làm việc nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả làm việc nhóm - Kỹ năng thuyết trình kết quả làm việc nhóm 		
Tiết 29-30	<p>*VẤN ĐỀ 7 - Phương pháp thi, kiểm tra</p> <p>7.1. Khái quát về thi, kiểm tra tại Trường Đại học Luật Hà Nội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thi, kiểm tra và phân biệt giữa hai khái niệm này - Mục đích của thi, kiểm tra - Các hình thức thi, kiểm tra tại Trường Đại học Luật Hà Nội - Các yêu cầu tương ứng với từng 	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<p>hình thức thi, kiểm tra</p> <p>7.2. Phương pháp ôn tập phục vụ thi, kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khóa học: tìm hiểu chương trình, đề cương môn học để biết về hình thức thi, kiểm tra sẽ được tổ chức (định hướng cho việc ôn tập) - Trong khóa học: các phương pháp ôn tập <ul style="list-style-type: none"> + Lập kế hoạch ôn tập + Xác định chiến lược ôn tập + Chuẩn bị các điều kiện (môi trường) phục vụ ôn tập + Chuẩn bị các tài liệu, chủ đề ôn tập + Tiến hành thi thử <p>7.3. Phương pháp thi, kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách giải tòe căng thẳng và lo âu <ul style="list-style-type: none"> + Trước kỳ thi + Đêm trước ngày thi + Trong thời gian thi - Phương pháp thi <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu đề thi + Chọn câu hỏi + Lập kế hoạch trả lời + Trả lời câu hỏi thi + Kiểm tra lại bài thi - Những vấn đề thường gặp trong thời 	
--	---	--

	<p>gian thi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những việc cần làm ngay sau khi thi xong - Những điều người chấm thi mong muốn, không mong muốn <p>7.4. Kết quả thi, kiểm tra và cơ chế phúc khảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thi - Hệ thống chấm điểm thi - Cơ chế phúc khảo 		
--	--	--	--

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tinh thần động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo 	10

			cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Sinh viên viết một bài tiểu luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2016), *Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận*, Nxb Hồng Đức.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Vũ Công Giao (2016), *Phương pháp nghiên cứu viết luận văn, luận án ngành Luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, TP.HCM

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



TS. Nguyễn Văn Quang

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cẩm Huyền
TS. Nguyễn Thị Cẩm Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

CÀN THƠ – 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Nguyên lý kế toán

Mã môn học:

Hệ đào tạo: Đại học chính quy Ngành đào tạo: Luật kinh tế

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = giờ giảng lý thuyết T = bài tập P = thực hành D = thảo luận/seminar	L	T	P	D	
	20	10	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kế toán – Kiểm toán, Khoa Kinh Tế

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên Bộ môn Tài chính Kế toán

3. Mục tiêu của học phần (MT):

* **Về kiến thức**

MT1: Kiến thức cơ bản về kế toán – khái niệm, nhiệm vụ, đơn vị kế toán, kỳ kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp của kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp.

MT2: Phân biệt các đối tượng kế toán các hình thức kế toán và các phương pháp sửa sai trong kế toán.

MT3: Diễn giải được tính cân đối giữa tài sản và nguồn vốn và ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tới tính cân đối của bảng cân đối kế toán.

MT4: Hiểu và thực hiện được Chứng từ kế toán – Kiểm kê; Sổ kế toán - Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán.

MT5: Kiến thức cơ bản về hướng dẫn tổ chức kế toán và kiểm tra kế toán

* **Về kỹ năng**

MT6: Vận dụng được các phương pháp kế toán ứng với từng hình thức kế toán

MT7: Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.

* **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8 : Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.

MT9: Trung thực, tin cậy, trách nhiệm, tì mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
Kinh tế vi mô		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	3	0	0	0	0	1	1	1	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		1	2	0	0	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Giải thích được kiến thức cơ bản về kế toán – khái niệm, nhiệm vụ, đơn vị kế toán, kỳ kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp của kế toán như chứng từ, tài khoản, ghi sô kép, kiểm kê, đánh giá, tổng hợp và cân đối kế toán.	PO2, PO12
MT1	CO2	Phân biệt các đối tượng kế toán, các hình thức kế toán và các phương pháp sửa sai trong kế toán	PO2, PO12
MT1 MT2	CO3	Điển giải được tính cân đối giữa tài sản nguồn vốn và ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tới tính cân đối của bảng cân đối kế toán.	PO2, PO12
MT1 MT2 MT4	CO5	Hoạch toán được các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu trong qua trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	PO2, PO12
Kỹ năng			
MT7 MT9	CO8	Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, tự nghiên cứu, giao tiếp và làm việc nhóm	PO16, PO17, PO18, PO19
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT7 MT9	CO9	Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đổi với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.	PO16, PO17, PO18, PO19
MT7 MT8 MT9	CO9	Trung thực, tin cậy, trách nhiệm, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tố chức kĩ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp	PO16, PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho người học hiểu biết và những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế kinh doanh như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Thi tự luận. Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Võ Văn Nhị, Mai Thị Hoàng Minh, Đặng Thị Hoa. 2012. *Nguyên lý kế toán (tái bản lần 7)*. NXB Phương Đông [657.042 Nh300].
- [2] Võ Văn Nhị (chủ biên). 2012. *Bài tập nguyên lý kế toán*. NXB Phương Đông [657.073 Nh300].
- [3] Hồ thị Khánh Thành. 2017. Giáo trình nguyên lý kế toán. Đại học NCT.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [4] Hà Xuân Thạch (chủ biên). 2017. Hướng dẫn làm bài tập và trắc nghiệm nguyên lý kế toán. Kinh tế TP HCM-2017. [657.076 Th102]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1. Bản chất, đối tượng và các phương pháp của kế toán			
1	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chất, đối tượng của kế toán - Các khái niệm, các nguyên tắc kế toán - Nhiệm vụ kế toán và các yêu cầu cơ bản đối với kế toán. Kỳ kế toán - Các phương pháp của kế toán 	<ul style="list-style-type: none"> [1] Chương 1. Một số vấn đề chung về kế toán. 	<ul style="list-style-type: none"> CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2. Cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
2	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> [1] Chương 2. Báo cáo kế toán. 	<ul style="list-style-type: none"> CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

3	Bài tập 1.		
	3. Tài khoản và ghi sổ kép		
4-5	<ul style="list-style-type: none"> - Tài khoản. Ghi sổ kép - Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết - Quan hệ giữa bảng cân đối kế toán và tài khoản kế toán - Đối chiếu số liệu ghi trong tài khoản - Hệ thống tài khoản kế toán thông nhất 	[1] Chương 3. Tài khoản và ghi sổ kép.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Bài tập 2. Bài tập có hướng dẫn		
	4. Tính giá các đối tượng kế toán		
6	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cần thiết phải tính giá các đối tượng kế toán. - Nguyên tắc kế toán và các nhân tố ảnh hưởng đến tính giá đối tượng kế toán. - Tính giá một số đối tượng chủ yếu 	[1] Chương 4. Tính giá các đối tượng kế toán.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Chứng từ kế toán – kiểm toán		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, phân loại chứng từ kế toán - Kiểm kê: các loại kiểm kê và phương pháp tiến hành. - Vai trò của kế toán trong kiểm kê. 	[1] Chương 5. Chứng từ kế toán – kiểm toán.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	6. Sổ kế toán - kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán và các hình thức kế toán		
8	<ul style="list-style-type: none"> - Sổ kế toán. - Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán. - Các hình thức kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp tại VN 	[1] Chương 6. kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	7. Kế toán các nghiệp vụ trong doanh nghiệp		
9-10	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán yếu tố cơ bản của sản xuất - Kế toán quá trình sản xuất - Kế toán quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh (áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất và thương mại) - Kế toán mua bán hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh. 	[1] Chương 7. Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tảng âm

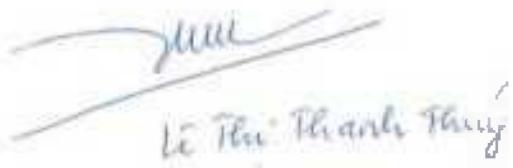
Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

TRƯỜNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Khanh

TRƯỜNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Thị Thành Thúy

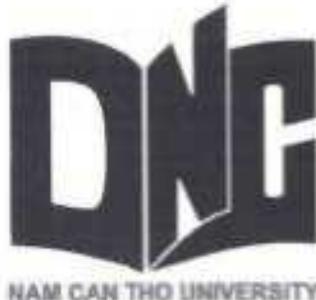
HỘ KHẨU
(Ký, đóng dấu)



TS. Nguyễn Văn Luang



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ AN SINH XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Pháp luật an sinh xã hội
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Pháp luật an sinh xã hội, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Xác định được các vấn đề cơ bản của an sinh xã hội (ASXH) như khái niệm, các nguyên tắc, vai trò và ý nghĩa của an sinh xã hội, các quan hệ pháp luật an sinh xã hội cụ thể;

- Xác định được các quy định của pháp luật về chế độ bảo hiểm ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm hưu trí, chế độ tử tuất và bảm hiêm thất nghiệp;

- Phân tích được các quy định pháp luật về các chế độ bảo hiểm;
- Xác định được các quy định về bảo hiểm y tế và ưu đãi xã hội;
- Trình bày và phân tích được các chế độ ưu đãi xã hội;
- Nêu và phân tích được các quy định về chế độ trợ giúp xã hội;
- Xác định được các quy định về giải quyết tranh chấp ASXH.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Sau khi kết thúc quá trình học tập, nghiên cứu, sinh viên biết cách tìm kiếm, vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực ASXH để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo, bao gồm:

- Tư vấn cho các đối tượng là cá nhân và tổ chức về các vấn đề thông dụng trong lĩnh vực ASXH;
- Tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực ASXH;
- Tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật ASXH.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng thuyết trình, lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình;
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Chấp hành đúng pháp luật ASXH;
- Có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ ASXH;
- Tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật ASXH khi thực hiện các công việc chuyên môn.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Vấn đề/bậc nhận thức	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Vấn đề 1: Luật an sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam	1A1. Nêu được khái niệm và các bộ phận cấu thành ASXH. 1A2. Nêu được 4 nhóm quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của luật	1B1. Tìm hiểu một số thuật ngữ khác về ASXH và việc sử dụng hợp lý những thuật ngữ này. 1B2. Phân tích được 4 nhóm quan	1C1. Nêu được quan điểm cá nhân về đối tượng điều chỉnh của luật ASXH theo nghĩa rộng và theo nghĩa hẹp. 1C2. Phân biệt

	<p>ASXH.</p> <p>1A3. Nếu được khái niệm và 5 đặc điểm cơ bản của quan hệ về BHXH.</p> <p>1A4. Nếu được khái niệm và 4 đặc điểm của quan hệ về trợ giúp xã hội.</p> <p>1A5. Nếu được khái niệm và 4 đặc điểm của quan hệ ưu đãi xã hội.</p> <p>1A6. Nếu được khái niệm và 3 đặc điểm của quan hệ bảo hiểm y tế.</p> <p>1A7. Nếu được 5 nguyên tắc cơ bản của Luật ASXH.</p> <p>1A8. Nếu được quan điểm của ILO về ASXH (thể hiện thông qua các tuyên bố hoặc công ước của ILO).</p>	<p>hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật ASXH.</p> <p>1B3. Phân tích được các đặc điểm cơ bản của quan hệ về BHXH.</p> <p>1B4. Phân tích được các đặc điểm của quan hệ về trợ giúp xã hội.</p> <p>1B5. Phân tích được các đặc điểm của quan hệ ưu đãi xã hội.</p> <p>1B6. Phân tích được các đặc điểm của quan hệ bảo hiểm y tế.</p> <p>1B7. Phân tích được 5 nguyên tắc cơ bản của luật ASXH.</p>	<p>quan hệ về BHXH với quan hệ về bảo hiểm y tế, quan hệ về trợ giúp (bảo trợ) xã hội và quan hệ về ưu đãi xã hội.</p> <p>1C3. Nếu được quan điểm cá nhân về các nguyên tắc cơ bản của luật ASXH.</p> <p>1C4. Nhận xét về quá trình hình thành, phát triển và xu hướng phát triển của luật ASXH trong thời gian tới.</p>
<p>Vấn đề 2: Quan hệ pháp luật an sinh xã hội</p>	<p>2A1. Nếu được khái niệm quan hệ pháp luật ASXH.</p> <p>2A2. Nếu được 5 đặc điểm của quan hệ pháp luật ASXH.</p> <p>2A3. Nếu được khái niệm, chủ thể và nội dung của quan hệ pháp luật</p>	<p>2B1. Phân tích được khái niệm quan hệ pháp luật ASXH, cho ví dụ minh họa.</p> <p>2B2. Phân tích được 5 đặc điểm của quan hệ pháp luật ASXH.</p> <p>2B3. Phân tích được đặc điểm, chủ</p>	<p>2C1. So sánh quan hệ pháp luật BHXH, trợ giúp (bảo trợ) xã hội, ưu đãi xã hội và bảo hiểm y tế.</p> <p>2C2. Phân biệt được quan hệ pháp luật về BHXH với quan hệ pháp luật về bảo hiểm</p>

	<p>về BHXH.</p> <p>2A4. Nêu được khái niệm, chủ thể và nội dung của quan hệ pháp luật về ưu đãi xã hội.</p> <p>2A5. Nêu được khái niệm, chủ thể, nội dung của quan hệ pháp luật về trợ giúp (bảo trợ) xã hội.</p> <p>2A6. Nêu được khái niệm, chủ thể, nội dung của quan hệ pháp luật về bảo hiểm y tế.</p>	<p>thể và nội dung của quan hệ pháp luật về BHXH.</p> <p>2B4. Phân tích được đặc điểm, chủ thể và nội dung của quan hệ pháp luật về ưu đãi xã hội.</p> <p>2B5. Phân tích được đặc điểm, chủ thể, nội dung của quan hệ pháp luật về trợ giúp (bảo trợ) xã hội.</p> <p>2B6. Phân tích được khái niệm, chủ thể, nội dung của quan hệ pháp luật về bảo hiểm y tế.</p>	<p>thương mại.</p>
<i>Vấn đề 3:</i> Bảo hiểm xã hội	<p>3A1. Nêu được định nghĩa và bản chất của BHXH.</p> <p>3A2. Nêu được các nội dung liên quan đến BHXH như: đối tượng áp dụng, đối tượng bảo hiểm, quỹ bảo hiểm.</p> <p>3A3. Nêu được 5 nguyên tắc BHXH.</p> <p>3A4. Nêu được 3 cách phân loại BHXH.</p> <p>3A5. Nêu được nội dung của 5 chế độ</p>	<p>3B1. Phân tích được định nghĩa và bản chất của BHXH.</p> <p>3B2. Phân tích được các hình thức BHXH theo pháp luật Việt Nam về các nội dung: đối tượng áp dụng, đối tượng bảo hiểm, quỹ bảo hiểm, các chế độ áp dụng.</p> <p>3B3. Phân tích được 5 nguyên tắc của BHXH.</p> <p>3B4. Phân tích</p>	<p>3C1. Phân biệt được BHXH với bảo hiểm thương mại.</p> <p>3C2. Vận dụng được quy định của pháp luật về các chế độ BHXH để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho người hưởng bảo hiểm qua các tình huống thực tiễn.</p> <p>3C3. Đánh giá bước đầu những ưu điểm và những bất cập của pháp luật</p>

	<p>BHXH bắt buộc: Chế độ bảo hiểm ôm đau; chế độ bảo hiểm thai sản; chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ bảo hiểm hưu trí; chế độ bảo hiểm tử tuất.</p> <p>3A6. Nếu được nội dung của 2 chế độ BHXH tự nguyện: Chế độ bảo hiểm hưu trí; chế độ bảo hiểm tử tuất.</p> <p>3A7. Nếu được khái niệm và các nguyên tắc của bảo hiểm thất nghiệp.</p> <p>3A8. Nếu được nội dung của 3 chế độ bảo hiểm thất nghiệp: Chế độ trợ cấp thất nghiệp; chế độ hỗ trợ học nghề; chế độ hỗ trợ tìm việc làm.</p>	<p>được nội dung của 5 chế độ BHXH bắt buộc: Chế độ bảo hiểm ôm đau; chế độ bảo hiểm thai sản; chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chế độ bảo hiểm hưu trí; chế độ bảo hiểm tử tuất.</p> <p>3B5. Phân tích được nội dung của 2 chế độ BHXH tự nguyện: Chế độ bảo hiểm hưu trí; chế độ bảo hiểm tử tuất.</p> <p>3B6. Phân tích được nội dung của 3 chế độ bảo hiểm thất nghiệp: Chế độ trợ cấp thất nghiệp; chế độ hỗ trợ học nghề; chế độ hỗ trợ tìm việc làm.</p>	<p>về BHXH ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>3C4. Phân biệt khái niệm BHXH, bảo hiểm thương mại.</p>
<i>Vấn đề 4:</i> Bảo hiểm y tế	<p>4A1. Nếu được định nghĩa bảo hiểm y tế.</p> <p>4A2. Nếu được đặc điểm riêng của bảo hiểm y tế.</p> <p>4A3. Nếu được mục đích, vai trò và ý nghĩa của bảo</p>	<p>4B1. Phân tích được đặc điểm riêng của bảo hiểm y tế.</p> <p>4B2. Phân tích được 4 nguyên tắc của bảo hiểm y tế.</p> <p>4B3. Phân tích được các hệ thống thực hiện bảo hiểm</p>	<p>4C1. Bình luận về các mô hình thực hiện bảo hiểm y tế trên thế giới.</p> <p>4C2. Bình luận về lộ trình thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân theo pháp luật hiện hành.</p> <p>4C3. Bình luận</p>

	<p>hiểm y tế.</p> <p>4A4. Nêu được 4 nguyên tắc của bảo hiểm y tế.</p> <p>4A5. Nêu được các hệ thống thực hiện bảo hiểm y tế.</p> <p>4A6. Nêu được đối tượng, điều kiện và phạm vi hưởng bảo hiểm y tế theo pháp luật hiện hành.</p> <p>4A7. Nêu được hợp đồng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo pháp luật hiện hành.</p>	<p>y tế.</p> <p>4B4. Phân tích được đối tượng, điều kiện tham gia bảo hiểm y tế theo pháp luật hiện hành.</p> <p>4B5. Phân tích được phạm vi hưởng bảo hiểm y tế theo pháp luật hiện hành.</p> <p>4B6. Phân tích được hợp đồng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo pháp luật hiện hành.</p>	<p>quy định pháp luật hiện hành về đối tượng, điều kiện và phạm vi hưởng bảo hiểm y tế.</p>
<i>Vấn đề 5: Chế độ ưu đãi xã hội</i>	<p>5A1. Nêu được khái niệm, ý nghĩa của chế độ ưu đãi xã hội.</p> <p>5A2. Nêu được 5 nguyên tắc cơ bản của chế độ ưu đãi xã hội.</p> <p>5A3. Nêu được 11 nhóm đối tượng hưởng ưu đãi xã hội.</p> <p>5A4. Nêu được 5 chế độ ưu đãi cơ bản đối với các đối tượng ưu đãi xã hội.</p>	<p>5B1. Phân tích được khái niệm, ý nghĩa của chế độ ưu đãi xã hội.</p> <p>5B2. Phân tích được 5 nguyên tắc cơ bản của chế độ ưu đãi xã hội.</p> <p>5B3. Phân tích điều kiện để được hưởng ưu đãi xã hội của 11 nhóm đối tượng.</p> <p>5B4. Phân tích được 5 chế độ ưu đãi cơ bản đối với các đối tượng ưu đãi xã hội theo</p>	<p>5C1. Nhận xét về quá trình hình thành, phát triển và xu hướng phát triển của chế độ ưu đãi xã hội trong thời gian tới.</p> <p>5C2. Bình luận về việc quy định 11 nhóm đối tượng hưởng ưu đãi xã hội theo pháp luật hiện hành.</p> <p>5C3. Đánh giá về các chế độ ưu đãi đối với các đối tượng ưu đãi xã hội theo pháp luật hiện</p>

		pháp luật hiện hành.	
Vấn đề 6: Chế độ trợ giúp xã hội	<p>6A1. Nếu được khái niệm, ý nghĩa của chế độ trợ giúp xã hội.</p> <p>6A2. Nếu được 3 nguyên tắc cơ bản của chế độ trợ giúp xã hội.</p> <p>6A3. Nếu được 2 loại chế độ trợ giúp xã hội.</p> <p>6A4. Nếu được đối tượng và chế độ hướng chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>6A5. Nếu được đối tượng và chế độ hướng trợ giúp đột xuất theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>6A6. Nếu được quy định hiện hành về tài chính thực hiện chế độ trợ giúp xã hội.</p>	<p>6B1. Phân tích được khái niệm chế độ trợ giúp xã hội.</p> <p>6B2. Phân tích được 3 nguyên tắc cơ bản của chế độ trợ giúp xã hội.</p> <p>6B3. Phân tích được đối tượng và chế độ hướng trợ giúp xã hội thường xuyên theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>6B4. Phân tích được đối tượng và chế độ hướng trợ giúp đột xuất theo quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>6C1. Bình luận về sự khác biệt của chế độ trợ giúp xã hội so với các chế độ khác trong hệ thống ASXH.</p> <p>6C2. Bình luận quy định hiện hành về đối tượng và chế độ hướng trợ giúp xã hội thường xuyên.</p> <p>6C3. Bình luận quy định hiện hành về đối tượng và chế độ hướng trợ giúp xã hội đột xuất theo pháp luật hiện hành.</p>
Vấn đề 7: Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội	<p>7A1. Nếu được định nghĩa và 3 đặc điểm của tranh chấp ASXH.</p> <p>7A2. Nếu được 4 loại tranh chấp</p>	<p>7B1. Phân tích được định nghĩa và 3 đặc điểm của tranh chấp ASXH.</p> <p>7B2. Phân tích được 4 loại tranh</p>	<p>7C1. Bình luận được cơ chế giải quyết tranh chấp ASXH ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>7C2. Nếu được</p>

	ASXH. 7A3. Nếu được khái niệm và 3 yêu cầu của việc giải quyết tranh chấp ASXH. 7A4. Nếu được 3 nguyên tắc giải quyết tranh chấp ASXH. 7A5. Nếu được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về BHXH. 7A6. Nếu được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về bảo hiểm y tế. 7A7. Nếu được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về ưu đãi xã hội. 7A8. Nếu được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về cứu trợ (bảo trợ) xã hội.	chấp ASXH. 7B3. Phân tích được khái niệm và 3 yêu cầu của việc giải quyết tranh chấp ASXH. 7B4. Phân tích được 3 nguyên tắc giải quyết tranh chấp ASXH. 7B5. Phân tích được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về BHXH. 7B6. Phân tích được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về bảo hiểm y tế. 7B7. Phân tích được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về ưu đãi xã hội. 7B8. Phân tích được các dạng tranh chấp và cơ chế giải quyết tranh chấp về cứu trợ (bảo trợ) xã hội.	quan điểm cá nhân về xu hướng pháp luật về giải quyết tranh chấp ASXH ở Việt Nam trong thời gian tới.
--	--	---	---

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	07 vấn đề	20		20	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-5	<p>Chương 1: Luật an sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>1.1. Khái niệm Luật ASXH</p> <p>1.2. Mối quan hệ giữa Luật ASXH và một số ngành luật khác</p> <p>1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật ASXH</p> <p>1.4. Nguồn của Luật ASXH</p> <p>1.5. Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và ASXH</p> <p>1.6. Vai trò, ý nghĩa của Luật ASXH</p> <p>1.7. Lịch sử Luật ASXH Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

Tiết 6-11	Chương 2: Quan hệ pháp luật an sinh xã hội 2.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật ASXH 2.2. Các quan hệ pháp luật ASXH	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 12-19	Chương 3: Bảo hiểm xã hội 3.1. Khái quát về BHXH 3.2. Chế độ bảo hiểm ốm đau 3.3. Chế độ bảo hiểm thai sản 3.4. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 3.5. Chế độ bảo hiểm hưu trí 3.6. Chế độ tử tuất 3.7. Bảo hiểm thất nghiệp	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 20-25	Chương 4: Bảo hiểm y tế 4.1. Khái quát về bảo hiểm y tế 4.2. Chế độ bảo hiểm y tế	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 26-31	Chương 5: Chế độ ưu đãi xã hội	- Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu	- Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời

	<p>5.1. Khái quát về ưu đãi xã hội</p> <p>5.2. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và thủ tục xác nhận</p> <p>5.3. Các chế độ ưu đãi xã hội</p>	<p>tình huống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, giải đáp 	câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 32-37	<p>Chương 6: Chế độ trợ giúp xã hội</p> <p>6.1. Khái quát về chế độ trợ giúp xã hội</p> <p>6.2. Chế độ trợ giúp xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 38-43	<p>Chương 7: Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội</p> <p>7.1. Những vấn đề chung về tranh chấp ASXH</p> <p>7.2. Giải quyết tranh chấp ASXH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 44-45	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên	10	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10

	cần	10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình luật an sinh xã hội*, Nxb. CAND, Hà Nội;

2. Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;
3. Luật bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Luật việc làm năm 2013;
2. Luật an toàn lao động, vệ sinh lao động 2015;
3. Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Quang

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
nguyễn văn quang

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cảnh Hồ
TS. Nguyễn Thị Cảnh Hồ



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Pháp luật cộng đồng ASEAN

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật

+ **Bậc học:** Đại học

+ **Hệ Chính quy**

- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết

- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01- Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Pháp luật cộng đồng ASEAN, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

– Nêu và phân tích được quá trình hình thành; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và hệ thống thiết chế pháp lý của ASEAN nói chung và Cộng đồng ASEAN nói riêng.

– Nhận diện được mô hình liên kết của Cộng đồng ASEAN, trên cơ sở đó có thể so sánh được với mô hình liên kết của các tổ chức quốc tế khu vực khác, chẳng hạn như với Liên minh châu Âu.

– Trình bày và phân tích được khái niệm, tính chất và nguồn của pháp luật Cộng đồng ASEAN.

– Bình luận được mô hình liên kết của Cộng đồng kinh tế ASEAN và vận dụng được các vấn đề pháp lý cụ thể về tự do hóa thương mại hàng hoá, đầu tư, dịch vụ và lao động lành nghề trong ASEAN.

– Nhận diện được mô hình liên kết của Cộng đồng chính trị-an ninh, đồng thời nêu và phân tích được các kiến thức pháp lý cụ thể về Diễn đàn khu vực ASEAN

(ARF), hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự và phòng chống tội phạm xuyên quốc gia của ASEAN.

- Nhận diện và đánh giá được mô hình liên kết và vai trò của Cộng đồng văn hóa-xã hội, cũng như các hợp tác chuyên ngành của cộng đồng này.
- Nếu được cơ chế hợp tác ngoại khôi của ASEAN, phân tích được các vấn đề pháp lý cụ thể về ASEAN+1, ASEAN+3 và cấp cao Đông Á.
- Trình bày và vận dụng được các vấn đề pháp lý của Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN, trên cơ sở đó so sánh được với các cơ chế giải quyết tranh chấp tương tự (như cơ chế của WTO).
- Đánh giá được thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam; vai trò của ASEAN trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo chủ quyền quốc gia, chủ trương và định hướng hội nhập ASEAN của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

2.2. Về kỹ năng

- Hình thành và phát triển kỹ năng tiếp cận, khai thác các nguồn tài liệu ở các cơ quan, viện nghiên cứu và tổ chức khác nhau; kỹ năng khai thác và xử lý tài liệu trên internet.
- Góp phần rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và xử lý các văn bản pháp luật bằng tiếng Anh.
- Góp phần rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu khoa học độc lập hoặc theo nhóm đối với các vấn đề về luật quốc tế và luật nước ngoài.
- Hình thành và phát triển năng lực tiếp cận, thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng phân tích, bình luận và đánh giá khoa học các vấn đề về ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN.
- Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh luật, vận dụng vào việc nghiên cứu các tổ chức quốc tế khu vực khác, nhất là đối với Liên minh châu Âu - tổ chức quốc tế khu vực thành công nhất trên thế giới hiện nay để rút ra các bài học kinh nghiệm cho ASEAN.
- Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng và áp dụng các quy định pháp luật Cộng đồng ASEAN trong thực tiễn.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thê bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Nhận thức đúng đắn và khách quan về ASEAN nói riêng và chủ nghĩa khu vực hiện nay nói chung, vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.
- Tích cực góp phần tham gia vào công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương và định hướng hội nhập ASEAN của Đảng và Nhà nước ta.
- Nhận thức đúng vai trò của pháp luật ASEAN và pháp luật quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay của Việt Nam.
- Tích cực góp phần tham gia vào công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật Cộng đồng ASEAN.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>	<i>Bậc 1</i>	<i>Bậc 2</i>	<i>Bậc 3</i>
<i>Vấn đề 1:</i> Nhập môn pháp luật Cộng đồng ASEAN	<p>1A1. Nêu được các giai đoạn trong lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN.</p> <p>1A2. Nêu được mục đích và các nguyên tắc hoạt động của ASEAN.</p> <p>1A3. Trình bày được thành viên và cơ cấu tổ chức của</p>	<p>1B1. Phân tích được đặc điểm của từng giai đoạn trong lịch sử hình thành và phát triển của ASEAN.</p> <p>1B2. Phân tích được mối quan hệ giữa mục đích và các nguyên tắc hoạt động của ASEAN.</p> <p>1B3. Hiểu được vị trí và vai trò của từng cơ quan trong hệ thống cơ</p>	<p>1C1. Đánh giá được thành tựu đạt được trong các giai đoạn hình thành và phát triển của ASEAN.</p> <p>1C2. So sánh được xu hướng phát triển của ASEAN và Liên minh châu Âu.</p> <p>1C3. Bình luận được đặc thù của hệ thống cơ cấu tổ chức của</p>

	<p>ASEAN.</p> <p>1A4. Nêu được khái niệm, mục tiêu và các nguyên tắc hoạt động của Cộng đồng ASEAN.</p> <p>1A5. Trình bày được mô hình liên kết của Cộng đồng ASEAN.</p> <p>1A6. Nhận diện được khái niệm pháp luật và các loại nguồn luật của Cộng đồng ASEAN.</p>	<p>cấu tổ chức của ASEAN.</p> <p>1B4. Nhận diện và phân biệt được Cộng đồng ASEAN với ASEAN.</p> <p>1B5. Hiểu được vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa các trụ cột của Cộng đồng ASEAN.</p> <p>1B6. Phân tích được các đặc điểm của pháp luật Cộng đồng ASEAN.</p> <p>1B7. Phân tích được tính chất và vai trò của từng loại nguồn luật Cộng đồng ASEAN.</p>	<p>ASEAN.</p> <p>1C4. Bình luận được mô hình liên kết của ASEAN và so sánh với Liên minh châu Âu.</p> <p>1C5. Bình luận được bản chất của pháp luật Cộng đồng ASEAN.</p> <p>1C6. So sánh được nguồn luật của Cộng đồng ASEAN với nguồn luật của Luật quốc tế và của các tổ chức quốc tế khác (như Liên minh châu Âu, Liên hợp quốc...).</p>
<p>Vấn đề 2: Luật Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN</p>	<p>2A1. Nêu được khái niệm, mục tiêu của Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN.</p> <p>2A2. Trình bày được mô hình hợp tác của Cộng đồng an ninh chính trị ASEAN.</p> <p>2A3. Nêu được mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và phương thức hợp tác của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF).</p>	<p>2B1. Phân tích được bản chất và cấp độ liên kết của Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN.</p> <p>2B2. Phân tích được cấu trúc nội dung và các phương thức thực hiện trong Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN.</p> <p>2B3. Nhận diện và phân tích được cơ chế hợp tác và vị trí, vai trò</p>	<p>2C1. Bình luận được vai trò của Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN trong duy trì an ninh và hoà bình trong khu vực.</p> <p>2C2. Bình luận được mối quan hệ của Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN với Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hoá-xã hội.</p>

	<p>2A4. Nêu được lịch sử và cơ chế hợp tác quốc phòng của ASEAN.</p> <p>2A5. Trình bày được phạm vi và thủ tục tương trợ tư pháp hình sự theo quy định của Hiệp định tương trợ về hình sự giữa các quốc gia ASEAN.</p> <p>2A6. Nêu được nội dung và phương thức thực hiện trong hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia của ASEAN.</p>	<p>của ARF trong cấu trúc an ninh khu vực châu Á- Thái Bình Dương.</p> <p>2B4. Làm rõ được các đặc điểm và vai trò của hợp tác quốc phòng trong duy trì an ninh, hoà bình khu vực và đảm bảo chủ quyền của các quốc gia thành viên ASEAN.</p> <p>2B5. Phân tích được các đặc điểm và vai trò của hoạt động tương trợ tư pháp hình sự trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm của các quốc gia ASEAN.</p> <p>2B6. Phân tích được cơ chế hợp tác và vai trò của phòng chống tội phạm xuyên quốc gia của ASEAN.</p>	<p>2C3. Đánh giá được cơ hội, thách thức và triển vọng của Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN.</p> <p>2C4. So sánh được mô hình hợp tác của Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN với hợp tác tư pháp và nội vụ của Liên minh châu Âu.</p> <p>2C5. Bình luận được phạm vi, cấp độ, phương thức hợp tác và vai trò của hợp tác tư pháp ASEAN trong duy trì an ninh và trật tự xã hội trong khu vực.</p> <p>2C6. Đánh giá được thực tiễn xây dựng Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN.</p>
Vấn đề 3: Luật Cộng đồng kinh tế ASEAN	<p>3A1. Trình bày được khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3A2. Nêu được các nội dung pháp lý,</p>	<p>3B1. Phân tích được mô hình hợp tác, cấp độ liên kết và bản chất của Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3B2. Nhận diện và làm rõ được các đặc điểm của Cộng đồng kinh tế</p>	<p>3C1. Bình luận được vai trò của Cộng đồng kinh tế ASEAN đối với việc xây dựng và phát triển của Cộng đồng ASEAN, Cộng đồng chính trị-an ninh, Cộng đồng văn hoá-</p>

	<p>phương thức xây dựng và thực hiện Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3A3. Biết được khái niệm, mục tiêu, lịch sử hình thành, cơ sở pháp lý, nguyên tắc và phương thức xây dựng Khu vực thương mại tự do ASEAN.</p> <p>3A4. Năm được chương trình tự do hóa thuế quan và các biện pháp phi thuế quan trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3A5. Trình bày được các vấn đề pháp lý cơ bản về quy tắc xuất xứ hàng hoá và các biện pháp, chương trình thuận lợi hóa thương mại hàng hoá.</p> <p>3A6. Biết được khái niệm, mục tiêu, lịch sử hình thành, cơ sở pháp lý, nguyên tắc và phương thức xây dựng Khu vực đầu tư ASEAN.</p>	<p>ASEAN.</p> <p>3B3. Phân tích được cơ chế hợp tác, các đặc điểm và bản chất của Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA).</p> <p>3B4. Phân tích được vị trí và vai trò của AFTA đối với việc xây dựng và phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN và đối với các nền kinh tế thành viên.</p> <p>3B5. Phân tích được cơ chế hợp tác, các đặc điểm và bản chất của Khu vực đầu tư ASEAN.</p> <p>3B6. Phân tích được vị trí và vai trò của Khu vực đầu tư ASEAN đối với việc xây dựng và phát triển của Cộng đồng kinh tế ASEAN và đối với các nền kinh tế thành viên.</p> <p>3B7. Nhận diện và phân tích được mối quan hệ giữa AFTA và AIA.</p> <p>3B8. Nhận diện và phân tích được cơ chế hợp tác và các đặc điểm trong tự do hóa</p>	<p>xã hội và các nền kinh tế thành viên trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>3C2. So sánh được mô hình hợp tác của Cộng đồng kinh tế ASEAN với Liên minh kinh tế-tiền tệ châu Âu.</p> <p>3C3. Bình luận và so sánh được mức độ tự do hóa thương mại trong Cộng đồng kinh tế ASEAN với các liên kết kinh tế quốc tế khác (như với Diễn đàn kinh tế châu Á-Thái Bình Dương APEC hoặc Tổ chức thương mại thế giới WTO...).</p> <p>3C4. Bình luận được về mục tiêu và phương thức xây dựng “tính cạnh tranh” của Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3C5. Bình luận được về mục tiêu và phương thức xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN</p>
--	--	---	---

	<p>3A7. Nắm được các phương thức và lộ trình tự do hóa đầu tư trong ASEAN.</p> <p>3A8. Trình bày được các biện pháp và chương trình bảo hộ, xúc tiến và thuận lợi hóa đầu tư trong ASEAN.</p> <p>3A9. Nêu được phạm vi và phương thức tự do hóa dịch vụ và lao động trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3A10. Biết được các phương thức và chương trình thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p>	<p>dịch vụ và lao động của ASEAN.</p> <p>3B9. Làm rõ được vị trí và vai trò của tự do hóa dịch vụ và lao động lành nghề trong xây dựng và phát triển Cộng đồng kinh tế ASEAN và đối với sự phát triển của các nền kinh tế thành viên trong bối cảnh hội nhập.</p> <p>3B10. Hiểu được nhu cầu khách quan trong việc thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p>	<p>thành một khu vực phát triển kinh tế bình đẳng.</p> <p>3C6. Bình luận được về mục tiêu và phương thức xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN thành một khu vực có tính “mở” và “hội nhập” với kinh tế toàn cầu”.</p> <p>3C7. Đánh giá được thách thức và triển vọng của Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>3C8. Đánh giá được thực tiễn xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p>
<i>Vấn đề 4:</i> Luật Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN	<p>4A1. Trình bày được khái niệm, cơ sở hình thành, mục tiêu và nguyên tắc của Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN.</p> <p>4A2. Nêu được các thiết chế pháp lý và phương thức xây dựng và thực hiện Cộng đồng văn hóa-</p>	<p>4B1. Làm rõ được cơ chế hợp tác của Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN.</p> <p>4B2. Nhận diện và phân tích được các đặc thù trong mô hình hợp tác của Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN.</p> <p>4B3. Làm rõ được cơ</p>	<p>4C1. Bình luận được về bản chất và tính tất yếu của Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN.</p> <p>4C2. So sánh được mô hình hợp tác của Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN với mô hình hợp tác của Cộng đồng chính trị-</p>

	<p>xã hội ASEAN.</p> <p>4A3. Năm được mục tiêu, các chương trình phát triển con người và xã hội trong Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN.</p> <p>4A4. Trình bày được mục tiêu và các chương trình nhằm đảm bảo môi trường bền vững của ASEAN.</p> <p>4A5. Trình bày được mục tiêu và các chương trình “tạo dựng bản sắc ASEAN”.</p> <p>4A6. Trình bày được mục tiêu và các chương trình thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN.</p>	<p>chế hợp tác trong hoạt động phát triển con người và xã hội trong Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN.</p> <p>4B4. Làm rõ được cơ chế hợp tác trong hoạt động đảm bảo môi trường bền vững của ASEAN.</p> <p>4B5. Làm rõ được cơ chế hợp tác trong hoạt động tạo dựng bản sắc ASEAN.</p> <p>4B6. Nhận diện và phân biệt được hoạt động thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN với hoạt động thu hẹp khoảng cách phát triển trong Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p>	<p>an ninh và Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p> <p>4C3. Đánh giá được vai trò của Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN đối với việc xây dựng và phát triển Cộng đồng ASEAN, Cộng đồng kinh tế, Cộng đồng chính trị-an ninh và với sự phát triển văn hoá-xã hội của các nước thành viên.</p> <p>4C4. Đánh giá được các thành tựu đạt được của Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN.</p> <p>4C5. Đánh giá được cơ hội, thách thức và triển vọng của Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN.</p>
<p><i>Vấn đề 5:</i> Các vấn đề pháp lý về hợp tác ngoại khôi, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện</p>	<p>5A1. Nêu được khái niệm, nguyên tắc hợp tác, các thiết chế đối ngoại, quy chế đối tác, khuôn khổ và lĩnh vực hợp tác của hợp tác</p>	<p>5B1. Nhận diện và phân tích được các đặc điểm trong hợp tác ngoại khôi của ASEAN.</p> <p>5B2. Làm rõ được mối quan hệ, tác động</p>	<p>5C1. Bình luận được vai trò của hợp tác ngoại khôi trong xây dựng, phát triển và nâng cao vị thế của ASEAN, Cộng đồng ASEAN và các</p>

nghĩa vụ thành viên của Việt Nam	<p>ngoại khôi.</p> <p>5A2. Trình bày được cơ chế hợp tác và các thành tựu nội bật trong hợp tác ASEAN+1, ASEAN+3 và Cấp cao Đông Á.</p> <p>5A3. Trình bày được khái niệm, cơ sở pháp lý, phạm vi áp dụng, trình tự giải quyết tranh chấp an ninh-chính trị của ASEAN.</p> <p>5A4. Trình bày được khái niệm, cơ sở pháp lý, phạm vi áp dụng, trình tự giải quyết tranh chấp kinh tế-thương mại của ASEAN.</p> <p>5A5. Nêu được vai trò của ASEAN đối với việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đảm bảo chủ quyền quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay.</p> <p>5A6. Nêu được thực</p>	<p>lẫn nhau giữa các khuôn khổ hợp tác ASEAN+1, ASEAN+3 và Cấp cao Đông Á.</p> <p>5B3. Phân tích được xu thế và các định hướng trong cơ chế hợp tác ngoại khôi của ASEAN.</p> <p>5B4. Phân tích được các đặc điểm trong cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN.</p> <p>5B5. Nhận diện và phân tích được các ưu và nhược điểm trong cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế-thương mại với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.</p> <p>5B6. Nhận diện và làm rõ được vị trí, vai trò của từng thể chế giải quyết tranh chấp và phân tích được mối quan hệ giữa các thể chế đó.</p> <p>5B7. Phân tích được đặc thù trong từng giai đoạn hội nhập ASEAN của Việt Nam.</p> <p>5B8. Phân tích được vị trí và vai trò của ASEAN trong chính sách đối ngoại tổng thể của Nhà nước ta hiện</p>	<p>nước thành viên.</p> <p>5C2. Đánh giá được các thành tựu trong hợp tác ngoại khôi của ASEAN.</p> <p>5C3. So sánh được cơ chế giải quyết tranh chấp an ninh-chính trị của ASEAN với các biện pháp giải quyết tranh chấp trong Công pháp quốc tế.</p> <p>5C4. So sánh được cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế-thương mại với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.</p> <p>5C5. Bình luận được vai trò của cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN trong ổn định và phát triển các quan hệ hợp tác của ASEAN.</p> <p>5C6. Đánh giá được thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN của Việt Nam và gợi ý được các vấn đề liên quan đến giải pháp</p>
----------------------------------	---	--	---

	<p>tiễn thực hiện nghĩa vụ thành viên và những đóng góp của Việt Nam trong quá trình xây dựng ASEAN và Cộng đồng ASEAN.</p> <p>5A7. Trình bày được chủ trương và những định hướng chính trong hội nhập ASEAN của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.</p>	<p>nay.</p> <p>5B9. Phân tích được các phản ứng chính sách của Việt Nam đối với việc hình thành và phát triển của Cộng đồng ASEAN, Cộng đồng chính trị-an ninh, Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN.</p>	<p>tăng cường hiệu quả thực hiện nghĩa vụ thành viên và nâng cao vị thế của Việt Nam trong ASEAN.</p> <p>5C7. Đánh giá được thực tiễn hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm thực hiện nghĩa vụ thành viên ASEAN.</p>
--	---	---	---

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	05 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-3	<p>Chương 1: Nhập môn pháp luật Cộng đồng ASEAN</p> <p>1.1. Những vấn đề lý luận về ASEAN</p> <p>1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật cộng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	đồng ASEAN		
Tiết 4-9	<p>Chương 2: Luật Cộng đồng chính trị-an ninh ASEAN</p> <p>2.1. Khái quát về Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN</p> <p>2.2. Diễn đàn khu vực ASEAN - ARF.</p> <p>2.3. Tương trợ tư pháp hình sự ASEAN.</p> <p>2.4. Khái quát về Cộng đồng kinh tế ASEAN.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 10-15	<p>Chương 3: Luật Cộng đồng kinh tế ASEAN</p> <p>3.1. Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)</p> <p>3.2. Tự do hóa thương mại dịch vụ trong ASEAN</p> <p>3.3. Tự do hóa đầu tư trong ASEAN.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 16-21	<p>Chương 4: Luật Cộng đồng văn hoá-xã hội ASEAN</p> <p>4.1. Khái quát về Cộng đồng văn hoá - xã hội ASEAN.</p> <p>4.2. Hợp tác chuyên ngành.</p> <p>4.3. Pháp luật về vay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	vốn các tổ chức tín dụng khác		
Tiết 22-27	<p>Chương 5: Các vấn đề pháp lý về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam</p> <p>5.1. Khái quát về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam</p> <p>5.2. Cơ chế hợp tác ngoại khối của ASEAN</p> <p>5.3. Cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 28-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10

			<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm 	
		15	<ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình luật so sánh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

- Nguyễn Hồng Sơn (2016), *Hỏi đáp về cộng đồng kinh tế ASEAN*, Nxb. Thông tin và truyền thông;
- Nghị định của Chính phủ số 13/2005/NĐ-CP ngày 3/2/2005 về việc sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung của các nước ASEAN cho các năm 2005 - 2013;
- Thông tư 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 về việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA- 2009).

Cần Thơ, ngày 15 tháng 20 năm 2020



P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Chí Ông

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cẩm Huyền

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU THẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ ĐẦU THẦU

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Pháp luật về đấu thầu
- **Đối tượng áp dụng:**
 - + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C0-1, Khu Hiệu Bộ - Số 168 - Nguyễn Văn Cừ (Nối dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Năm được những vấn đề chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu;
- Năm được nội dung các qui định cơ bản của các Hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO;
- Năm được nội dung các qui định cơ bản của các Hiệp định về mua sắm Chính phủ của Hiệp định CPTPP và EVFTA;
- Năm được nội dung các qui định của pháp luật Việt Nam về đấu thầu.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa vấn đề về đấu thầu;
- Bước đầu hình thành kỹ năng phân tích những vấn đề pháp lý quốc tế và pháp luật của Việt Nam về đấu thầu;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện.
- Phát triển khả năng truy cập nguồn thông tin tư liệu điện tử trên mạng Internet.
- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Mục tiêu	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Vấn đề			
1. Nhữn g vấn đề lí luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu	<p>1A1. Nêu được khái niệm đấu thầu.</p> <p>1A2. Nêu được 2 cách phân loại các hình thức đấu thầu. Cho 01 ví dụ tương ứng với mỗi hình thức.</p> <p>1A3. Nêu được vai trò của đấu thầu trong thương mại.</p> <p>1A4. Nêu được khái niệm Pháp luật về đấu thầu.</p> <p>1A5. Trình bày được 4 nguyên tắc cơ bản điều chỉnh hoạt động đấu thầu.</p> <p>1A6. Nêu được 3 nhóm chủ thể cơ bản trong quan hệ đấu thầu.</p> <p>1A7. Nêu được 3 loại nguồn cơ bản điều chỉnh trong lĩnh vực đấu thầu.</p>	<p>1B1. Phân tích được vai trò của đấu thầu trong thương mại.</p> <p>1B2. Phân tích được nội dung 4 nguyên tắc cơ bản điều chỉnh hoạt động đấu thầu.</p> <p>1B3. Phân tích được mối liên hệ và vai trò của 3 nhóm chủ thể cơ bản trong quan hệ đấu thầu.</p> <p>1B4. Phân tích được mối liên hệ giữa pháp luật về đấu thầu với pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng.</p>	<p>1C1. Bình luận được về vai trò của hoạt động đấu thầu trong thương mại.</p> <p>1C2. Đánh giá được về thực trạng hoạt động đấu thầu ở Việt Nam và trên phạm vi toàn thế giới hiện nay.</p> <p>1C3. Đánh giá được vai trò của pháp luật về đấu thầu trong việc góp phần đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong thương mại.</p>
2. Đấu thầu	2A1. Trình bày được lịch sử ra đời và sự	2B1. Phân tích được nội dung nguyên tắc	2C1. Bình luận được về nguyên tắc không

mua sắm của Chính phủ và những nội dung pháp lý cơ bản của Hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO (GPA)	<p>phát triển của các GPA.</p> <p>2A2. Nếu được phạm vi điều chỉnh của các GPA.</p> <p>2A3. Nếu được 2 nguyên tắc cơ bản điều chỉnh lĩnh vực đấu thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2A4. Trình bày được nội dung nguyên tắc không phân biệt đối xử theo qui định của các GPA.</p> <p>2A5. Trình bày được nội dung nguyên tắc minh bạch theo qui định của các GPA.</p> <p>2A6. Liệt kê được 3 phương thức đấu thầu theo qui định của các GPA. Cho mỗi phương thức 01 ví dụ.</p> <p>2A7. Trình bày được các yêu cầu về năng lực nhà thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2A8. Trình bày được nội dung qui định về thời hạn trong đấu thầu và giao hàng theo qui định của GPA.</p> <p>2A9. Nếu được các yêu cầu về tài liệu đấu thầu theo qui định của các GPA.</p>	<p>không phân biệt đối xử trong lĩnh vực đấu thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2B2. Phân tích được nội dung nguyên tắc minh bạch hóa trong lĩnh vực đấu thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2B3. So sánh được 3 phương thức đấu thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2B4. Phân tích được trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2B5. Phân tích được những điểm mới cơ bản của GPA 2012 so với GPA 1994.</p> <p>2B6. Vận dụng để giải quyết tình huống tranh chấp cụ thể liên quan tới vấn đề mua sắm Chính phủ trong khuôn khổ WTO.</p>	<p>phân biệt đối xử và minh bạch hóa trong lĩnh vực đấu thầu theo qui định của các GPA.</p> <p>2C2. Bình luận được vai trò của các GPA trong việc đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong thương mại và thực hiện các mục tiêu cơ bản của WTO.</p> <p>2C3. Bình luận được về những vấn đề mới đặt ra đối với lĩnh vực mua sắm Chính phủ trong khuôn khổ WTO.</p>
--	--	---	---

	2A10. Nếu được trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định của các GPA.		
3. Đầu thầu mua sắm của Chính phủ theo quy định của Hiệp định CPTPP và EVFTA	<p>3A1. Nếu được quy định về phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3A2. Trình bày được nội dung nguyên tắc không phân biệt đối xử theo qui định của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3A3. Trình bày được nội dung nguyên tắc minh bạch theo qui định của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3A4. Liệt kê được 3 phương thức đấu thầu theo qui định của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3A5. Nếu được trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3A6. Nếu được quy định về phạm vi điều chỉnh của EVFTA.</p> <p>3A7. Trình bày được nội dung nguyên tắc không phân biệt đối xử theo qui định của EVFTA.</p> <p>3A8. Trình bày được nội dung nguyên tắc</p>	<p>3B1. Phân tích được quy định về phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3B2. Phân tích được nội dung nguyên tắc không phân biệt đối xử theo qui định của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3B3. Phân tích được nội dung nguyên tắc minh bạch theo qui định của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3B4. Phân tích được quy định về phạm vi điều chỉnh của EVFTA.</p> <p>3B5. So sánh được trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định của Hiệp định CPTPP và EVFTA.</p>	<p>3C1. Bình luận được quy định về phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP.</p> <p>3C2. Bình luận được quy định về phạm vi điều chỉnh của EVFTA.</p>

	<p>minh bạch theo qui định của EVFTA.</p> <p>3A9. Liệt kê được 3 phương thức đấu thầu theo qui định của EVFTA.</p> <p>3A10. Nêu được trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định của EVFTA.</p>		
<p>4. Các qui định của pháp luật Việt Nam về đấu thầu</p>	<p>4A1. Nêu được phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4A2. Liệt kê được điều kiện của các chủ thầu khi tổ chức và tham gia đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>3A3. Liệt kê được ba hình thức lựa chọn nhà thầu trong đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4A4. Nêu được ba phương thức đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4A5. Trình bày được hai phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4A6. Nêu được thời hạn trong đấu thầu</p>	<p>4B1. Phân tích được phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4B2. Vận dụng được phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2013 để xử lí tình huống cụ thể.</p> <p>4B3. Phân tích được nội dung pháp lý về đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại Việt Nam.</p> <p>4B4. Phân tích được nội dung ba điều khoản phổ biến trong hợp đồng đấu thầu. Vận dụng để soạn thảo ba điều khoản đó cho 01 hợp đồng cụ thể.</p> <p>4B5. Phân tích được đặc điểm của ba loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh phổ biến trong lĩnh vực đấu</p>	<p>4C1. Bình luận được về thực trạng tiến hành các hoạt động tổ chức và tham gia đấu thầu ở Việt Nam.</p> <p>4C2. Bình luận được nội dung pháp luật Việt Nam về trình tự, thủ tục trong đấu thầu.</p> <p>4C3. Bình luận được về thực trạng kí kết và thực hiện các hợp đồng trong đấu thầu tại Việt Nam.</p> <p>4C4. Bình luận được về việc xử lí các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu ở Việt Nam.</p>

<p>theo qui định của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4A7. Trình bày được trình tự, thủ tục đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2013.</p> <p>4A8. Nêu được phạm vi áp dụng và chủ thể trong hoạt động đấu thầu thương mại theo qui định của Luật Thương mại 2005.</p> <p>4A9. Nêu được các hình thức lựa chọn nhà thầu trong đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại 2005.</p> <p>4A10. Nêu được các phương thức đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại 2005.</p> <p>4A11. Trình bày được khái niệm và đặc điểm của hợp đồng trong đấu thầu.</p> <p>4A12. Trình bày được ít nhất ba điều khoản phổ biến trong hợp đồng đấu thầu.</p> <p>4A13. Liệt kê được ba hành vi cạnh tranh không lành mạnh phổ biến trong lĩnh vực đấu thầu. Cho mỗi loại 01 ví dụ.</p> <p>4A14. Nêu được 3 loại trách nhiệm pháp lý đối</p>	<p>thầu. Vận dụng để giải quyết 01 tình huống cụ thể.</p> <p>4B6. Phân tích được trách nhiệm pháp lí của chủ thể có hành vi vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu ở Việt Nam.</p>	
--	---	--

	với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu theo qui định của pháp luật Việt Nam. Cho mỗi loại 01 ví dụ.		
--	--	--	--

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	4 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-8	<p>Vấn đề 1. Những vấn đề lí luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu</p> <p>1. Khái quát chung về đấu thầu</p> <p>2. Pháp luật về đấu thầu</p> <p>3. Nguồn của pháp luật về đấu thầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề tài từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 9-18	<p>Vấn đề 2. Đấu thầu mua sắm của Chính phủ và những nội dung pháp lý cơ bản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc.

	<p>của các hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO</p> <p>1. Tổng quan về vấn đề đấu thầu mua sắm của Chính phủ và các hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO (GPA).</p> <p>2. Những nội dung pháp lý cơ bản về đấu thầu theo qui định của GPA 1994 và GPA 2012.</p> <p>3. Những điểm mới cơ bản của GPA 2012 so với GPA 1994.</p>	<p>đến bài giảng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 19-23	<p>Vấn đề 3. Đấu thầu mua sắm của Chính phủ theo quy định của Hiệp định CPTPP và EVFTA</p> <p>1. Những nội dung pháp lý cơ bản về đấu thầu mua sắm của Chính phủ theo qui định của Hiệp định CPTPP</p> <p>2. Những nội dung pháp lý cơ bản về đấu thầu mua sắm của Chính phủ theo qui định của EVFTA</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. <p><i>GV rà đe kiểm tra</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống. <p><i>SV làm bài kiểm tra cá nhân.</i></p>
Tiết 24 – 30	<p>Vấn đề 4. Pháp luật Việt Nam về đấu thầu</p> <p>1. Đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu</p> <p>2. Đấu thầu thương mại theo qui định của Luật Thương mại</p> <p>3. Hợp đồng trong đấu thầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải

	4. Vi phạm và xử lí vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu Ôn tập kết thúc môn	vi phạm và xử lí vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu Ôn tập kết thúc môn	quyết định huống.
--	--	---	-------------------

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tinh thần chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án 	10

		của đề thi.	
--	--	-------------	--

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*, NXB. Công an nhân dân. Hà Nội, 2017.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO (Government Procurement Agreement - GPA 1994) ký ngày 15/4/1994, có hiệu lực từ 1/1/1996.

2. Hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO (Government Procurement Agreement - GPA 2012) ký ngày 30/3/2012, có hiệu lực từ ngày 06/4/2014.

3. Trường Đại học Luật Hà Nội, Tài liệu hội thảo cấp Trường "Hiệp định về mua sắm Chính phủ của WTO và vấn đề gia nhập của Việt Nam", 2014.

4. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019.

5. Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA).

6. Bộ luật dân sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



TS. Nguyễn Văn Quang

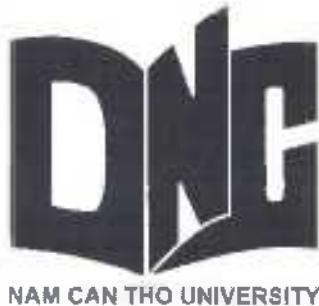
P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cẩm Hà
TS. Nguyễn Thị Cẩm Hà

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG
THAM NHŨNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Pháp luật về phòng chống tham nhũng
- **Đối tượng áp dụng:**
 - + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C0-1, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nội dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Mô tả, phân tích được những vấn đề lý luận và quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng như: khái niệm, tác hại của tham nhũng, những nguyên nhân dẫn đến tham nhũng; các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

2.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng trong công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng.
- Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp.
 - Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;
 - Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;
 - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
 - Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.

- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng	<p>1A1. Nêu được khái niệm hành vi tham nhũng</p> <p>1A2. Nêu được các đặc điểm của hành vi tham nhũng.</p> <p>1A3. Mô tả được các hành vi tham nhũng và tội phạm tham nhũng.</p>	<p>1B1. Phân tích được các đặc điểm tham nhũng.</p> <p>1B2. Phân tích được các dấu hiệu của hành vi tham nhũng và các dấu hiệu của các tội tham nhũng.</p> <p>1B3. Chỉ ra được sự hình thành, phát triển của pháp luật về phòng chống tham nhũng qua các thời kỳ lịch sử.</p>	<p>1C1. Phân biệt được các tội tham nhũng.</p>
2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng	<p>2A1. Nêu được các nguyên nhân dẫn đến tham nhũng</p> <p>2A2. Mô tả được các tác hại của tham nhũng.</p>	<p>2B1. Phân tích được các nguyên nhân của tham nhũng.</p> <p>2B2. Phân tích được các tác hại của tham nhũng.</p>	<p>2C1. Đánh giá được tác hại của các hành vi tham nhũng.</p>
3. Ý nghĩa của phòng chống tham nhũng và trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng	<p>3A1. Nêu các ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phòng chống tham nhũng.</p> <p>3A2. Xác định được trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>	<p>3B1. Phân tích được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng.</p> <p>3B2. Phân tích được trách nhiệm của từng đối tượng trong công tác phòng chống tham nhũng.</p>	<p>3C1. Đánh giá được thực tiễn về trách nhiệm của các chủ thể trong công tác phòng chống tham nhũng.</p>

4. Các giải pháp phòng chống tham nhũng	4.A1. Nêu được các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	4.B1. Phân tích được các giải pháp trong phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.	4C1. Đánh giá được các giải pháp phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.
5. Pháp luật quốc tế về phòng chống tham nhũng	<p>5A1. Nêu được quan điểm của cộng đồng quốc tế về phòng chống tham nhũng.</p> <p>5A2. Nêu được một số thông tin về Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.</p> <p>5A3. Mô tả được kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về phòng chống tham nhũng.</p>	<p>5B1. Xác định được các quy định về hình sự hóa và thực thi pháp luật của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng</p> <p>5B2. Phân tích được các giải pháp phòng chống tham nhũng một số quốc gia trên thế giới.</p>	<p>5C1. Đánh giá và vận dụng được kinh nghiệm phòng chống tham nhũng của một số quốc gia vào Việt Nam.</p> <p>5C2. Nêu ra được nhận xét về tính tương thích của pháp luật Việt Nam với Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng</p>

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	5 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-9 tiết	<i>Vấn đề 1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham</i>	- GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho	- SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề

	nhũng 1.1. Khái niệm tham nhũng; 1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng; 1.3. Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng;	nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	tài từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 10-15	Vấn đề 2: Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng. 2.1. Nguyên nhân tham nhũng 2.2. Tác hại của tham nhũng	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.	- SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 16-21	Vấn đề 3: Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng 3.1. Phòng chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng nhà nước pháp quyền; 3.2. Phòng chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống nhân dân 3.3. Phòng chống tham nhũng	- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết	- SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>góp phần duy trì các giá trị truyền thống, làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội.</p> <p>3.4. Phòng chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào nhà nước và pháp luật.</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>	<p>tình huống.</p> <p><i>GV ra đề kiểm tra</i></p>	<p><i>SV làm bài kiểm tra cá nhân.</i></p>
Tiết 22 – 27	<p>Vấn đề 4: Các giải pháp phòng ngừa tham nhũng</p> <p>.4.1. Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>4.2. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.</p> <p>4.3. Xây dựng quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>4.4. Minh bạch tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 28-30	<p>Vấn đề 5. Pháp luật quốc tế về phòng chống tham nhũng</p> <p>5.1. Quan điểm của cộng đồng quốc tế về phòng, chống tham nhũng</p> <p>5.2. Giới thiệu kinh nghiệm của một số quốc gia về phòng, chống tham nhũng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1		10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị	10

	Chuyên cần		bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
2			<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm 	
		15	<ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi. 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng chuyên về luật*, Hà Nội.
2. Luật phòng chống tham nhũng năm 2018
3. Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng chống tham nhũng.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Công ước của Liên hợp quốc chống tham nhũng (2003).
2. Ban nội chính Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Kinh nghiệm phòng chống tham nhũng của một số nước trên thế giới, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



TS. Nguyễn Văn Quang

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Dũng

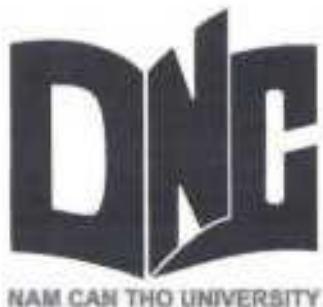
Nguyễn Văn Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cảnh Hồng

TS. Nguyễn Thị Cảnh Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN
CON NGƯỜI

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ
KHOA LUẬT

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI**

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Pháp luật về quyền con người
- **Đối tượng áp dụng:**
 - + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nội dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Xác định được những yếu tố cơ bản về quyền con người như khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, phân loại quyền con người cũng như lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người và vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người.

- Mô tả được những yếu tố về pháp luật cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người; quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, cơ chế quốc gia bảo vệ, bảo đảm quyền con người.

- Xác định được quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, cơ chế quốc gia bảo vệ, bảo đảm quyền con người.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Bồi dưỡng năng lực tư duy, phương pháp để nghiên cứu về quyền con người, từ đó tạo khả năng tổng kết thực tiễn, nhận diện những giá trị tiến bộ của tư tưởng nhân loại về quyền con người để có thể vận dụng phù hợp với thực tế ở Việt Nam, để xuất các giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thiết chế và phương thức bảo vệ, bảo đảm quyền con người ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết

trình, kỹ năng giao tiếp.

- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;
- Hình thành kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành, cung cấp thái độ tích cực trong tuyên truyền, vận động và chủ động thực hiện quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền con người; ủng hộ việc tiếp thu những quan điểm tiến bộ, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đấu tranh chống lại những biểu hiện xâm phạm quyền con người trên thực tế
- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Khái quát về quyền con người	1A1. Trình bày được khái niệm, nguồn gốc, tính chất và đặc điểm của quyền con người. 1A2. Nêu được lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người 1A3. Trình bày được phân loại quyền con người.	1B1. Xác định được nguồn gốc, tính chất của quyền con người (cho ví dụ minh họa). 1B2. Xác định được Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người	1C1. Phân biệt được các tính chất của quyền con người. 1C2. Phân tích được từng giai đoạn của lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người. 1C3. Phân tích, so sánh từng loại quyền con người.

	<p>1A4. Nêu được vấn đề về quyền con người và một số phạm trù có liên quan</p> <p>1A5. Nêu được Vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người và một số khía cạnh mới của quyền con người.</p>	<p>1B4. Nêu được về quyền con người và một số phạm trù có liên quan</p> <p>1B5. Xác định được nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người và một số khía cạnh mới.</p>	<p>1C4. Nhận xét được một số phạm trù có liên quan</p> <p>1C5. Giải thích được nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người và một số khía cạnh mới.</p>
2. Pháp luật và cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người	<p>2A1. Nêu được các yếu tố khái quát luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2A2. Nêu được mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia.</p> <p>2A3. Nêu được mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế.</p> <p>2A4. Nêu được lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế về quyền con người.</p> <p>2A5. Nêu được một số quyền con người trong pháp luật quốc tế như: Các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và</p>	<p>2B1. Xác định được Khái niệm, vị trí, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2B2. Xác định được mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia.</p> <p>2B3. Xác định được mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế.</p> <p>2B4. Xác định được lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế về quyền con người.</p> <p>2B5. Xác định được số quyền con người trong pháp luật quốc tế như: Các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và</p>	<p>2C1. Phân tích được đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật quốc tế về quyền con người.</p> <p>2C2. Phân tích được Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia.</p> <p>2C3. Nêu và phân tích được mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế.</p> <p>2C4. Phân tích được lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế về quyền con người.</p> <p>2C5. Phân tích được số quyền con người trong pháp luật quốc tế như: Các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và</p>

	Quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương.	chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và Quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương.	Quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương.
3. Lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người	<p>3A1. Nêu được Khái quát sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>3A2. Nêu được Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người.</p> <p>3A3. Nêu được Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người.</p>	<p>3B1. Xác định được sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>3B2. Xác định được Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người.</p> <p>3B3. Xác định được chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người.</p>	<p>3C1. Phân tích được sự khác biệt giữa năng lực chủ thể của pháp nhân và cá nhân.</p> <p>3C2. Phân tích được Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người.</p> <p>3C3. Phân tích được chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người.</p>
4. Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam	<p>4A1. Nêu được Quyền con người trong pháp luật Việt Nam như: Quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, và Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương.</p> <p>4A2. Nêu được Khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.</p>	<p>4B1. Phân biệt được Quyền con người trong pháp luật Việt Nam như: Quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, và Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương.</p> <p>4B2. Phân biệt được các cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.</p>	<p>4C1. Đánh giá và đưa ra được quan điểm riêng về Quyền con người trong pháp luật Việt Nam như: Quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, và Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương</p> <p>4C2. Xác định được ý nghĩa của cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.</p>

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học

30	04 vấn đề	13	12	5
----	-----------	----	----	---

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1: Khái quát về quyền con người</p> <p>1.1. Khái niệm, nguồn gốc, tính chất và đặc điểm của quyền con người</p> <p>1.2. Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người.</p> <p>1.3. Phân loại quyền con người</p> <p>1.4. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan</p> <p>1.5. Vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người và một số khía cạnh mới của quyền con người.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề tài từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 6-15	<p>Vấn đề 2: Pháp luật và cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người</p> <p>2.1. Khái quát luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.1.1. Khái niệm, vị trí, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nguồn của luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.1.2. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và pháp luật quốc gia</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa luật quốc tế về quyền con người và luật nhân đạo quốc tế</p> <p>2.1.4. Lịch sử hình thành và</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>phát triển của luật quốc tế về quyền con người</p> <p>2.2. Quyền con người trong pháp luật quốc tế</p> <p>2.2.1. Các quyền dân sự và chính trị</p> <p>2.2.2. Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa</p> <p>2.2.3. Quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương</p>		
Tiết 16-19	<p>Vấn đề 3: Lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người</p> <p>3.1. Khái quát sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam</p> <p>3.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người</p> <p>3.3. Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. <p><i>GV ra đề kiểm tra</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống. <p><i>SV làm bài kiểm tra cá nhân.</i></p>
Tiết 20 – 30	<p>Vấn đề 4: Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam</p> <p>4.1. Quyền con người trong pháp luật Việt Nam</p> <p>4.1.1. Quyền dân sự và chính trị</p> <p>4.1.2. Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa</p> <p>4.1.3. Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương</p> <p>4.2. Khái quát về cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
----	-----------	--------------	-------------------	------------

1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận hoặc trắc nghiệm (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi. 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2015), *Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hiến pháp năm 2013

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Ban chỉ đạo Nhân quyền của Chính phủ, Văn phòng Thường trực (2012), *Tài liệu tổng kết Chỉ thị 12 của Ban Bí thư TW Đảng về “Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG



P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Lam
TS. Nguyễn Thị Lam

)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC PHÁP LUẬT VỀ THU HỒI ĐẤT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Pháp luật về thu hồi đất
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật

2. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

2.1. Về kiến thức

- Kiến thức chung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; phân biệt sự khác nhau giữa bồi thường với hỗ trợ và tái định cư; phân biệt giữa bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với bồi thường Nhà nước.
- Quá trình hình thành và phát triển của chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Những quy định hiện hành của pháp luật về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Những quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Những vướng mắc và những giải pháp hoàn thiện pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Hình thành kỹ năng cập nhật, phân tích và đánh giá các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thu hồi đất.
 - Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật vào việc xử lý những tình huống, vụ việc cụ thể trên thực tế.
 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý.
 - Xây dựng kỹ năng tuân thủ pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
 - Xây dựng kỹ năng tư vấn, soạn thảo các mẫu đơn về khiếu nại, tố cáo và mẫu đơn để nghị giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
 - Xây dựng kỹ năng giải quyết tranh chấp về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Hình thành kỹ năng tranh luận, lập luận;
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
 - Có khả năng hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp.
 - Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.
 - Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Nâng cao năng lực tư duy logic, độc lập, sáng tạo suy nghĩ của sinh viên.
- Hình thành niềm say mê nghiên cứu khoa học, tinh thần không ngừng học hỏi.
- Hình thành thái độ học tập đúng và nâng cao ý thức học tập.
- Có ý thức chấp hành pháp luật pháp luật.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CỤ THỂ

MT VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Những vấn đề lý luận về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	<p>1.A1. Nắm được các khái niệm thu hồi đất, khái niệm bồi thường, khái niệm hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.A2. Nắm bắt được những hậu quả của việc Nhà nước thu hồi đất gây ra.</p> <p>1.A3. Nắm được cơ sở ra đời và bản chất pháp lý của việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.A4. Nắm được quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.A5. Nắm được kinh nghiệm của một số nước trong việc xây dựng và thực thi pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p>	<p>1.B1. Phân tích được những đặc điểm bồi thường, đặc điểm của hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.B2. Phân tích được mục đích, ý nghĩa của việc giải quyết các hậu quả của việc Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.B3. Phân biệt được sự khác nhau giữa bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong pháp luật dân sự.</p> <p>1.B4. Nhận diện được sự khác nhau cơ bản giữa thu hồi đất với trung dụng đất.</p> <p>1.B5. Nhận diện được sự tương đồng và khác biệt trong pháp luật bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của Việt Nam với một số nước trên thế giới.</p>	<p>1.C1. So sánh được sự giống và khác nhau giữa bồi thường với hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.C2. Bình luận được về sự cần thiết của việc giải quyết các hậu quả của việc thu hồi đất.</p> <p>1.C3. Đưa ra được quan điểm cá nhân bình luận về nội hàm của bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.C4. Đánh giá, bình luận được về sự phát triển tư duy pháp lí của Nhà nước ta trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>1.C5. Phân tích và chỉ ra được bài học kinh nghiệm của một số nước có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong quá trình xây dựng và</p>

			thực thi pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.
2. Những vấn đề pháp lý về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	<p>2.A1. Nêu được các trường hợp được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.A2. Nêu được các nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.A3. Nêu được các điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.A4. Nắm được nội dung các quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p>	<p>2.B1. Phân tích được cơ sở của việc xây dựng các quy định chung về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.B2. Phân tích, bình luận được các quy định bồi thường về đất và bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất.</p> <p>2.B3. Chi rõ được sự thay đổi cơ bản của Luật đất đai năm 2013 về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.B4. Phân biệt được cơ chế bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với cơ chế thoả thuận giữa nhà đầu tư với người sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư.</p>	<p>2.C1. Đánh giá được những tồn tại trong thực thi các quy định chung về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.C2. Phân tích và đưa ra được nhận xét cá nhân về một số tồn tại, khiếm khuyết trong thực thi các quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.C3. Vận dụng được các quy định của pháp luật để tư vấn cho người dân bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.C4. Tư vấn được cho người dân soạn thảo đơn, thư khiếu nại, tố cáo về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>2.C5. Bình luận được quy định về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.</p>
3. Những vấn đề pháp lý về hỗ trợ,	3.A1. Nêu được các đối tượng hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	3.B1. Chi rõ được sự thay đổi cơ bản của Luật đất đai năm 2013 về hỗ trợ, tái định cư	<p>3.C1. Bình luận được các quy định mới về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi</p>

	<p>3.</p> <p>tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.A2. Nêu được các nguyên tắc hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>3.A3. Nêu được các điều kiện hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>3.A4. Nêu được nội dung các quy định về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p>	<p>khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>3.B2. Phân tích được các quy định về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất công ích.</p> <p>3.B3. Phân tích được các quy định về hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước.</p> <p>3.B4. Phân tích được các quy định về hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.</p>	<p>nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.</p> <p>3.C2. Đánh giá được những tồn tại trong thực tiễn thi hành pháp luật về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>3.C3. Chỉ ra được nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc và bất cập trong việc thực thi pháp luật về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>3.C4. Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p>
<p>4.</p> <p>Những vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p>	<p>4.A1. Nêu được các bước cụ thể của việc thực hiện hoạt động bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.A2. Nêu được nội dung các quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.A3. Nêu được các</p>	<p>4.B1. Nhận diện được những điểm khác biệt trong nội dung các quy định về trình tự, thủ tục bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất với nội dung các quy định về trình tự, thủ tục hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.B2. Phân biệt được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa hội đồng</p>	<p>4.C1. Đánh giá được thực trạng thực thi các quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.C2. Phân tích và chỉ ra được những tồn tại, bất cập trong thực thi pháp luật về thực hiện trình tự,</p>

	<p>cơ quan tham gia vào hoạt động bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.A4. Nếu được các trường hợp phải thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế quyết định kiểm đếm bắt buộc khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.A5. Nếu được các trường hợp phải thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất.</p>	<p>giải phóng mặt bằng, tổ chức phát triển quỹ đất và của chính quyền địa phương nơi có đất bị thu hồi.</p> <p>4.B3. Chỉ ra được các sai phạm phổ biến và điển hình của các cơ quan chức năng khi thực hiện các trình tự, thủ tục hành chính trong hoạt động thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>4.B4. Phân biệt được trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng với các trường hợp thu hồi khác.</p>	<p>thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>4.C3. Bình luận được những quy định của Luật đất đai năm 2013 về tính minh bạch, công khai trong hoạt động thu hồi đất.</p>
<p>5. Những vấn đề pháp lý về khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p>	<p>5.A1. Nêu được khái niệm khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5.A2. Nêu được các dạng khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5.A3. Nhận diện được quyền khiếu nại, tố cáo của người sử dụng đất trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5.A4. Nhận diện được trách nhiệm của Nhà nước trong việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ</p>	<p>5.B1. So sánh được sự khác nhau giữa khiếu nại với tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5.B2. Phân tích và chỉ ra được nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5.B3. Phân tích được các quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo khi Nhà nước thu hồi đất.</p>	<p>5.C1. Chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất với khiếu nại, tố cáo nói chung.</p> <p>5.C2. Đánh giá được thực trạng pháp luật khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.</p> <p>5.C3. Đề xuất được các giải pháp hoàn thiện pháp luật về giải quyết khiếu nại tố cáo về đất đai.</p>

	trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	
--	---	--

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
1-30	5 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-6	<p>Vấn đề 1. Những vấn đề lý luận về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.1. Thu hồi đất và hậu quả của thu hồi đất</p> <p>1.1.1. Khái niệm thu hồi đất</p> <p>1.1.2. Các trường hợp thu hồi đất</p> <p>1.1.3. Thủ tục thu hồi đất</p> <p>1.1.4. Hậu quả của việc thu hồi đất</p> <p>1.2. Khái niệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.1. Cơ sở ra đời của chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.2.1.1. Cơ sở pháp lý</p> <p>1.2.1.2. Chế độ sở hữu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p><i>đất đai</i></p> <p>1.2.1.3. <i>Quan điểm, đường lối của Đảng</i></p> <p>1.2.1.4. <i>Mục đích thu hồi đất</i></p> <p>1.2.2. <i>Khái niệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p>1.2.2.1. <i>Khái niệm bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p>1.2.2.2. <i>Khái niệm hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p>1.2.2.3. <i>Khái niệm tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p>1.2.3. <i>Mục đích, ý nghĩa của bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p>1.3. <i>Lịch sử hình thành và phát triển chế định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p>1.3.1. <i>Giai đoạn từ khi ban hành Luật đất đai năm 1987 đến trước khi ban hành Luật đất đai năm 1993</i></p> <p>1.3.2. <i>Giai đoạn từ khi ban hành Luật đất đai năm 1993 đến khi ban hành Luật đất đai năm 2003</i></p> <p>1.3.3. <i>Giai đoạn từ khi ban hành Luật đất đai năm 2003 đến khi ban hành Luật đất đai năm 2013</i></p>	
--	--	--

	<p>1.3.4. Giai đoạn sau khi ban hành Luật đất đai năm 2013 đến nay</p> <p>1.4. Kinh nghiệm của một số nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>1.4.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc</p> <p>1.4.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc</p> <p>1.4.3. Kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức</p> <p>1.4.4. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p>		
Tiết 7-12	<p>Vấn đề 2. Những vấn đề pháp lý về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>2.1. Những quy định chung về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>2.1.1. Đối tượng được bồi thường</p> <p>2.1.2. Phạm vi bồi thường</p> <p>2.1.3. Điều kiện được bồi thường</p> <p>2.1.4. Nguyên tắc bồi thường</p> <p>2.2. Nội dung pháp luật về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>2.2.1. Nội dung pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo tra lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p><i>luật về bồi thường đối với đất</i></p> <p>2.2.1.1. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất nông nghiệp</i></p> <p>2.2.1.2. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất ở</i></p> <p>2.2.1.3. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường đối với đất phi nông nghiệp khác</i></p> <p>2.2.2. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với tài sản trên đất</i></p> <p>2.2.2.1. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi, cây trồng, hoa màu trên đất</i></p> <p>2.2.2.2. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với nhà ở, công trình xây dựng trên đất</i></p> <p>2.2.2.3. <i>Nội dung pháp luật về bồi thường thiệt hại đối với các loại tài sản khác</i></p>		
Tiết 13-20	<p>Vấn đề 3. Những vấn đề pháp lý về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1. Những quy định chung về hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1.1. Đối tượng được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>3.1.2. Phạm vi được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.

	<p><i>nước thu hồi đất</i></p> <p><i>3.1.3. Điều kiện được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p><i>3.1.4. Nguyên tắc được hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p><i>3.2. Nội dung pháp luật về hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p><i>3.2.1. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất</i></p> <p><i>3.2.2. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm</i></p> <p><i>3.2.3. Hỗ trợ do di chuyển chỗ ở</i></p> <p><i>3.2.4. Các hỗ trợ khác</i></p> <p><i>3.3. Nội dung pháp luật về tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở</i></p> <p><i>3.3.1. Lập và thực hiện dự án tái định cư</i></p> <p><i>3.3.2. Thực hiện tái định cư cho người có đất bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở</i></p>		
Tiết 21 – 26	<p>Vấn đề 4. Những vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>4.1. Các quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</p> <p><i>4.1.1. Thông báo thu hồi đất</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.

	<p>4.1.2. <i>Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</i></p> <p>4.1.3. <i>Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ra quyết định thu hồi đất</i></p> <p>4.1.4. <i>Cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất</i></p> <p>4.2. Quy định về tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</p> <p>4.2.1. <i>Cơ quan tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</i></p> <p>4.2.2. <i>Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</i></p> <p>4.2.3. <i>Thời hạn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</i></p> <p>4.2.4. <i>Chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</i></p> <p>4.2.5. <i>Minh bạch, công khai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư</i></p>		
Tiết 27-29	<p>Vấn đề 5. Những vấn đề pháp lý về khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.1. Những vấn đề chung về khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.

	<p>thu hồi đất</p> <p>5.1.1. Các loại khiếu nại, tố cáo điển hình trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.1.2. Nguyên nhân, hậu quả của khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2. Nội dung pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2.1. Mục đích, ý nghĩa của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2.2. Các quy định về giải quyết khiếu nại trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>5.2.3. Các quy định về giải quyết tố cáo trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất</p>		
Tiết 30-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

TT	Hình	Trọng	Tiêu chí đánh giá	Thang
----	------	-------	-------------------	-------

	thức	số (%)		điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi. 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TPHCM (2018), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb. Hồng Đức, TP.HCM;
2. Luật đất đai năm 2013;

3. Bộ luật Dân sự năm 2015.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Đỗ Văn Đại (2013), *Giao dịch và giải quyết tranh chấp giao dịch quyền sử dụng đất*, Nxb Lao Động, TP.HCM;
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb. Công an nhân dân;
3. Phạm Hương Lan (2018), *Bình luận khoa học luật đất đai 2013*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Chí Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cẩm
TS. Nguyễn Thị Cẩm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ HỌC
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

CÀN THƠ – 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Quản trị học

Mã môn học:

Hệ đào tạo: Đại học chính quy **Ngành đào tạo:** Luật kinh tế

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 02 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = giờ giảng lý thuyết T = bài tập P = thực hành D = thảo luận/seminar	L	T	P	D	$30 + 60 = 90$
	20	10	0		

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên thuộc Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (MT):

* **Về kiến thức**

MT1: Hiểu được một số khái niệm cơ bản: tổ chức, quản trị, nhà quản trị, cấp bậc quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.

MT2: Hiểu được các chức năng quản trị trong tổ chức.

MT3: Nắm được các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức.

MT4: Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức.

* **Về kỹ năng**

MT5: Tự phân tích được các tình huống quản trị và ra quyết định để giải quyết tình huống.

MT6: Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm.

* **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7 : Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.

MT8: Trung thực, tin cậy, trách nhiệm, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
Quản trị học		0	3	0	0	0	0	1	1	1	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		1	2	0	0	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được một số khái niệm cơ bản: tổ chức, quản trị, nhà quản trị, cấp bậc quản trị và sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức.	PO2
MT1	CO2	Hiểu được quá trình quản trị thông qua các chức năng quản trị.	PO2
MT1 MT2	CO3	Biết đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.	PO2
MT4 MT5	CO4	Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức.	PO2
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Nắm được các kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong một tổ chức	PO2, PO9, PO10, PO11, PO18, PO19
MT7 MT8	CO6	Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, tự nghiên cứu, giao tiếp và làm việc nhóm	PO2, PO9, PO11, PO18, PO19
MT2 MT5	CO7	Áp dụng phương pháp dùng trong tuyển dụng, tổ chức, quyết định quản trị, lãnh đạo và đánh giá nhân viên.	PO2, PO9, PO12, PO18, PO19
MT6 MT7	CO8	Có kỹ năng làm việc nhóm, động viên nhân viên, và giải quyết mâu thuẫn, truyền thông áp dụng trong quản trị hiệu quả.	PO9, PO10, PO11, PO12, PO18, PO19

Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
MT6	CO9	Có bản lĩnh, tự tin, nhiệt tình đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đổi mới với sự thay đổi, làm việc với người khác, kỹ năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm.		PO16, PO17, PO18, PO19	
MT7	CO10	Có suy nghĩ hiệu quả trong phân tích các vấn đề của một tổ chức, doanh nghiệp.		PO16, PO17, PO18, PO19	
MT8					

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Quản trị học trang bị cho người học hiểu biết và những kiến thức cơ bản về quản trị, các khái niệm về quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Môn học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cho người học về quá trình thông đạt và quản trị, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ tiếp theo thuộc khối ngành kinh tế kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tinh chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng bài trình bày kết quả làm việc nhóm. Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Bài thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Thi tự luận. Đánh giá theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp. Quản trị học. NXB Lao Động – Xã Hội. 2010 [658.001 D307]

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dũng, Lê Quang Khôi. 2011. Quản trị học: Bài tập và nghiên cứu tinh huống, NXB Lao Động. [658.4.076 D107]

[3] Đào Duy Huân. 1997. Quản trị học. NXB Thống kê. [658.001 H502]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Những vấn đề chung về quản trị tổ chức		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức - Khái niệm về quản trị - Các chức năng cơ bản của quản trị - Sự cần thiết của quản trị trong các tổ chức - Nhà quản trị <ul style="list-style-type: none"> . Nhà quản trị và cấp bậc quản trị . Các vai trò của nhà quản trị . Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị - Khoa học và nghệ thuật quản trị 	[1] Chương 1. Những vấn đề chung về quản trị tổ chức.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	2. Sự phát triển của các tư tưởng quản trị		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử ra đời và phát triển các tư tưởng quản trị - Trường phái quản trị cổ điển - Trường phái tâm lý-xã hội trong quản trị - Trường phái định lượng trong quản trị 	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	<ul style="list-style-type: none"> - Các khảo hướng trong quản trị <ul style="list-style-type: none"> . Khảo hướng quá trình . Khảo hướng hệ thống . Khảo hướng ngẫu nhiên - Một số mô hình của quản trị hiện đại 		
	Thảo luận nhóm.		
	3. Môi trường hoạt động của tổ chức		
3-4	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phân loại môi trường <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm môi trường . Phân loại môi trường . Ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của tổ chức - Các loại môi trường <ul style="list-style-type: none"> . Môi trường vĩ mô . Môi trường vi mô . Môi trường nội bộ - Kỹ thuật phân tích SWOT 	[1] Chương 3.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Thảo luận nhóm	Có hướng dẫn và tham gia của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	4. Quyết định quản trị		
5	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và phân loại quyết định quản trị <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm . Phân loại . Chức năng và yêu cầu đối với QĐQT - Quá trình ra QĐQT <ul style="list-style-type: none"> . Các bước của quá trình ra QĐQT . Các mô hình và công cụ hỗ trợ QĐQT - Quá trình tổ chức thực hiện quyết định - Nâng cao hiệu quả của quá trình ra QĐQT 	[1] Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	5. Chức năng hoạch định		
6	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và vai trò của hoạch định <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm hoạch định . Vai trò của hoạch định . Các loại hoạch định - Quá trình hoạch định - Mục tiêu, nền tảng của hoạch định - Hoạch định tác nghiệp 	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	6. Chức năng tổ chức		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, vai trò của chức năng tổ chức - Xây dựng cơ cấu tổ chức <ul style="list-style-type: none"> . Yêu tố ảnh hưởng đến thiết kế CCTC . Các nguyên tắc xây dựng CCTC . Các quan điểm thiết kế CCTC . Các yêu cầu khi thiết kế CCTC . Các giai đoạn hình thành CCTC 	[1] Chương 6. [2] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

	<ul style="list-style-type: none"> . Các mô hình CCTC - Phân quyền và ủy quyền trong QT 		
	7. Chức năng điều khiển		
8-9	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, vai trò của chức năng điều khiển. Các khái niệm lãnh đạo và PCLĐ <ul style="list-style-type: none"> . Phân loại PCLĐ . Lựa chọn PCLĐ - Động viên <ul style="list-style-type: none"> . Khái niệm động viên . Các lý thuyết về động viên . Ứng dụng thuyết động viên trong QT - Thông tin <ul style="list-style-type: none"> . Vai trò của thông tin . Nâng cao hiệu quả của thông tin - Quản trị xung đột 	[1] Chương 7.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
10	8. Chức năng kiểm tra		
10	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm tra - Các bước của tiến trình kiểm tra - Các loại hình kiểm tra - Các công cụ kiểm tra 	[1] Chương 8	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tảng âm

TRƯỜNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

*** Nguyễn Thị Khanh

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

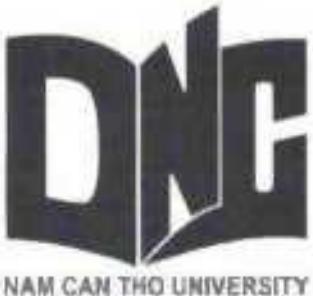
TRƯỜNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thành Phụy



TS. Nguyễn Văn Quang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-ĐHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Cần Thơ)

LUU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tâm lý học đại cương

Mã học phần: 0102000894

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	30 + 30 = 60
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh: Không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản.

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản.

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT):

- Về kiến thức

MT 1: Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học.

MT 2: Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý và mô tả được các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.

MT 3: Xác định được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người.

MT 4: Phân tích được bản chất, các qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn; phân tích được bản chất và sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức.

MT 5: Phân tích được bản chất nhân cách, trình bày được các thuộc tính tâm lý nhân cách, chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân. Xác định được các loại sai lệch hành vi cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục chúng.

• **Về kỹ năng**

MT 6: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động, trong quan hệ ứng xử và thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch.

MT 7: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học để giải các bài tập môn học và giải quyết các nhiệm vụ học tập.

MT 8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT 9: Thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ ứng xử và đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh du lịch.

MT 10: Có quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý người trong đời sống xã hội.

MT 11: Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
0102000894	Tâm lý học đại cương	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
		2	0	0	0	0	0	1	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	0	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2	CO1	Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người; phân loại các hiện tượng tâm lý.	PO1
MT3	CO2	Xác định được cơ sở tự nhiên và xã hội của hiện tượng tâm lý.	PO1
MT4	CO3	Phân tích được bản chất, qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính; phân tích được bản chất phát triển tâm lý, ý thức.	PO1
MT5	CO4	Phân tích được bản chất nhân cách cá nhân. Xác định được các loại sai lệch hành vi cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục.	PO7
Kỹ năng			
MT6	CO5	Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý trong hoạt động, trong quan hệ ứng xử.	PO1
MT7	CO6	Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập	PO1
MT8	CO7	Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân.	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9, MT10	CO8	Thấy rõ tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ ứng xử.	PO7
MT11	CO9	Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, vận dụng kiến thức tâm lý vào cuộc sống.	PO1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm những vấn đề chung của tâm lý học:

- Tâm lý, phản ánh tâm lý, sự linh hội nền văn hóa xã hội, hoạt động và hoạt động chủ đạo, giao tiếp, ý thức và chú ý, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.
- Nhận thức và học tập: đặc trưng nhận thức, nhận thức cảm tính, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ, sự phát triển các quá trình nhận thức, sự học và hoạt động học, sự hình thành hoạt động học.

- Nhân cách và sự hình thành nhân cách: khái niệm nhân cách, các phẩm chất và thuộc tính nhân cách, sự phát triển nhân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	CO6, CO7, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 80% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.
- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên).

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tinh thần động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO5, CO6, CO7	
2	Thường	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá	CO1, CO2,	10

	xuyên		nhận. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.	CO3, CO4	
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần. + Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề. 	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Tập bài giảng Tâm lý học đại cương - Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phan Thị Kim Ngân, *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, năm 2013.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1-2	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học <ul style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của tâm lý học <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Tâm lý là gì ? 1.2. Đặc điểm của tâm lý học. 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học. 1.3. Ý nghĩa của tâm lý học. 2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC 2.2. Chức năng của tâm lý. 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý. 3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý. <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của việc nghiên cứu tâm lý. 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý 	[1],	CO7, CO8, CO9
3-4	Chương 2: Cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người <ul style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người. 	[1], [2]	CO1, CO2, CO3

	<p>1.1. Di truyền và tâm lý.</p> <p>1.2. Não và tâm lý.</p> <p>1.3. Hệ thống tín hiệu hai và tâm lý.</p> <p>2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.</p> <p>2.1. Nền văn hóa xã hội và tâm lý.</p> <p>2.2. Hoạt động và tâm lý .</p> <p>2.3. Giao tiếp và tâm lý</p>		
5-6	<p>Chương 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức</p> <p>1. Hình thành phát triển tâm lý về phương diện cá thể.</p> <p>1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý.</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý.</p> <p>2. Sự hình thành, phát triển ý thức về phương diện cá thể.</p> <p>2.1. Khái niệm, cấu trúc của ý thức.</p> <p>2.2. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân.</p> <p>2.3. Các cấp độ của ý thức.</p> <p>3. Ý thức và chú ý.</p> <p>3.1. Khái niệm chung về chú ý.</p> <p>3.2. Các loại chú ý.</p> <p>3.3. Các thuộc tính của chú ý</p>	[1]	
7-8	<p>Chương 4: Hoạt động nhận thức</p> <p>1. Nhận thức cảm tính.</p> <p>1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác</p> <p>1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác.</p> <p>1.3. Quan sát và năng lực quan sát.</p> <p>2. Nhận thức lý tính.</p> <p>2.1. Tư duy.</p> <p>2.2. Tưởng tượng.</p> <p>3. Tri nhớ.</p> <p>3.1. Khái niệm trí nhớ.</p> <p>3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ</p> <p>4. Ngôn ngữ và nhận thức.</p> <p>4.1. Khái niệm ngôn ngữ.</p> <p>4.2. Chức năng của ngôn ngữ.</p> <p>4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ.</p> <p>4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức</p>	[1], [2]	CO2, CO3, CO4

	<p>Chương 5: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách</p> <p>1. Khái niệm chung nhân cách.</p> <p>1.1. Định nghĩa.</p> <p>1.2. Đặc điểm của nhân cách .</p> <p>2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách.</p> <p>2.1. Xu hướng.</p> <p>2.2. Năng lực.</p> <p>2.3. Tính cách.</p> <p>2.4. Khi chất.</p> <p>2.5. Tình cảm, ý chí.</p> <p>3. Sự hình thành và phát triển nhân cách.</p> <p>3.1. Hoạt động và nhân cách.</p> <p>3.2. Giao tiếp và nhân cách.</p> <p>3.3. Giáo dục và nhân cách.</p> <p>3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách.</p> <p>4. Những sai lệch hành vi trong sự phát triển nhân cách.</p> <p>4.1. Hành vi và các chuẩn mực hành vi.</p> <p>4.2. Phân loại các sai lệch hành vi và cách khắc phục</p>	[1], [2]	
9-10			CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

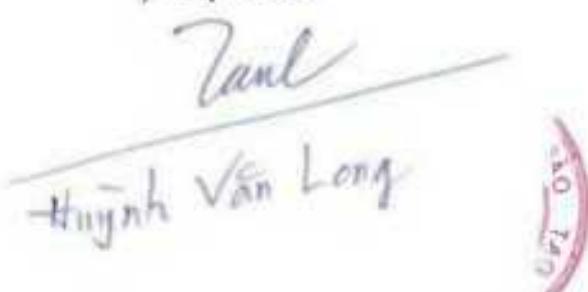
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

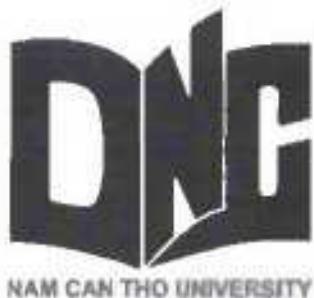
P BỘ MÔN



Huỳnh Văn Long



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRIẾT HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LUU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ - Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Triết học

Mã học phần: 0101000889

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	15	0	45 + 60 = 105
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Triết học Mác – Lê nin theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Nắm một số phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu, học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phân khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
6880001010	Triết học Mác - Lenin	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.	PO1
MT2	CO2	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cuộc sống.	PO1
Kỹ năng			

MT3	CO3	Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác Lênin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể.	PO1
MT4	CO4	Từng bước xác lập thế giới quan, nhận sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO15
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội, năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	PO1
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO4, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tinh thần động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO5, CO6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng để tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1-2	Chương mở đầu: Nhập môn Triết học Mác- Lê nin. 1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin 2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học lập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	[1]	CO2, CO3
3-5	Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.	[1]	CO1, CO6, CO7
6-8	Chương 2: Phép biện chứng duy vật 1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Các cản phong trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 5 Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	[1]	CO1, CO5, CO6
9-13	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 4. Hình thái KT-XH và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội 5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân	[1]	CO5, CO6
14-15	Tổng kết HP - Kiểm tra kết thúc HP		CO1, CO2, CO3, CO4

102. Cố sơn và thiết bị

- Phòng học có thang lùm, máy chiếu, micro.

GIỜ HỌC CƠ BẢN


Nguyễn Chí Thắng

MÔ MÓN


Trần Văn Lăng

HN: Nguyễn Văn Lăng



TS. Nguyễn Văn Lăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TƯ PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA
THÀNH NIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Cần Thơ)

LUU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ - Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TƯ PHÁP ĐỐI VỚI NGƯỜI CHưa THÀNH NIÊN

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Tư pháp đối với người chưa thành niên
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C0-1, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nối dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Hiểu những khái niệm và nguyên tắc cơ bản có liên quan đến tư pháp đối với người chưa thành niên;
- Biết và hiểu những quy phạm và chuẩn mực quốc tế liên quan đến hệ thống tư pháp đối với người chưa thành niên;
- Biết và hiểu các khía cạnh căn bản của sự phát triển của người chưa thành niên và tác động tiêu cực của việc xâm hại đến sự phát triển đó;
- Hiểu lý do tại sao các can thiệp liên quan đến người chưa thành niên phải tính đến mức độ phát triển của các em và phải có tính nhạy cảm với người chưa thành niên;
- Biết và hiểu những khía cạnh của luật hành chính, luật hình sự và luật tố tụng hình sự của quốc gia liên quan đến các em với tư cách là người chưa thành niên vi phạm hành chính, người bị cáo buộc hoặc bị kết án về tội phạm hoặc với tư cách là nạn nhân hay nhân chứng của tội phạm.

2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng áp dụng nguyên tắc “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em” trong mọi vấn đề có liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên khi tiếp xúc với hệ thống tư pháp;
- Có khả năng so sánh các yếu tố cơ bản của pháp luật Việt Nam với các quy phạm và chuẩn mực quốc tế cũng như với những thực tiễn tốt nổi bật của các quốc gia khác trong lĩnh vực tư pháp đối với người chưa thành niên;
- Có khả năng áp dụng các biện pháp can thiệp nhạy cảm với người chưa thành niên trong những vụ việc liên quan;
- Có khả năng ủng hộ và đẩy mạnh việc tiếp cận tư pháp cho người chưa thành niên;
- Có các kỹ năng cơ bản để cung cấp những tư vấn pháp lý và đại diện cho người chưa thành niên trong tiếp xúc với hệ thống tư pháp.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;
- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật;

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Khái quát về tư pháp đối với người chưa thành niên	<p>1A1. Nêu được khái niệm người chưa thành niên theo chuẩn mực pháp lý quốc tế và pháp luật một số quốc gia.</p> <p>1A2. Nêu được khái niệm tư pháp đối với người chưa thành niên.</p> <p>1A3. Nêu được đặc điểm, mục đích và ý nghĩa của tư pháp đối với người chưa thành niên.</p> <p>1A4. Nêu được các nguyên tắc chung của tư pháp đối với người chưa thành niên.</p> <p>1A5. Nêu được các nguyên tắc đặc thù của tư pháp đối với người chưa thành niên.</p> <p>1A6. Nêu được các quy phạm, chuẩn</p>	<p>1B1. Phân biệt được khái niệm “người chưa thành niên” và “trẻ em” theo chuẩn mực pháp lý quốc tế.</p> <p>1B2. Phân tích được nội dung nguyên tắc Tiếp cận nhạy cảm với trẻ em/người chưa thành niên.</p> <p>1B3. Phân tích được nội dung nguyên tắc Bảo đảm tính chuyên biệt của hệ thống tư pháp đối với người chưa thành niên.</p> <p>1B4. Phân tích được các mô hình tư pháp đối với người chưa thành niên điển hình.</p>	<p>1C1. Bình luận được sự khác biệt giữa khái niệm “người chưa thành niên” và “trẻ em” trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.</p> <p>1C2. Bình luận được nguyên tắc Bảo đảm những lợi ích tốt nhất của trẻ em/người chưa thành niên.</p> <p>1C3. Bình luận được nguyên tắc Phòng ngừa vi phạm pháp luật là yếu tố căn bản của chính sách tư pháp đối với người chưa thành niên.</p>

	mục quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên.		
2. Sự phát triển của người chưa thành niên và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên	<p>2A1. Nêu được khái niệm, đặc điểm về sự phát triển của người chưa thành niên.</p> <p>2A2. Nêu được các mặt: sinh lý, thể chất và tâm lý xã hội của 5 giai đoạn phát triển của người chưa thành niên.</p> <p>2A3. Nêu được thuyết hành vi của người sắp thành niên và sự phát triển của não bộ.</p> <p>2A4. Nhận diện được 5 yếu tố nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật của người chưa thành niên.</p> <p>2A5. Trình bày được các giải pháp hiệu quả và không hiệu quả trong phòng ngừa, xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật.</p>	<p>2B1. Phân tích được các đặc điểm về sự phát triển của người chưa thành niên.</p> <p>2B2. Phân tích được các giai đoạn khác nhau trong sự phát triển của người chưa thành niên.</p> <p>2B3. Phân tích được các đặc điểm tâm lý đặc trưng của người chưa thành niên và ảnh hưởng của những đặc điểm này đến hành vi xã hội của người chưa thành niên.</p> <p>2B4. Phân tích được nội dung của 5 yếu tố nguy cơ về tình trạng vi phạm pháp luật của người chưa thành niên.</p> <p>2B5. Phân tích được các giải pháp hiệu quả và không hiệu quả trong phòng ngừa, xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật.</p>	<p>2C1. Vận dụng được hiểu biết về sự phát triển tâm sinh lý đặc trưng của từng giai đoạn phát triển của trẻ em từ đó đưa ra cách thức chăm sóc, giáo dục trẻ có hiệu quả, cũng như phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật của các em.</p> <p>2C2. Đánh giá được các đặc điểm tâm lý đặc trưng của người chưa thành niên và ảnh hưởng của những đặc điểm này đến hành vi xã hội của người chưa thành niên. Trên cơ sở đó giải quyết một số tình huống.</p> <p>2C3. Đánh giá được các yếu tố nguy cơ về mặt tâm lý – xã hội gắn với các hành vi vi phạm pháp luật của trẻ em và người chưa thành niên. Trên cơ sở đó giải quyết một số tình huống.</p>
3. Hệ thống và các biện pháp bảo vệ người chưa thành	<p>3A1. Nêu được khái niệm bảo vệ người chưa thành niên.</p> <p>3A2. Nêu được các nguy cơ xâm hại người chưa thành niên.</p> <p>3A3. Nêu được các tổ chức thực hiện bảo vệ người chưa thành</p>	<p>3B1. Phân tích được khái niệm bảo vệ người chưa thành niên.</p> <p>3B2. Phân tích được các nguy cơ xâm hại người chưa thành niên.</p> <p>3B3. Phân tích được các tác động tiêu cực</p>	<p>3C1. Hình thành quan điểm về bảo vệ người chưa thành niên trước nguy cơ bị xâm hại.</p> <p>3C2. Đánh giá được thực trạng xâm hại người chưa thành niên.</p> <p>3C3. Đánh giá được thực trạng các biện pháp bảo vệ người chưa thành niên.</p>

niên tại Việt Nam	niên và các cấp độ bảo vệ người chưa thành niên. 3A4. Nêu được các biện pháp bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng.	của việc xâm hại người chưa thành niên. 3B4. Hiểu được các cấp độ và biện pháp bảo vệ người chưa thành niên.	3C3. Hình thành quan điểm về phòng tránh, ứng phó với xâm hại người chưa thành niên.
4. Tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính	4A1. Nêu được các chuẩn mực quốc tế trong mối tương quan với pháp luật Việt Nam về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4A2. Nêu được khái niệm người chưa thành niên vi phạm pháp luật và vi phạm hành chính ở Việt Nam. 4A3. Nêu được khái niệm xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4A4. Nêu được các biện pháp xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4A5. Nêu được khái niệm khiếu nại và đối tượng khiếu nại về xử lý hành chính đối với người chưa thành niên.	4B1. Phân tích được mối tương quan giữa pháp luật quốc tế với pháp luật Việt Nam về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4B2. Phân tích được thực trạng người chưa thành niên vi phạm pháp luật và vi phạm hành chính. 4B3. Phân tích được các biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4B4. Phân tích được các quyết định hành chính, hành vi hành chính áp dụng với người chưa thành niên vi phạm pháp luật – Đối tượng của Khiếu nại hành chính.	4C1. Đánh giá được sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4C2. Đánh giá các quy định pháp luật về biện pháp xử phạt hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4C3. Đánh giá các quy định của pháp luật về biện pháp xử lý hành chính đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4C4. Đánh giá các quy định của pháp luật về biện pháp cưỡng chế hành chính khác áp dụng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật. 4C5. Đánh giá được các quy định về khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật.
5. Xử lý hình sự	5A1. Trình bày được nội dung các nguyên tắc xử lý đối với	5B1. Phân tích được nội dung các nguyên tắc xử lý đối với người	5C1. Đánh giá được các qui định của pháp luật hình sự với người chưa

đối với người chưa thành niên phạm tội và người có hành vi xâm hại người chưa thành niên	người chưa thành niên phạm tội 5A2. Năm được các qui định của BLHS năm 2015 về xử lý người chưa thành niên phạm tội 5A3. Năm được các qui định về xử lý hình sự đối với người có hành vi xâm hại người chưa thành niên	chưa thành niên phạm tội. Đồng thời chỉ ra sự tương thích giữa các chuẩn mực quốc tế và pháp luật hình sự Việt Nam về người chưa thành niên. 5B2. Giải thích được nội dung các qui định của pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội.	thành niên trong sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế. 5C2. Đánh giá được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam. 5C3. Dựa ra được những quan điểm cá nhân về việc hoàn thiện pháp luật hình sự đối với người chưa thành niên Việt Nam và các giải pháp khác nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.
6. Tư pháp đối với người chưa thành niên trong tố tụng hình sự	6A1. Trình bày được chuẩn mực quốc tế và nguyên tắc tiến hành tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên ở Việt Nam. 6A2. Năm được các chuẩn mực quốc tế và thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam. 6A3. Năm được các quy định về quyền của người chưa thành niên. 6A4. Năm được những vấn đề cần xác định khi tiến hành thủ tục tố tụng hình sự. 6A5. Năm được các qui định về chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người chưa thành niên trong trường hợp cần thiết.	6B1. Phân được nội dung của các chuẩn mực quốc tế và nguyên tắc tố tụng hình sự Việt Nam đối với người chưa thành niên 6B2. Phân tích được các chuẩn mực quốc tế và thủ tục tố tụng hình sự Việt Nam đối với người chưa thành niên 6B3. Phân tích được những quy định về quyền của người chưa thành niên. 6B4. Phân tích được các quy định về chỉ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người chưa thành niên trong trường hợp cần thiết.	6C1. Đánh giá được các qui định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam với người chưa thành niên trong sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế. 6C2. Đánh giá được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng pháp luật tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam. 6C3. Dựa ra được những quan điểm cá nhân về việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên Việt Nam và các giải pháp khác nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên.

	niên trong trường hợp cần thiết.		
7. Các biện pháp thay thế quy trình tu pháp và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội	<p>7A1. Nêu được khái niệm xử lý chuyên hướng đối với người chưa thành niên phạm tội.</p> <p>7A2. Nêu được các chuẩn mực quốc tế về xử lý chuyển hướng.</p> <p>7A3. Nêu được các lợi ích và khó khăn của xử lý chuyên hướng.</p> <p>7A4. Nêu được khái niệm tư pháp phục hồi.</p> <p>7A5. Nêu được các chuẩn mực quốc tế về tư pháp phục hồi.</p> <p>7A6. Nêu được thực tiễn áp dụng tư pháp phục hồi ở các nước.</p> <p>7A7. Nêu được khái niệm tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân chưa thành niên.</p> <p>7A8. Nêu được các quy định của pháp luật Việt Nam về tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân chưa thành niên.</p> <p>7A9. Nêu được những hoạt động chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho phạm nhân chưa thành niên tại các trại giam, trường giáo dưỡng.</p> <p>7A10. Nêu được các biện pháp tái hòa nhập của phạm nhân chưa thành niên được</p>	<p>7B1. Phân tích được các chuẩn mực quốc tế về xử lý chuyển hướng.</p> <p>7B2. Phân tích được các lợi ích và khó khăn của xử lý chuyên hướng.</p> <p>7B3. Phân tích được các chuẩn mực quốc tế về tư pháp phục hồi.</p> <p>7B4. Phân tích được các quy định của pháp luật Việt Nam về tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân chưa thành niên.</p> <p>7B5. Phân tích được nội dung các biện pháp hỗ trợ phạm nhân chưa thành niên tái hòa nhập cộng đồng ở một số nước.</p>	<p>7C1. Đánh giá được sự cần thiết áp dụng xử lý chuyên hướng đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam.</p> <p>7C2. Đánh giá được sự cần thiết áp dụng tư pháp phục hồi ở Việt Nam.</p> <p>7C3. Đánh giá được các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân chưa thành niên ở Việt Nam.</p> <p>7C4. Nêu được quan điểm cá nhân về giải pháp tăng cường hiệu quả tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân chưa thành niên.</p>

	tiến hành tại cộng đồng. 7A11. Nếu được một số kinh nghiệm quốc tế về tái hòa nhập cộng đồng của phạm nhân chưa thành niên.		
--	---	--	--

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	7 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-5	<p>Vấn đề 1. Khái quát về tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.1 Khái niệm người chưa thành niên trong pháp luật quốc tế và quốc gia</p> <p>1.2. Khái niệm, đặc điểm, mục đích và ý nghĩa của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p> 1.2.1. Khái niệm tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p> 1.2.2. Đặc điểm của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p> 1.2.3. Mục đích và ý nghĩa của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.3. Những nguyên tắc định hướng tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p> 1.3.1. Các nguyên tắc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học và giao đề tài cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến nội dung bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV lắng nghe quy định môn học và nhận đề tài từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>chung của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.3.2. Các nguyên tắc đặc thù của tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.4. Các quy phạm, chuẩn mực quốc tế và các mô hình tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.4.1. Các quy phạm và chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên</p> <p>1.4.2. Các mô hình tư pháp đối với người chưa thành niên điển hình</p>		
Tiết 6-8	<p>Vấn đề 2. Sự phát triển của người chưa thành niên và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật của người chưa thành niên</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm về sự phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.1.1. Khái niệm sự phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.1.2. Đặc điểm về sự phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển của người chưa thành niên</p> <p>2.2.1. Giai đoạn sơ sinh (từ 0 đến 1 tuổi)</p> <p>2.2.2. Giai đoạn từ 1 đến 3 tuổi</p> <p>2.2.3. Giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi</p> <p>2.2.4. Giai đoạn từ 6 đến 12 tuổi</p> <p>2.2.5. Giai đoạn từ 12 đến dưới 18 tuổi</p> <p>2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng, các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>của người chưa thành niên và những biện pháp xử lý hiệu quả đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p> <p>2.3.1. Thuyết hành vi của người sắp thành niên và sự phát triển não bộ</p> <p>2.3.2. Các yếu tố nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật của người chưa thành niên</p> <p>2.3.3. Các giải pháp hiệu quả và không hiệu quả trong phòng ngừa, xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p>		
Tiết 9-11	<p>Vấn đề 3. Hệ thống và các biện pháp bảo vệ người chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>3.1. Bảo vệ người chưa thành niên trước nguy cơ xâm hại</p> <p>3.1.1. Khái niệm bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.1.2. Nguy cơ xâm hại người chưa thành niên</p> <p>3.2. Hệ thống bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.2.1. Các tổ chức thực hiện bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.2.2. Các cấp độ bảo vệ người chưa thành niên</p> <p>3.3. Các biện pháp bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>3.3.1. Các yêu cầu bảo vệ người chưa thành niên trong qua trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>3.3.2. Bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình tố tụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. <p><i>GV rà đè kiểm tra</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống. <p><i>SV làm bài kiểm tra cá nhân.</i></p>

	<p>3.3.3. Bảo vệ người chưa thành niên trong quá trình xử lý vi phạm hành chính</p> <p>3.3.4. Phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng dành cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p> <p><i>Làm bài kiểm tra cá nhân</i></p>		
Tiết 12 – 16	<p>Vấn đề 4: Giao dịch dân sự</p> <p>4.1. Khái niệm, phân loại giao dịch dân sự</p> <p>4.2. Điều kiện có hiệu lực</p> <p>4.3. Giao dịch dân sự vô hiệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 17- 20	<p>Vấn đề 4. Tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính</p> <p>4.1. Các chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, tương quan với pháp luật Việt Nam</p> <p> 4.1.1. Chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, tương quan với pháp luật Việt Nam</p> <p> 4.1.2. Một số quy định đặc thù của chuẩn mực quốc tế về tư pháp đối với người chưa thành niên trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính</p> <p>4.2. Xử lý hành chính đối với người chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống liên quan đến bài giảng. - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi những nội dung còn thắc mắc. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>4.2.1. Vi phạm pháp luật và vi phạm hành chính của người chưa thành niên</p> <p>4.2.2. Khái quát về xử lý hành chính và xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p> <p>4.3. Khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về xử lý hành chính người chưa thành niên vi phạm pháp luật</p>		
Tiết 21-23	<p>Vấn đề 5. Xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và người có hành vi xâm phạm người chưa thành niên</p> <p>5.1. Các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.1.1. Nguyên tắc thứ nhất 5.1.2. Nguyên tắc thứ hai 5.1.3. Nguyên tắc thứ ba 5.1.4. Nguyên tắc thứ tư 5.1.5. Nguyên tắc thứ năm 5.1.6. Nguyên tắc thứ sáu <p>5.2. Xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.2.1. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội 5.2.2. Các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng trong trường hợp người chưa thành niên được miễn trách nhiệm hình sự 5.2.3. Biện pháp tu pháp, hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội 5.2.4. Quyết định hình phạt, tổng hợp hình phạt, giảm 	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV. 	

	<p>hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>5.3. Xử lý hình sự đối với người có hành vi xâm phạm người chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015</p> <p>5.3.1. Quy định về tội danh</p> <p>5.3.2. Quy định về tình tiết định khung tăng nặng</p> <p>5.3.3. Quy định về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự</p>		
Tiết 24-26	<p>Vấn đề 6. Tư pháp đối với người chưa thành niên trong tố tụng hình sự</p> <p>6.1. Các chuẩn mực quốc tế và nguyên tắc tiến hành tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>6.1.1. Bảo đảm thủ tục tố tụng hình sự thân thiện và bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên</p> <p>6.1.2. Bảo đảm giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên</p> <p>6.1.3. Bảo đảm quyền tham gia tố tụng của người đại diện Nhà trường, Đoàn Thanh niên và các cá nhân, tổ chức khác</p> <p>6.1.4. Tôn trọng quyền được tham gia, trình bày ý kiến của người chưa thành niên</p> <p>6.1.5. Bảo đảm quyền bào chữa, quyền được trợ giúp pháp lý của người chưa thành niên</p> <p>6.1.6. Bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật Hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm phản biện, đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, tranh luận với các nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép, hỏi các vấn đề còn thắc mắc. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm và của GV. 	

	<p>6.1.7. Bảo đảm giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vụ án liên quan đến người chưa thành niên</p> <p>6.2. Các chuẩn mực quốc tế và thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>6.2.1. Tiêu chuẩn về người tiến hành tố tụng trong việc áp dụng các thủ tục tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên</p> <p>6.2.2. Quyền của người chưa thành niên</p> <p>6.2.3. Việc áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục và ngăn chặn đối với người chưa thành niên</p> <p>6.2.4. Những vấn đề cần xác định khi tiến hành tố tụng hình sự đối với người chưa thành niên</p> <p>6.2.5. Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với người chưa thành niên</p>	
Tiết 27-29	<p>Vấn đề 7. Các biện pháp thay thế quy trình tư pháp và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>7.1. Các biện pháp thay thế quy trình tư pháp</p> <p>7.1.1. Xử lý chuyển hướng</p> <p>7.1.2. Tư pháp phục hồi</p> <p>7.1.3. Pháp luật Việt Nam về xử lý chuyển hướng và tư pháp phục hồi</p> <p>7.2. Tái hòa nhập đối với phạm nhân chưa thành niên</p> <p>7.2.1. Khái niệm và vai trò của tái hòa nhập đối với phạm nhân chưa thành niên</p> <p>7.2.2. Các chuẩn mực quốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. <ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

<p>tế</p> <p>7.2.3. Một số kinh nghiệm quốc tế về tái hòa nhập cộng đồng</p> <p>7.2.4. Pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng đối với phạm nhân chưa thành niên tại Việt Nam</p> <p>Ôn tập kết thúc môn</p>		
--	--	--

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. <ul style="list-style-type: none"> + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm 	10

3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi. 	10
---	------------------------	----	---	----

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật hành chính Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb. CAND, Hà Nội.
3. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Công ước về quyền trẻ em, Liên Hợp Quốc, 1989.
2. Các qui tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về thực hiện tư pháp đối với người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh), Nghị quyết 40/33 ngày 29/11/1985 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc.
3. Những Quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do, Nghị quyết 45/11 của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc, 1990.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



TS. Nguyễn Văn Quang

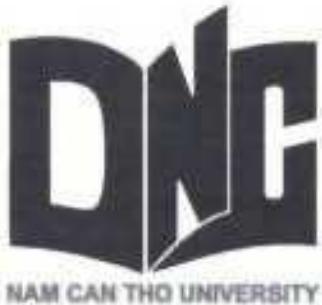
P. TRƯỞNG KHOA

nguyenvnq
nguyenvnq
Chủ nhiệm

TRƯỞNG BỘ MÔN

nguyenvnq
TS. Nguyễn Thị Cảnh Hồng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TƯ PHÁP QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC TƯ PHÁP QUỐC TẾ

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Tư pháp quốc tế
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C02- Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Tư pháp quốc tế, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về Tư pháp quốc tế như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của Tư pháp quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của Tư pháp quốc tế; nguồn của Tư pháp quốc tế;

- Xác định được đặc điểm và bản chất các quan hệ tư pháp quốc tế; đồng thời phân biệt được quan hệ Tư pháp quốc tế với các quan hệ của Luật dân sự, Luật thương mại, Hôn nhân và gia đình, Lao động, quan hệ công pháp quốc tế;

- Xác định được các loại nguồn của tư pháp quốc tế, vị trí, vai trò và cách thức áp dụng các loại nguồn này;

- Xác định được các loại chủ thể tham gia vào quan hệ Tư pháp quốc tế;

- Nêu và phân tích được xung đột pháp luật, phương pháp giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

- Xác định được thẩm quyền của tòa án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

- Giải quyết được xung đột pháp luật trong các quan hệ cụ thể của Tư pháp quốc tế, bao gồm: quan hệ sở hữu, quan hệ thừa kế, quan hệ hợp đồng, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, quan hệ hôn nhân gia đình;

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của tư pháp quốc tế.

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mỗi quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá trong việc giải quyết các vụ việc dân sự quốc tế;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo đại học luật;

- Kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề của tư pháp quốc tế;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

2.4. Về thái độ

- Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các vấn đề của tư pháp quốc tế ;
- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;
- Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề của Tư pháp quốc tế Việt Nam.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>	<i>Bậc 1</i>	<i>Bậc 2</i>	<i>Bậc 3</i>
Vấn đề 1: Tổng quan về tư pháp quốc tế	<p>1A1. Nhận diện được các quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của tư pháp quốc tế.</p> <p>1A2. Phân biệt được các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài và các quan hệ dân sự trong nước.</p> <p>1A3. Nêu được 2 phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế và đặc trưng của mỗi phương pháp.</p> <p>1A4. Trình bày được 4 loại nguồn của tư pháp quốc tế, hình thức thể hiện, đặc điểm các loại nguồn.</p> <p>1A5. Nêu được khái</p>	<p>1B1. Sử dụng được các căn cứ pháp lý, dấu hiệu cụ thể để xác định quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài nước ngoài.</p> <p>1B2. Vận dụng được các tiêu chí xác định quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài vào tình huống pháp lý cụ thể.</p> <p>1B3. Vận dụng được các phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế để điều chỉnh 3 quan hệ cụ thể.</p> <p>1B4. Vận dụng được cách thức lựa chọn và cơ chế áp dụng các loại nguồn nhằm điều chỉnh các quan hệ của tư pháp quốc tế.</p> <p>1B5. Giải thích được</p>	<p>1C1. Bình luận được về các quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài trong phần 7 Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2015.</p> <p>1C2. Đưa ra được quan điểm riêng về đối tượng điều chỉnh, nội dung, phạm vi, phương pháp nghiên cứu của tư pháp quốc tế.</p> <p>1C3. Bình luận, đánh giá được về xây dựng và áp dụng các loại nguồn của tư pháp quốc tế Việt Nam.</p> <p>1C4. Đánh giá được thực trạng tư pháp quốc tế Việt Nam và xu thế đổi mới trong</p>

	<p>niệm về tư pháp quốc tế, đặc trưng cơ bản của tư pháp quốc tế và các nguyên tắc cơ bản của tư pháp quốc tế Việt Nam.</p>	<p>khái niệm tư pháp quốc tế, 2 đặc trưng của tư pháp quốc tế và 5 nguyên tắc của tư pháp quốc tế Việt Nam.</p>	<p>tương lai.</p> <p>1C5. Hình thành được quan điểm đúng đắn về tư pháp quốc tế Việt Nam;</p>
<p>Vấn đề 2: Xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài</p>	<p>2A1. Nêu được khái niệm về xung đột pháp luật, phạm vi, nguyên nhân phát sinh xung đột pháp luật.</p> <p>2A2. Trình bày được nội dung các phương pháp giải quyết xung đột pháp luật.</p> <p>2A3. Nêu được khái niệm quy phạm xung đột, các đặc trưng cơ bản của quy phạm xung đột và cơ cấu quy phạm xung đột.</p> <p>2A4. Nêu được các vấn đề pháp lý về hiệu lực của quy phạm xung đột.</p> <p>2A5. Nêu được nguyên tắc, cách thức, điều kiện và các trường hợp áp dụng pháp luật nước</p>	<p>2B1. Trình bày được 2 đặc trưng cơ bản của xung đột pháp luật.</p> <p>2B2. Phân tích, so sánh được 2 phương pháp giải quyết xung đột pháp luật và đánh giá được ưu, nhược điểm của mỗi phương pháp.</p> <p>2B3. Phân tích được các đặc trưng cơ bản của các loại quy phạm xung đột.</p> <p>2B4. Nêu được cách thức áp dụng các loại quy phạm xung đột.</p> <p>2B5. Phân tích được cơ sở lý luận, các căn cứ và cách thức áp dụng áp dụng pháp luật nước ngoài.</p>	<p>2C1. Phân tích được mối quan hệ giữa xung đột pháp luật và xung đột về thẩm quyền xét xử.</p> <p>2C2. Bình luận được về 2 phương pháp giải quyết xung đột pháp luật; Đánh giá được tính hiệu quả của việc áp dụng các phương pháp đó.</p> <p>2C3. Vận dụng được việc lựa chọn và áp dụng các loại quy phạm xung đột trong tình huống pháp lý cụ thể.</p> <p>2C4. Bình luận được về việc áp dụng một số quy phạm xung đột trong một số bản án dân sự có yếu tố nước ngoài.</p> <p>2C5. Bình luận được về căn cứ, cách thức áp dụng và giải thích</p>

	ngoài.		pháp luật nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Vấn đề 3: Chủ thể của tư pháp quốc tế	<p>3A1. Nêu một cách khái quát về các loại chủ thể của Tư pháp quốc tế .</p> <p>3A2. Trình bày khái niệm người nước ngoài; phân loại người nước ngoài; cách thức giải quyết xung đột pháp luật về năng lực pháp luật và năng lực hành vi của người nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>3A3. Trình bày nội dung các chế độ pháp lí dân sự dành cho người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài</p> <p>3A4. Trình bày được quyền và nghĩa vụ pháp lí dân sự của người nước</p>	<p>3B1. Lấy ví dụ về việc giải quyết xung đột pháp luật về năng lực pháp luật và năng lực hành vi của người nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>3B2. Giải thích cơ sở áp dụng các chế độ pháp lí dân sự dành cho người nước ngoài đối với từng nhóm quan hệ cụ thể.</p> <p>3B3. Nêu được ý nghĩa của việc xác định quốc tịch của pháp nhân. Cho ví dụ về cách thức xác định quốc tịch của pháp nhân nước ngoài.</p> <p>3B4. Cho ví dụ thực tiễn để làm rõ đặc điểm quy chế pháp lí dân sự của pháp nhân nước ngoài.</p> <p>3B5. Giải thích cơ sở lý luận và thực tiễn để chứng minh quốc gia là chủ thể đặc biệt của tư</p>	<p>3C1. Bình luận về cách thức giải quyết xung đột pháp luật về năng lực pháp luật, năng lực hành vi của người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài theo quy định của Bộ luật dân sự 2015</p> <p>3C2. Nhận xét về việc xác năng lực pháp luật và năng lực hành vi của người không quốc tịch và người nhiều quốc tịch theo quy định của Bộ luật dân sự 2015</p> <p>3C3. Bình luận về việc xác định quốc tịch của pháp nhân theo quy định của Bộ luật dân sự 2015</p> <p>3C4. Bình luận về quan điểm của Việt Nam về quyền miễn trừ tư pháp của quốc gia theo quy định của Bộ luật dân sự</p>

	<p>ngoài tại Việt Nam.</p> <p>3A5. Trình bày địa vị pháp lí của người Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>3A6. Nêu khái niệm pháp nhân nước ngoài, cách thức xác định quốc tịch của pháp nhân nước ngoài.</p>	<p>pháp quốc tế.</p>	<p>2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.</p>
<p><i>Vấn đề 4:</i> Thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p>	<p>4A1. Nêu được khái niệm, nội dung, cách thức áp dụng của nguyên tắc luật toà án.</p> <p>4A2. Nêu được khái niệm xung đột thẩm quyền xét xử và cách thức xác định thẩm quyền xét xử.</p> <p>4A3. Nêu được các căn cứ xác định thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong việc giải quyết các vụ việc dân sự quốc tế;</p> <p>4A4. Nêu được các</p>	<p>4B1. So sánh được trình tự, thủ tục giải quyết các tranh chấp dân sự trong nước và các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài.</p> <p>4B2. So sánh được vấn đề xung đột pháp luật và xung đột về thẩm quyền xét xử. Trình bày được mối quan hệ giữa chúng.</p> <p>4B3. Vận dụng được các dấu hiệu xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam theo quy định của Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xác định thẩm quyền của TA trong các tình huống cụ thể.</p> <p>4B4. So sánh được dấu</p>	<p>4C1. Vận dụng được các quy định về xác định thẩm quyền của tòa án theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để xử lý các vụ việc trong thực tiễn</p> <p>4C2. Xử lý được các vụ việc có xung đột thẩm quyền giữa tòa án Việt Nam và tòa án các nước; giữa Tòa án và trọng tài.</p> <p>4C3. Bình luận các quy định về thẩm quyền xét xử trong một số Hiệp định thương mại tự phát giữa Việt Nam và các nước;</p>

	dấu hiệu xác định thẩm quyền xét xử của tòa án Việt Nam đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.	hiệu xác định thẩm quyền chung và thẩm quyền riêng của tòa án Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài thông qua các ví dụ cụ thể.	4C4. Bình luận một số vụ việc dân sự quốc tế được giải quyết tại tòa án Việt Nam (án lệ tiêu biểu) về cách xác định thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết...
Vấn đề 5: Thùa kế trong tư pháp quốc tế	<p>5A1. Nêu được khái niệm thùa kế trong tư pháp quốc tế và lây được 2 ví dụ minh họa.</p> <p>5A2. Trình bày được cách thức giải quyết xung đột thẩm quyền và xung đột pháp luật về thùa kế theo pháp luật Việt Nam hiện hành và theo các hiệp định thương mại tư pháp giữa Việt Nam với các nước.</p> <p>6A3. Trình bày được cách thức giải quyết xung đột thẩm quyền và xung đột pháp luật về thùa kế</p>	<p>5B1. Phân biệt được quan hệ thùa kế trong tư pháp quốc tế với quan hệ thùa kế trong luật dân sự (dựa trên 3 tiêu chí: chủ thể, đối tượng, luật áp dụng).</p> <p>5B2. Xác định thẩm quyền giải quyết các vụ việc về thùa kế có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong một tình huống thực tế.</p> <p>6B3. Vận dụng được cách thức giải quyết xung đột pháp luật về thùa kế trong pháp luật Việt Nam hiện hành để xử lý tình huống thực tế do giảng viên đưa ra.</p>	<p>5C1. So sánh được cách thức giải quyết xung đột pháp luật về thùa kế trong tư pháp quốc tế Việt Nam với tư pháp quốc tế các nước.</p> <p>5C2. Đánh giá được về tính hợp lí trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về giải quyết xung đột thẩm quyền và xung đột pháp luật về thùa kế.</p> <p>5C3. Đánh giá được vai trò của tư pháp quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực thùa kế có yếu tố nước ngoài.</p>

	theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.		
Vấn đề 6: Hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài	<p>6A1. Nêu được khái niệm hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.</p> <p>6A2. Nêu được 4 nguyên tắc điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế.</p> <p>6A3. Trình bày được thẩm quyền giải quyết quan hệ hôn nhân gia đình quy định trong pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế.</p> <p>6A4. Näm được luật áp dụng điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình quy định ở một số nước</p> <p>6A5. Näm được luật áp dụng điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình quy định ở pháp luật Việt Nam</p>	<p>6B1. So sánh được yếu tố nước ngoài quy định trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 với Bộ luật dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự 2015</p> <p>6B2. Phân tích được mối quan hệ giữa các nguyên tắc.</p> <p>6B3. Phân tích được mối quan hệ giữa các nguồn luật.</p> <p>6B4. Vận dụng được các hệ thuộc để chọn luật trong một quan hệ cụ thể: kết hôn, li hôn, nuôi con nuôi.</p> <p>6B5. Vận dụng được các quy định của pháp luật để xác định thẩm quyền trong một quan hệ cụ thể.</p>	<p>6C1. Bình luận được yếu tố nước ngoài quy định trong Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và đưa ra được quan điểm riêng của mình.</p> <p>6C2. Đánh giá được hiệu lực của các nguồn luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình.</p> <p>6C3. Lí giải được nguyên tắc chọn luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân gia đình quy định trong pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế;</p> <p>6C4. Đánh giá được hiệu quả và hạn chế của việc vận dụng các hệ thuộc để chọn luật điều chỉnh quan hệ hôn nhân và gia đình.</p> <p>6C5. Bình luận và</p>

	và điều ước quốc tế.		đánh giá được tính khả thi của pháp luật Việt Nam hiện hành quy định thẩm quyền giải quyết quan hệ hôn nhân và gia đình.
--	----------------------	--	--

4. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự học
		Lý thuyết	Seminar	LVN	
30	06 vấn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-3	<p>Chương 1. Tổng quan về tư pháp quốc tế</p> <p>1.1. Các học thuyết cơ bản về Tư pháp quốc tế và tên gọi của ngành luật</p> <p>1.2. Đối tượng điều chỉnh của Tư pháp quốc tế</p> <p>1.3. Phương pháp điều chỉnh của Tư pháp quốc tế</p> <p>1.3.1. Phương pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV sinh hoạt chung về môn học, và giao bài tập cho nhóm làm báo cáo. - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sv lắng nghe và nhận bài tập từ GV. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>thực chất</p> <p>1.3.2. Phương pháp xung đột</p> <p>1.4. Các nguyên tắc cơ bản của Tư pháp quốc tế Việt Nam</p> <p>1.5. Nguồn của Tư pháp quốc tế</p>		
Tiết 4-10	<p>Chương 2. Xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài</p> <p>2.1. Khái quát về xung đột pháp luật</p> <p>2.1.1. Khái niệm và nguyên nhân phát sinh xung đột pháp luật</p> <p>2.1.2. Phạm vi của xung đột pháp luật</p> <p>2.2 Phương pháp giải quyết xung đột pháp luật</p> <p>2.3. Quy phạm xung đột</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Cơ cấu quy phạm xung đột</p> <p>2.3.3. Phân loại quy phạm xung đột</p> <p>2.3.4. Các kiểu hệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>thuộc luật cơ bản</p> <p>2.4. Áp dụng pháp luật nước ngoài</p> <p>2.4.1. Sự cần thiết áp dụng pháp luật nước ngoài</p> <p>2.4.2. Nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài</p> <p>2.4.3. Một số vấn đề phát sinh khi áp dụng pháp luật nước ngoài</p>		
Tiết 11-15	<p>Chương 3: Chủ thể của Tư pháp quốc tế</p> <p>3.1. Khái quát về chủ thể của Tư pháp quốc tế</p> <p>3.2. Người nước ngoài</p> <p>3.3. Pháp nhân nước ngoài</p> <p>3.4. Quốc gia- chủ thể đặc biệt của Tư pháp quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.
Tiết 16-22	<p>Chương 4: Thẩm quyền của Tòa án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>4.1. Khái quát về</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải

	<p>thẩm quyền xét xử của tòa án quốc gia đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>4.2. Xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam đối với vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài</p> <p>4.2.1. Xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam theo các Hiệp định tương trợ tư pháp</p> <p>4.2.2. Xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam theo pháp luật Việt Nam</p> <p>4.3. Công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài</p>	<p>câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>quyết tình huống.</p>
Tiết 23-25	<p>Chương 5: Thừa kế trong tư pháp quốc tế</p> <p>5.1. Khái niệm thừa kế trong tư pháp quốc tế</p> <p>5.2. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo quy định của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.

	<p>pháp luật các nước và pháp luật Việt Nam</p> <p>5.3. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo các điều ước quốc tế</p> <p>5.4. Một số nội dung khác thuộc lĩnh vực thừa kế trong tư pháp quốc tế</p>		
Tiết 26-28	<p>Chương 6. Hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế</p> <p>6.1. Khái quát về quan hệ hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế</p> <p>6.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ kết hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ li hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>6.4. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng có yếu tố nước ngoài</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.

	6.5. Giải quyết xung đột pháp luật về quan hệ giữa cha mẹ và con có yếu tố nước ngoài 6.6. Giải quyết xung đột pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài		
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*. NXB. Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.
- Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Tư pháp quốc tế*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

- Đỗ Văn Đại - Mai Hồng Quỳ (2010), *Tư pháp quốc tế Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia TP.HCM.
- Lê Thị Nam Giang (2014), *Tư pháp quốc tế*. NXB. Đại học quốc gia TP.HCM.
- Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2014;
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



TS. Nguyễn Văn Quang

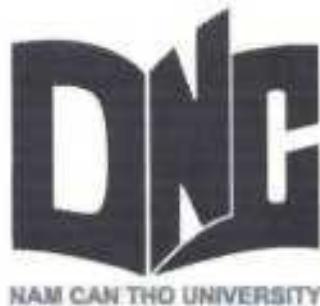
P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
15

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cẩm Thanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 0101000900

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tín chỉ

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	30 + 30 = 60
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào trong nghiên cứu và học tập các khoa học về chính trị, xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Vận dụng các kiến thức bộ môn vào học tập các học phần về xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và niềm tin vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được tiếp thu để giáo dục sinh viên về lý tưởng của Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và có đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
010100000000	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Cơ sở và quá trình hình thành TTHCM. Nội dung cốt lõi của TTHCM.	PO1
MT2	CO2	Những nội dung cơ bản của TTHCM: Về độc lập dân tộc, về xây dựng CNXH, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết, về đạo đức, về các giá trị văn hóa Việt Nam.	PO1
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội này sinh trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO1
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của HCM để nhận diện được	PO1

		các vấn đề phức tạp của xã hội.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO1
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thù địch về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch cũng như những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO15
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;
- Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, có tính khoa học và hấp dẫn	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để cùng cỗ kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	2
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng để tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO5, CO6, CO7	5

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Kỳ, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2012.

[2]. Huỳnh Văn Long - Khoa Năng Lập, *Bài giảng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Bộ môn Lý luận Chính trị, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Ngọc Anh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

11. Nội dung chi tiết của học phần

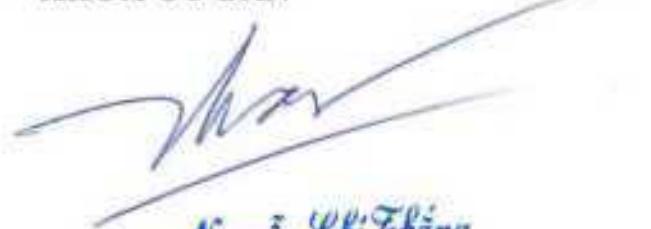
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>Bài mở đầu: Giới thiệu môn học và kế hoạch học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm được yêu cầu môn học. Chỉ dẫn về cách tìm tài liệu học tập - Năm được cách thức đánh giá môn học (đề cao việc đến lớp học). 	[1]	CO2, CO3
2 + 3	<p>Bài 1: Cơ sở, quá trình hình thành và sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm được 2 cơ sở hình thành TTHCM, nhấn mạnh cơ sở chủ quan. - Lý giải các chặng đường hình thành và phát triển TTHCM, đặc biệt làm sáng tỏ những phẩm chất cao quý của HCM. 	[1]	CO1, CO6, CO7
4	<p>Bài 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoa học và cách mạng sâu sắc của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc. -Những điểm chính của tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc. 	[1]	CO1, CO5, CO6
5	<p>Bài 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm có tính khoa học, cách mạng và nhân văn của HCM về CNXH. -Con đường, biện pháp tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 	[1]	CO5, CO6
6	<p>Bài 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm của HCM về vai trò và bản chất của DCS Việt Nam. -Nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng DCS Việt Nam trong sạch, vững mạnh. 	[1]	CO1, CO6, CO7
7	<p>Bài 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn của HCM. -Tư tưởng HCM về đoàn kết quốc tế (thành quả và hạn 	[1]	CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	ché).		
8	Bài 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân. - Xây dựng nhà nước có tính nhân dân, tinh dân tộc. - Xây dựng nhà nước có pháp lý, trong sạch, hiệu quả	[1]	CO1, CO2, CO7
9	Bài 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tư tưởng HCM về nền văn hóa mới (5 điểm) ở VN. - Về sức mạnh và chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Về con người mới và chiến lược “trồng người”.	[1]	CO2, CO3, CO4
10	Bài 8: Tổng kết môn học -Những trọng điểm của các bài. - Hướng dẫn ôn thi và cách làm bài thi tốt. - Công bố các loại điểm: chuyên cần và thường xuyên.		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

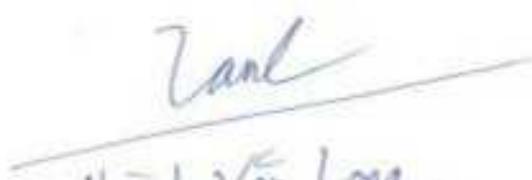
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Long



TS. Nguyễn Văn Long

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ
ĐẠO ĐỨC KINH DOANH
(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

CÀN THƠ – 2020

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Văn hóa doanh nghiệp và Đạo đức kinh doanh

Mã học phần:

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2 **Tổng số tiết quy chuẩn:** 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	24	6	0	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Biết các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, và xây dựng đạo đức kinh doanh

MT2: Hiểu được các dạng văn hóa doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và văn hóa trong hoạt động kinh doanh.

• Về kỹ năng

MT3: Có thể đánh giá các chuẩn mực đạo đức với các mối quan hệ bên trong lẫn bên ngoài đơn vị. Từ đó có thể thiết lập hệ thống chuẩn mực đạo đức cho doanh nghiệp.

MT4: Biết cách gây dựng niềm tin, và xây dựng hệ thống văn hóa cho tổ chức, doanh nghiệp với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành.

• Về thái độ

MT5: Hiểu được tầm quan trọng của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động của nền kinh tế nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Biết vận dụng yếu tố đạo đức kinh doanh và văn hóa trong quản trị doanh nghiệp và xây dựng quy chuẩn trong kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
	Quản trị học	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
		0	3	0	0	0	0	1	1	1	1
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	
		1	2	0	0	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được khái niệm, vai trò đạo đức trong kinh doanh	PO2
MT1	CO2	Các chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh	PO2
MT1 MT2	CO3	Các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh	PO2
MT1 MT2	CO4	Đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ nền kinh tế toàn cầu	PO2
MT1 MT2 MT4	CO5	Văn hóa doanh nghiệp và các vấn đề về biểu hiện, các nhân tố hình thành văn hóa doanh nghiệp	PO2
MT1 MT2 MT4 MT6	CO6	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: phong cách quản lý, hệ thống tổ chức, chương trình đạo đức	PO2
MT1 MT2 MT4 MT6	CO7	Văn hóa doanh nghiệp thể hiện qua các hoạt động xây dựng thương hiệu, marketing, đàm phán, thương lượng....	PO2
Kỹ năng			
MT4 MT6	CO8	Vận dụng được kiến thức về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp vào thực tiễn.	PO15, PO16, PO17, PO18
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1 MT6	CO9	Nhận thức và ứng dụng quan trọng của đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp vào thực tiễn hoạt động, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và hoạt động bền vững	PO15, PO16, PO17, PO18, PO19

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Dựa trên nền tảng kiến thức về kinh tế (kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô), người học được trang bị thêm kiến thức về văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh để có thêm cái nhìn khái quát, bao chất hoạt động kinh doanh. Đây là cơ sở vừa để đánh giá, vừa để ứng dụng hiệu quả vào hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập nhóm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tố hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn. Tự học, tự nghiên cứu.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Bài tập nhóm	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP.	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên. Tự luận	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

11. Học liệu

[1] Phạm Quốc Toàn. 2007. Đạo đức kinh doanh & văn hóa doanh nghiệp. NXB Lao Động – Xã Hội. [174.4 T406]

[2] Nguyễn Mạnh Quân. 2011. Đạo đức kinh doanh & văn hóa công ty. Đại Học Kinh Tế Quốc Dân. [658 Q121]

12. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung giảng dạy	Tài liệu đọc, tham khảo	CĐR của HP
1	Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh Các khái niệm Sự phát triển của đạo đức kinh doanh ở phương Tây hiện đại Ý nghĩa của việc nghiên cứu đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	[1] Chương 1	CO1, CO2, CO3
2	Sự xuất hiện của vấn đề đạo đức trong kinh doanh Vấn đề đạo đức trong kinh doanh là gì? Nguồn gốc của vấn đề đạo đức Nhận diện các vấn đề đạo đức Các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Nghĩa vụ kinh tế, pháp lý, đạo đức, nhân văn - Các cách tiếp cận việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	[1] Chương 2 [1] Chương 3	
3	Nghiên cứu hành vi đạo đức kinh doanh Quyết định liên quan đến đạo đức kinh doanh Cách tiếp cận với quá trình ra quyết định về đạo đức Quá trình ra quyết định về đạo đức trong kinh doanh Các tác nhân của quá trình ra quyết định - nhân tố “đầu vào” Mức độ bức xúc của vấn đề đạo đức Trạng thái ý thức đạo đức của cá nhân Văn hóa doanh nghiệp	[1] Chương 4 [1] Chương 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Phân tích hành vi đạo đức (Algorithm) Các tiếp cận với các quyết định về đạo đức theo algorithm đạo đức Các nhân tố cơ bản của Algorithm đạo đức Xác minh các nhân tố cơ bản của Algorithm thông qua một số tình huống đạo đức điển hình Kiểm tra giữa kỳ	[1] Chương 6	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5 - 6	Văn hóa doanh nghiệp Khái niệm, đặc điểm Văn hóa doanh nghiệp thể hiện “tính cách” của doanh nghiệp Tinh chất “mạnh”, “yếu” của văn hóa doanh nghiệp Bản chất của văn hóa doanh nghiệp Vai trò chiến lược của văn hóa doanh nghiệp Quản lý bằng giá trị - MBV	[1] Chương 7	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	Biểu trưng của văn hóa doanh nghiệp Các biểu trưng trực quan của văn hóa doanh nghiệp. Các biểu trưng phi trực quan của văn hóa doanh nghiệp. Xác minh văn hóa doanh nghiệp	[1] Chương 8	
7	Các dạng văn hóa DN Biểu trưng của văn hóa doanh nghiệp		
8	Vận dụng trong quản lý – Tạo lập văn hóa doanh nghiệp Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp Bản sắc văn hóa doanh nghiệp Tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp Hoàn thiện hệ thống tổ chức Lựa chọn mô hình tổ chức Các quan điểm tổ chức định hướng môi trường Các quan điểm tổ chức định hướng con người Cách tiếp cận của quản lý thực hành	[1] Chương 9 [1] Chương 10	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9 - 10	Xây dựng phong cách quản lý Các quan điểm về vai trò của quản lý Năng lực lãnh đạo và quyền lực của người quản lý. Phong cách lãnh đạo Vận dụng trong quản lý Thiết lập hệ thống triển khai đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp Hệ thống các chuẩn mực hành vi, tiêu chuẩn cam kết đạo đức. Các chương trình đạo đức trong văn hóa doanh nghiệp. Hệ thống thanh tra đạo đức	[1] Chương 11	

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tảng âm

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

...cc Nguyễn Thị Nhàn

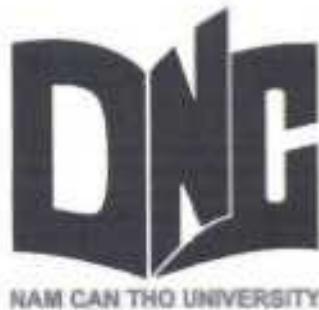
P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

HỘI TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)



Th. Nguyễn Văn Quang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Xã hội học đại cương (Overview of Sociology)

Mã học phần: 0101000903

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	25	0	0	5	30 + 20 = 50
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về xã hội học theo quan điểm của Đảng.

MT2: Nắm một số phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu, học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Vận dụng nội dung học phần vào việc lý giải một số hiện tượng xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên có thể chọn một vấn đề xã hội để nghiên cứu, đánh giá và đưa ra ý kiến cá nhân về vấn đề xã hội được chọn.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000903	Triết học Mác - Lenin	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của xã hội học như: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của xã hội học	PO1
MT2	CO2	Biết được một số lý thuyết xã hội học cơ bản. Hiểu được những khái niệm mới trong xã hội học.	PO17

Kỹ năng					
MT3	CO3	Sinh viên có thể chọn một vấn đề xã hội để nghiên cứu, đánh giá và đưa ra ý kiến cá nhân về vấn đề xã hội đã chọn. Sinh viên được mở rộng sự hiểu biết về các khía cạnh của xã hội học.			PO1
MT4	CO4	Sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết xã hội học để lý giải một số hiện tượng xã hội. Tích lũy các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong xã hội học.			PO17
Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
MT5	CO5	Xác định đúng vị trí của môn học đối với nghề nghiệp. Thể hiện sự yêu thích và có hứng thú với môn học.			PO17
MT6	CO6	Có tư duy tích cực học hỏi, tích lũy những kiến thức về xã hội học.			PO17
MT7	CO7	Phát triển khả năng ứng xử thân thiện, hòa nhã trong các mối quan hệ xã hội.			PO1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần bao gồm 6 chương, nghiên cứu các qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề.	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tinh sáng tạo và nhân cách.	CO4, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng trong nghiên cứu khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối da
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tinh thần chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO5, CO6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng để tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Phạm Đức Trọng, 2014, *Giáo trình xã hội đại cương*, NXB Hồng Đức Tp. HCM.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Tất Đồng, Lê Ngọc Hùng, Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh, *Xã hội học*, 2008, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1 - 2	Chương 1: Tổng quan về Xã hội học. 1.1 Khái quát sự hình thành và phát triển xã hội học. 1.2 Khái niệm xã hội học 1.3 Đóng góp của các nhà sáng lập ra xã hội học. 1.4 Đối tượng nghiên cứu của xã hội học. 1.5 Mối quan hệ xã hội học với các khoa học khác 1.6 Sự phát triển của xã hội học ở Việt Nam	[1]	CO1, CO2, CO5, CO6
3 - 4	Chương 2: Cơ cấu xã hội. 2.1 Cơ cấu xã hội. 2.2 Vị thế xã hội và vai trò xã hội. 2.3 Bất bình đẳng xã hội. 2.4 Phân tầng xã hội. 2.5 Cơ động xã hội.	[1]	CO1, CO2, CO3
5	Chương 3: Hành động xã hội và tương tác xã hội. 3.1 Hành động xã hội. 3.2 Tương tác xã hội 3.3 Quan hệ xã hội	[1]	CO1, CO2, CO4, CO7
6	Chương 4: Tổ chức xã hội và thiết chế xã hội 4.1 Nhóm xã hội 4.2 Cộng đồng xã hội 4.3 Tổ chức xã hội 4.4 Thiết chế xã hội	[1]	CO1, CO2, CO3
7 - 8	Chương 5: Văn hóa và lối sống 5.1 Khái niệm văn hóa 5.2 Loại hình văn hóa 5.3 Các thành tố của văn hóa 5.4 Chức năng của văn hóa	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4

	5.5 Lối sống và việc xây dựng lối sống có văn hóa		
	Chương 6: Xã hội hóa – Biến đổi xã hội		
9 – 10	6.1 Khái niệm xã hội hóa 6.2 Các giai đoạn của quá trình xã hội hóa 6.3 Môi trường xã hội hóa 6.4 Khái niệm biến đổi xã hội 6.5 Các quan điểm về biến đổi xã hội 6.6 Các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến đổi xã hội Ôn tập thi kết thúc học phần	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

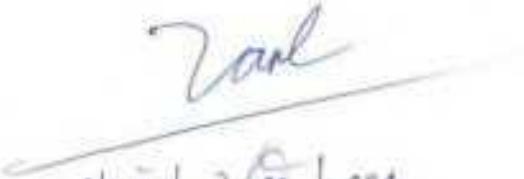
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Long

PHIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Văn Long



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THO**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

XÃ HỘI HỌC PHÁP LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÀN THƠ

KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC XÃ HỘI HỌC PHÁP LUẬT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Xã hội học pháp luật
- **Đối tượng áp dụng:**
 - + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chinh quy
- **Số tín chỉ:** 03; **Số tiết:** 45 tiết
- **Giảng viên phụ trách giảng dạy:** Khoa Luật
 - **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C0-1, Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Nguyễn Văn Cừ (Nối dài) – Ninh Kiều – Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

2.1. Về kiến thức

- Nắm được lịch sử hình thành và phát triển của ngành xã hội học nói chung, xã hội học pháp luật nói riêng, các quan điểm của một số trường phái xã hội học pháp luật và một số nhà xã hội học pháp luật tiêu biểu trên thế giới; đối tượng nghiên cứu và các chức năng của xã hội học pháp luật;
- Trình bày được quy trình (các bước) tiến hành một cuộc điều tra xã hội học về các vấn đề, sự kiện, hiện tượng pháp luật; Xây dựng được bảng câu hỏi (phiếu điều tra) và hiểu được nội dung, bản chất các phương pháp thu thập thông tin (phân tích tài liệu có sẵn, quan sát, phỏng vấn, ankét, thực nghiệm) được dung trong thu thập thông tin về các lĩnh vực, vấn đề pháp luật;
- Phân biệt được cách tiếp cận xã hội học đối với các sự kiện, hiện tượng, vấn đề pháp luật và cách tiếp cận của khoa học luật;

- So sánh, phân tích được pháp luật trong mối liên hệ với cơ cấu xã hội; mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa chuẩn mực pháp luật với các loại chuẩn mực xã hội khác, như chuẩn mực chính trị, chuẩn mực đạo đức...;

- Phân tích được các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng, thực hiện và áp dụng pháp luật, các yếu tố tác động và các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các hoạt động này ở nước ta hiện nay.

- Giải thích được khái niệm, phân loại, hậu quả và các cơ chế của hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật, các biện pháp phòng chống sai lệch chuẩn mực pháp luật; một số nội dung cơ bản của xã hội học tội phạm.

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Rèn luyện kỹ năng vận dụng tri thức xã hội học pháp luật để phân tích, đánh giá tình hình, thực trạng và bản chất của các sự kiện, hiện tượng pháp luật xảy ra trong đời sống pháp luật;

- Hình thành và củng cố kỹ năng sử dụng linh hoạt các công cụ xã hội học (các bước tiến hành một cuộc điều tra, các phương pháp thu thập thông tin...) để tìm hiểu, nghiên cứu, làm sáng tỏ các vấn đề pháp luật trong quá trình học tập cũng như làm công tác chuyên môn sau khi ra trường;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm của mình; có khả năng phản biện, phê phán; có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình;

- Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có khả năng năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Có khả năng lập quy hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực

2.4. Về thái độ

- Hình thành sự say mê, hứng thú trong quá trình học tập, nghiên cứu xã hội học pháp luật và các khoa học luật;
- Chủ động, tự tin trong lý giải, phân tích một vấn đề pháp luật;
- Tôn trọng và biết lắng nghe ý kiến, quan điểm của người cung cấp thông tin và những người cùng làm việc trong nhóm.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

MT VĐ	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
1. Nhập môn xã hội học pháp luật	<p>1A1. Nhận được khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; nguyên nhân xuất hiện, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học pháp luật.</p> <p>1A2. Nhận được tư tưởng chính của một số trường phái xã hội học pháp luật tiêu biểu (Xã hội học pháp luật thực dụng, trường phái hiện thực trong luật học ở Mỹ...).</p> <p>1A3. Trình bày được đối tượng nghiên cứu của xã hội học pháp luật.</p> <p>1A4. Trình bày được mối quan hệ giữa xã hội học pháp luật và các khoa học</p>	<p>1B1. Phân tích được các quan điểm của một số trường phái xã hội học pháp luật tiêu biểu.</p> <p>1B2. Phân tích được đối tượng nghiên cứu của xã hội học pháp luật.</p> <p>1B3. Phân tích được các chức năng cơ bản của xã hội học pháp luật.</p>	<p>1C1. So sánh, chỉ ra, phân biệt được sự khác nhau về phạm vi đối tượng nghiên cứu của xã hội học pháp luật và đối tượng nghiên cứu của lý luận nhà nước và pháp luật.</p>

	<p>pháp lý.</p> <p>1A5. Trình bày được các chức năng cơ bản của xã hội học pháp luật.</p>		
2. Phương pháp nghiên cứu của xã hội học pháp luật	<p>2A1. Nêu được các bước của giai đoạn chuẩn bị để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học về một vấn đề pháp luật.</p> <p>2A2. Nêu được các bước của giai đoạn tiến hành thu thập thông tin trong điều tra xã hội học về một vấn đề pháp luật.</p> <p>2A3. Nêu được các bước của giai đoạn xử lý và phân tích thông tin trong điều tra xã hội học về một vấn đề pháp luật.</p> <p>2A4. Trình bày được các nội dung của phương pháp phân tích tài liệu.</p> <p>2A5. Trình bày được các nội dung của phương pháp quan sát.</p> <p>2A6. Trình bày được các nội dung của phương pháp phỏng vấn.</p> <p>2A7. Trình bày được các nội dung của phương pháp</p>	<p>2B1. Phân tích được nội dung của giai đoạn chuẩn bị tiến hành một cuộc điều tra xã hội học về một vấn đề pháp luật (cho ví dụ minh họa).</p> <p>2B2. Phân tích được nội dung các bước của giai đoạn tiến hành thu thập thông tin về một vấn đề pháp luật (cho ví dụ minh họa).</p> <p>2B3. Phân tích được nội dung, chỉ ra được những điểm khác biệt cơ bản giữa phương pháp phỏng vấn và phương pháp ankét.</p> <p>2B4. Phân tích được nội dung, chỉ ra được những điểm khác biệt cơ bản giữa phương pháp quan sát và phương pháp thực nghiệm.</p>	<p>2C1. Từ một đề tài pháp luật cho trước, tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; lựa chọn và sử dụng một phương pháp thu thập thông tin phù hợp với đề tài nghiên cứu đã cho, xử lý thông tin, viết báo cáo tổng hợp kết quả.</p>

	ankét.		
	2A8. Trình bày được các nội dung của phương pháp thực nghiệm.		
3. Pháp luật trong môi liên hệ với cơ cấu xã hội	<p>3A1. Trình bày được nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật.</p> <p>3A2. Nắm được khái niệm cơ cấu xã hội, một số khái niệm cơ bản (nhóm xã hội, vị thế xã hội, vai trò xã hội, thiết chế xã hội).</p> <p>3A3. Nêu được vị trí, vai trò của pháp luật trong cơ cấu xã hội - nhân khẩu (Các vấn đề pháp luật theo cơ cấu giới tính, cơ cấu lứa tuổi, cơ cấu về tình trạng hôn nhân).</p> <p>3A4. Nêu được vị trí, vai trò của pháp luật trong cơ cấu xã hội - lãnh thổ (Các vấn đề pháp luật trong đời sống xã hội đô thị và đời sống xã hội nông thôn).</p> <p>3A5. Trình bày được vị trí, vai trò của pháp luật trong cơ cấu xã hội - dân tộc.</p> <p>3A6. Nắm được vị trí, vai trò của pháp luật trong cơ</p>	<p>3B1. Phân tích được nội dung các vấn đề pháp luật theo cơ cấu giới tính, cơ cấu lứa tuổi, cơ cấu về tình trạng hôn nhân.</p> <p>3B2. Phân tích được nội dung các vấn đề pháp luật trong đời sống xã hội đô thị và đời sống xã hội nông thôn.</p> <p>3B3. Phân tích được vị trí, vai trò của pháp luật trong cơ cấu xã hội-nghề nghiệp.</p> <p>3B4. Phân tích được mối liên hệ giữa pháp luật và vấn đề phân tầng xã hội.</p>	<p>3C1. Vận dụng được mô hình nghiên cứu pháp luật trong môi liên hệ với cơ cấu xã hội để chỉ ra vị trí của hệ thống pháp luật Việt Nam theo cơ cấu xã hội.</p>

	câu xã hội - nghề nghiệp. 3A7. Nêu được mối liên hệ giữa pháp luật và vấn đề phân tầng xã hội.		
4. Pháp luật trong môi liên hệ với các loại chuẩn mực xã hội	<p>4A1. Nêu được khái niệm, các hình thức biểu hiện của chuẩn mực xã hội.</p> <p>4A2. Trình bày được các đặc trưng cơ bản của chuẩn mực xã hội, tác dụng của chuẩn mực xã hội đối với đời sống xã hội.</p> <p>4A3. Trình bày được khái niệm, các đặc điểm của chuẩn mực chính trị.</p> <p>4A4. Trình bày được khái niệm, các đặc điểm của chuẩn mực chính trị và chuẩn mực tôn giáo.</p> <p>4A5. Trình bày được khái niệm, các đặc điểm của chuẩn mực đạo đức và chuẩn mực thẩm mỹ.</p> <p>4A6. Trình bày được khái niệm, các đặc điểm của chuẩn mực phong tục, tập quán.</p>	<p>4B1. Phân tích được nội dung các đặc trưng cơ bản của chuẩn mực xã hội, cho ví dụ cụ thể ở từng đặc trưng.</p> <p>4B2. Phân tích được mối quan hệ giữa chuẩn mực pháp luật với chuẩn mực chính trị và chuẩn mực tôn giáo.</p> <p>4B3. Phân tích được mối quan hệ giữa chuẩn mực pháp luật với chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực phong tục tập quán và chuẩn mực thẩm mỹ.</p>	<p>4C1. Đánh giá được tác dụng của mỗi loại chuẩn mực xã hội trong việc điều chỉnh hành vi xã hội của các cá nhân trong sự đổi mới, so sánh với chuẩn mực pháp luật.</p>
5. Các khía cạnh	5A1. Nêu được khái quát về hoạt động xây dựng pháp luật.	5B1. Phân tích được các nội dung nghiên cứu về các khía cạnh xã hội	5C1. Từ nội dung của chương, liên hệ được tình hình thực

xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật	<p>5A2. Nêu được các nội dung nghiên cứu về các khía cạnh xã hội trước và trong khi xây dựng pháp luật.</p> <p>5A3. Trình bày được các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật sau khi pháp luật được ban hành và có hiệu lực thực thi.</p> <p>5A4. Trình bày được các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng pháp luật.</p> <p>5A5. Nêu được các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động xây dựng pháp luật.</p>	<p>của hoạt động xây dựng pháp luật.</p> <p>5B2. Phân tích được các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng pháp luật.</p> <p>5B3. Phân tích được các biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động xây dựng pháp luật.</p>	tiễn hoạt động xây dựng pháp luật ở nước ta hiện nay.
6. Các khía cạnh xã hội của hoạt động thực hiện pháp luật	<p>6A1. Trình bày được khái quát về hoạt động thực hiện pháp luật.</p> <p>6A2. Trình bày được các cơ chế thực hiện pháp luật.</p> <p>6A3. Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thực hiện pháp luật.</p> <p>6A4. Näm được vấn đề thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực pháp luật cụ thể.</p>	<p>6B1. Phân tích được nội dung nghiên cứu về các khía cạnh xã hội của hoạt động thực hiện pháp luật.</p> <p>6B2. Phân tích được các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hoạt động thực hiện pháp luật.</p> <p>6B3. Phân tích được nội dung nghiên cứu về các khía cạnh xã hội của</p>	<p>6C1. Liên hệ được tình hình thực tiễn hoạt động thực hiện pháp luật ở nước ta hiện nay.</p> <p>6C2. Đánh giá được tình hình thực tiễn áp dụng pháp luật ở nước ta hiện nay.</p>

	<p>6A5. Trình bày được mối quan hệ giữa chính trị và áp dụng pháp luật; mối quan hệ giữa chuẩn mực pháp luật và quyết định áp dụng pháp luật.</p> <p>6A6. Nêu được vai trò của các nhân tố chủ quan và các nhân tố khách quan trong hoạt động áp dụng pháp luật.</p> <p>6A7. Nêu được các biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật ở nước ta hiện nay.</p>	<p>hoạt động áp dụng pháp luật.</p> <p>6B4. Phân tích được các biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật ở nước ta hiện nay.</p>	
7. Sai lệch chuẩn mực pháp luật	<p>7A1. Nêu được khái niệm, cách phân loại và hậu quả của hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật.</p> <p>7A2. Trình bày được các yếu tố tác động tới hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật.</p> <p>7A3. Trình bày được các cơ chế của hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật.</p>	<p>7B1. Phân tích được khái niệm, phân loại và hậu quả của hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật. Dựa ra được các ví dụ cụ thể.</p> <p>7B2. Phân tích được các cơ chế của hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật. Dựa ra được các ví dụ cụ thể.</p>	<p>7C1. So sánh, đối chiếu hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật (theo quan điểm xã hội học pháp luật) với hành vi vi phạm pháp luật (theo quan điểm của Khoa học Lý luận nhà nước và pháp luật).</p>
8. Xã	<p>8A1. Näm được định nghĩa xã hội học tội phạm. đối tượng nghiên cứu của xã</p>	<p>8B1. Phân tích được các đặc trưng cơ bản của hiện tượng tội phạm,</p>	<p>8C1. Vận dụng được phương pháp và các mô hình</p>

hội học tội phạm	<p>hội học tội phạm.</p> <p>8A2. Trình bày được khái niệm, các đặc trưng cơ bản của hiện tượng tội phạm.</p> <p>8A3. Nhận được các mô hình nghiên cứu xã hội học về hiện tượng tội phạm.</p> <p>8A4. Trình bày được một số vấn đề có tính nguyên tắc trong nghiên cứu xã hội học về hiện tượng tội phạm ở Việt Nam.</p> <p>8A5. Nhận được khái niệm nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm, một số lý thuyết giải thích về nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm.</p> <p>8A6. Trình bày được một số nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm ở nước ta hiện nay và biện pháp phòng ngừa.</p> <p>8A7. Trình bày được một số loại hành vi sai lệch có thể dẫn đến hiện tượng tội phạm.</p> <p>8A8. Nhận được các biện pháp phòng chống hiện tượng tội phạm.</p>	<p>đưa ra được các ví dụ minh họa cho từng đặc trưng.</p> <p>8B2. Phân tích được nội dung các mô hình nghiên cứu xã hội học về hiện tượng tội phạm.</p> <p>8B3. Phân tích được một số nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm ở nước ta hiện nay và các biện pháp phòng ngừa.</p> <p>8B4. Phân tích được nội dung các biện pháp phòng, chống hiện tượng tội phạm.</p>	<p>nghiên cứu về hiện tượng tội phạm để khảo sát, đánh giá về một nhóm tội phạm cụ thể trong thực tế xã hội.</p>
------------------------	--	---	--

4. HÌNH THỨC TÔ CHỨC DẠY-HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tô chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
45	8 vân đề	20		20	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-5	<p>Vấn đề 1. Nhập môn xã hội học luật</p> <p>1.1. Khái quát về lịch sử hình thành, phát triển của xã hội học và xã hội học pháp luật</p> <p>1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học</p> <p>1.1.1.1. Sự ra đời của xã hội học</p> <p>1.1.1.2. Các giai đoạn phát triển của xã hội học - một số nhà xã hội học tiêu biểu</p> <p>1.1.2. Khái quát về lịch sử hình thành, phát triển của xã hội học pháp luật</p> <p>1.1.2.1. Nguyên nhân xuất hiện của xã hội học pháp luật</p> <p>1.1.2.2. Quá trình hình thành và phát</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>triển của xã hội học pháp luật</p> <p>1.1.2.3. Một số trường phái xã hội học pháp luật tiêu biểu</p> <p>1.1.2.4. Tình hình nghiên cứu xã hội học pháp luật ở Việt Nam</p> <p><i>1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học pháp luật</i></p> <p>1.2.1. Cuộc tranh luận xung quanh vấn đề xã hội học pháp luật là môn khoa học xã hội học hay môn khoa học luật</p> <p>1.2.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học pháp luật</p> <p>1.2.3. Mối quan hệ giữa xã hội học pháp luật và các khoa học pháp lý</p> <p>1.2.3.1. Mối quan hệ giữa xã hội học pháp luật và lý luận nhà nước và pháp luật</p> <p>1.2.3.2. Mối quan hệ giữa xã hội học pháp luật và các khoa học pháp lý chuyên ngành</p> <p><i>1.3. Các chức năng cơ bản của xã hội học pháp luật</i></p> <p>1.3.1. Chức năng nhận thức</p> <p>1.3.2. Chức năng thực tiễn</p> <p>1.3.3. Chức năng dự báo</p>		
Tiết 6-12	<p><i>Vấn đề 2: Phương pháp nghiên cứu của xã hội học pháp luật</i></p> <p><i>2.1. Khái quát về phương pháp</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời

	<p>2.1.1. Phương pháp chung</p> <p>2.1.2. Phương pháp nghiên cứu chuyên ngành xã hội học</p> <p>2.1.2.1. Các nguyên tắc, quy trình nghiên cứu</p> <p>2.1.2.2. Kỹ thuật nghiên cứu</p> <p>2.1.2.3. Các phương pháp thu thập thông tin</p> <p><i>2.2. Quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học về các vấn đề, sự kiện, hiện tượng pháp luật</i></p> <p>2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị</p> <p>2.2.1.1. Xác định vấn đề pháp luật cần nghiên cứu và đặt tên đề tài</p> <p>2.2.1.2. Xác định mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của cuộc điều tra</p> <p>2.2.1.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu</p> <p>2.2.1.4. Xây dựng mô hình lý luận, thao tác hóa các khái niệm và xác định các chỉ báo nghiên cứu</p> <p>2.2.1.5. Lựa chọn phương pháp thu thập thông tin</p> <p>2.2.1.6. Soạn thảo bảng câu hỏi</p> <p>2.2.1.7. Chọn mẫu điều tra</p> <p>2.2.1.8. Lập phương án dự kiến xử lý thông tin</p> <p>2.2.1.9. Điều tra thử, hoàn chỉnh lại toàn bộ bảng hỏi cũng như các chỉ</p>	<p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>	<p>câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>
--	---	---	---

	báo nghiên cứu	
	2.2.2. Giai đoạn tiến hành thu thập thông tin	
	2.2.2.1. Lựa chọn thời điểm tiến hành điều tra	
	2.2.2.2. Chuẩn bị kinh phí cho cuộc điều tra	
	2.2.2.3. Công tác tiền trạm	
	2.2.2.4. Lập biểu đồ tiến độ cuộc điều tra	
	2.2.2.5. Lựa chọn và tập huấn điều tra viên	
	2.2.2.6. Tiến hành thu thập thông tin	
	2.2.3. Giai đoạn xử lý và phân tích thông tin	
	2.2.3.1. Tập hợp, phân loại tài liệu và xử lý thông tin	
	2.2.3.2. Phân tích thông tin	
	2.2.3.3. Kiểm tra giả thuyết nghiên cứu	
	2.2.3.4. Trình bày báo cáo và xã hội hóa các kết quả nghiên cứu	
	2.3. Các phương pháp thu thập thông tin dùng trong xã hội học pháp luật	
	2.3.1. Phương pháp phân tích tài liệu	
	2.3.1.1. Nguồn tài liệu	
	2.3.1.2. Đánh giá giá trị của tài liệu	

	<p>2.3.1.3. Thực chất của phương pháp phân tích tài liệu</p> <p>2.3.1.4. Phân loại phương pháp phân tích tài liệu</p> <p>2.3.1.5. Đánh giá về phương pháp phân tích tài liệu</p> <p>2.3.2. Phương pháp quan sát</p> <p>2.3.2.1. Thực chất của phương pháp quan sát</p> <p>2.3.2.2. Phân biệt phương pháp quan sát khoa học với sự quan sát thông thường</p> <p>2.3.2.3. Kế hoạch quan sát</p> <p>2.3.2.4. Các loại hình quan sát</p> <p>2.3.2.5. Các biện pháp để nâng cao tính chân thực và độ tin cậy của thông tin thu được bằng phương pháp quan sát</p> <p>2.3.2.6. Đánh giá về phương pháp quan sát</p> <p>2.3.3. Phương pháp phỏng vấn</p> <p>2.3.3.1. Thực chất của phương pháp phỏng vấn</p> <p>2.3.3.2. Phân loại phỏng vấn</p> <p>2.3.3.3. Trình tự dẫn dắt một cuộc phỏng vấn</p> <p>2.3.3.4. Đánh giá về phương pháp phỏng vấn</p> <p>2.3.4. Phương pháp ankét</p>	
--	---	--

	<p>2.3.4.1. Thực chất của phương pháp ankét</p> <p>2.3.4.2. Phân loại ankét</p> <p>2.3.4.3. Kết cấu của phiếu ankét</p> <p>2.3.4.4. Đánh giá về phương pháp ankét</p> <p>2.3.5. Phương pháp thực nghiệm</p> <p>2.3.5.1. Thực chất của phương pháp thực nghiệm</p> <p>2.3.5.2. Phân biệt phương pháp thực nghiệm với phương pháp quan sát trong xã hội học pháp luật</p> <p>2.3.5.3. Đánh giá về phương pháp thực nghiệm</p>		
Tiết 13-29	<p>Vấn đề 3. Pháp luật trong mối liên hệ với cơ cấu xã hội</p> <p>3.1. Nguồn gốc, bản chất xã hội, các chức năng xã hội của pháp luật</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của pháp luật</p> <p>3.1.2. Bản chất xã hội của pháp luật</p> <p>3.1.3. Các chức năng xã hội của pháp luật</p> <p>3.2. Pháp luật trong mối liên hệ với cơ cấu xã hội</p> <p>3.2.1. Cơ cấu xã hội và một số khái niệm cơ bản</p> <p>3.2.1.1. Khái niệm cơ cấu xã hội</p> <p>3.2.1.2. Một số khái niệm cơ bản (nhóm xã hội, vị thế xã hội, vai trò</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - GV đặt câu hỏi, nêu tình huống; - GV hướng dẫn sinh viên trả lời câu hỏi, đưa ra phương án giải quyết tình huống. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thảo trả lời câu hỏi, thảo luận đưa ra phương án giải quyết tình huống.

	<p>xã hội, thiết chế xã hội)</p> <p>3.2.2. Pháp luật trong cơ cấu xã hội - nhân khẩu</p> <p>3.2.2.1. Các vấn đề pháp luật theo cơ cấu giới tính</p> <p>3.2.2.2. Các vấn đề pháp luật theo cơ cấu lứa tuổi</p> <p>3.2.2.3. Các vấn đề pháp luật theo cơ cấu về tình trạng hôn nhân</p> <p>3.2.3. Pháp luật trong cơ cấu xã hội - lãnh thổ</p> <p>3.2.3.1. Các vấn đề pháp luật trong đời sống xã hội đô thị</p> <p>3.2.3.2. Các vấn đề pháp luật trong đời sống xã hội nông thôn</p> <p>3.2.4. Pháp luật trong cơ cấu xã hội - dân tộc</p> <p>3.2.5. Pháp luật trong cơ cấu xã hội - nghề nghiệp</p> <p>3.2.6. Pháp luật và vấn đề phân tầng xã hội</p>	
Tiết 20 – 28	<p>Vấn đề 4. Pháp luật trong mối liên hệ với chuẩn mực xã hội</p> <p>4.1. Khái quát chung về chuẩn mực xã hội</p> <p>4.1.1. Khái niệm chuẩn mực xã hội</p> <p>4.1.2. Các hình thức biểu hiện của chuẩn mực xã hội</p> <p>4.1.3. Các đặc trưng cơ bản của</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - SV thực hiện thuyết trình bài nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<p>chuẩn mực xã hội</p> <p>4.1.3.1. Tính tất yếu xã hội</p> <p>4.1.3.2. Tính định hướng của chuẩn mực xã hội theo không gian, thời gian và đối tượng</p> <p>4.1.3.3. Tính vận động, biến đổi của chuẩn mực xã hội theo không gian, thời gian, giai cấp và dân tộc</p> <p>4.1.4. Vai trò của chuẩn mực xã hội đối với đời sống xã hội</p>	
	<p>4.2. Các loại chuẩn mực xã hội và mối quan hệ với pháp luật</p> <p>4.2.1. Chuẩn mực chính trị</p> <p>4.2.1.1. Khái niệm chuẩn mực chính trị</p> <p>4.2.1.2. Các đặc điểm cơ bản của chuẩn mực chính trị</p> <p>4.2.1.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực chính trị và pháp luật</p> <p>4.2.2. Chuẩn mực tôn giáo</p> <p>4.2.2.1. Khái niệm chuẩn mực tôn giáo</p> <p>4.2.2.2. Các đặc điểm của chuẩn mực tôn giáo</p> <p>4.2.2.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực tôn giáo và pháp luật</p> <p>4.2.3. Chuẩn mực đạo đức</p> <p>4.2.3.1. Khái niệm chuẩn mực đạo đức</p>	

	<p>4.2.3.2. Các đặc điểm của chuẩn mực đạo đức</p> <p>4.2.3.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực đạo đức và pháp luật</p> <p>4.2.4. Chuẩn mực phong tục, tập quán</p> <p>4.2.4.1. Khái niệm chuẩn mực phong tục, tập quán</p> <p>4.2.4.2. Các đặc điểm của chuẩn mực phong tục, tập quán</p> <p>4.2.4.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực phong tục, tập quán và pháp luật</p> <p>4.2.5. Chuẩn mực thẩm mĩ</p> <p>4.2.5.1. Khái niệm chuẩn mực thẩm mĩ</p> <p>4.2.5.2. Các đặc điểm của chuẩn mực thẩm mĩ</p> <p>4.2.5.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực thẩm mĩ và pháp luật</p>		
Tiết 28-33	<p>Vấn đề 5. Các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật</p> <p><i>5.1. Khái quát về hoạt động xây dựng pháp luật</i></p> <p>5.1.1. Khái niệm xây dựng pháp luật</p> <p>5.1.2. Chủ thể của hoạt động xây dựng pháp luật</p> <p>5.1.3. Quy trình hoạt động xây dựng luật</p> <p><i>5.2. Nội dung nghiên cứu về các</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<p><i>khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật</i></p> <p>5.2.1. Các khía cạnh xã hội của hoạt động trước và trong khi xây dựng pháp luật</p> <p>5.2.2. Các khía cạnh xã hội của hoạt động xây dựng pháp luật sau khi pháp luật được ban hành và có hiệu lực thực thi</p> <p>5.2.3. Các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng pháp luật</p> <p>5.2.3.1. Kỹ năng soạn thảo các dự t</p> <p>5.2.3.2. Dư luận xã hội</p> <p>5.2.3.3. Thông tin đại chúng</p>	
Tiết 34-39	<p><i>Vấn đề 6. Các khía cạnh xã hội của</i></p>	- GV diễn giảng - SV nghe giảng.

	<p>hoạt động thực hiện pháp luật</p> <p>6.1. <i>Khái quát về hoạt động thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật</i></p> <p>6.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật</p> <p>6.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật</p> <p>6.1.3. Khái niệm, đặc điểm, quy trình hoạt động áp dụng pháp luật</p> <p>6.2. <i>Nội dung nghiên cứu về các khía cạnh xã hội của hoạt động thực hiện pháp luật</i></p> <p>6.2.1. Sự phù hợp giữa các quy tắc của chuẩn mực pháp luật với các lợi ích của chủ thể thực hiện pháp luật</p> <p>6.2.2. Cơ chế thực hiện pháp luật</p> <p>6.2.3. Các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến hoạt động thực hiện pháp luật</p> <p>6.2.3.1. Yếu tố kinh tế</p> <p>6.2.3.2. Yếu chính trị</p> <p>6.2.3.3. Yếu tố văn hóa - lối sống</p> <p>6.2.3.4. Yếu tố pháp luật</p> <p>6.2.4. Thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực pháp luật cụ thể</p> <p>6.2.4.1. Các chủ đề nghiên cứu về thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực pháp luật cụ thể</p> <p>6.2.4.2. Nội dung các nghiên cứu về thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực pháp luật cụ thể</p>	<p>các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận.</p>	<p>ghi chép.</p> <p>- SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.</p>
--	--	--	---

	<p>6.2.5. Mối quan hệ giữa chính trị và áp dụng pháp luật</p> <p>6.2.6. Mối quan hệ giữa chuẩn mực pháp luật và quyết định áp dụng pháp luật</p> <p>6.2.7. Vai trò của các nhân tố chủ quan trong hoạt động áp dụng pháp luật</p> <p>6.2.8. Vai trò của các nhân tố khách quan trong hoạt động áp dụng pháp luật</p>	
	<p><i>6.3. Các biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hiện ở nước ta hiện nay</i></p> <p>6.3.1. Nâng cao ý thức pháp luật, hình thành thói quen “sống và làm việc theo pháp luật” trong các chủ thể pháp luật</p> <p>6.3.2. Phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng đối với công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân</p> <p>6.3.3. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong hoạt động thực hiện pháp luật</p> <p>6.3.4. Tăng cường giáo dục pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao ý thức pháp luật nghề nghiệp cho cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật</p> <p>6.3.5. Thông báo công khai kết quả</p>	

	hoạt động áp dụng pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.		
Tiết 40-42	<p>Vấn đề 7. Sai lệch chuẩn mực pháp luật</p> <p><i>7.1. Khái niệm chung về sai lệch chuẩn mực pháp luật</i></p> <p>7.1.1. Định nghĩa sai lệch chuẩn mực pháp luật</p> <p>7.1.2. Phân loại sai lệch chuẩn mực pháp luật</p> <p>7.1.3. Hậu quả của sai lệch chuẩn mực pháp luật</p> <p><i>7.2. Các yếu tố tác động tới sai lệch chuẩn mực pháp luật</i></p> <p>7.2.1. Hệ thống các giá trị</p> <p>7.2.2. Sự rối loạn các thiết chế xã hội</p> <p>7.2.3. Sự biến đổi của các chuẩn mực xã hội</p> <p>7.2.4. Sự thay đổi của các quan hệ xã hội</p> <p><i>7.3. Các cơ chế của hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật</i></p> <p>7.3.1. Sự không hiểu biết, hiểu biết không đúng, không chính xác các quy tắc yêu cầu của chuẩn mực pháp luật</p> <p>7.3.2. Tư duy diễn dịch không đúng, sự suy diễn một số chuẩn mực pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiển các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<p>luật thiêu cẩn cứ logic cùng với việc sử dụng các phán đoán phi logic</p> <p>7.3.3. Việc cung cố, tiếp thu các quy tắc, yêu cầu của những chuẩn mực pháp luật đã lạc hậu, lỗi thời, không còn phù hợp với pháp luật hiện hành</p> <p>7.3.4. Cơ chế đi từ quan niệm sai lệch tới hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật</p> <p>7.3.5. Các khuyết tật về tâm - sinh lý dẫn tới hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật</p> <p>7.3.6. Cơ chế về mối liên hệ nhân - quả giữa các hành vi sai lệch chuẩn mực pháp luật</p>		
Tiết 43-45	<p>Vấn đề 8. Xã hội học tội phạm</p> <p>8.1. Khái niệm xã hội học tội phạm</p> <p>8.1.1. Định nghĩa xã hội học tội phạm</p> <p>8.1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học tội phạm</p> <p>8.1.3. Mối quan hệ giữa xã hội học tội phạm và tội phạm học</p> <p>8.2. Một số nội dung nghiên cứu về hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.1. Khái niệm hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.2. Các đặc trưng cơ bản của hiện tượng tội phạm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết. - Tổ chức cho các nhóm báo cáo, điều khiên các nhóm hỏi, trả lời, tranh luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV nghe giảng, ghi chép. - SV thực hiện thuyết trình bài báo cáo, trả lời các câu hỏi của nhóm khác và của GV.

	<p>8.2.3. Các mô hình nghiên cứu xã hội học về hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.3.1. Mô hình nghiên cứu hiện tượng tội phạm theo phân loại các nhóm tội phạm</p> <p>8.2.3.2. Mô hình nghiên cứu định lượng về hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.3.3. Mô hình nghiên cứu định tính về hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.3.4. Mô hình nghiên cứu hiện tượng tội phạm theo khu vực địa lý, giới tính, lứa tuổi và phân tầng xã hội</p> <p>8.2.4. Một số vấn đề có tính nguyên tắc trong nghiên cứu xã hội học về hiện tượng tội phạm ở Việt Nam</p> <p>8.2.5. Nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.5.1. Khái niệm nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.5.2. Một số lý thuyết xã hội học giải thích về nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.6. Một số loại hành vi sai lệch với tư cách là nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm</p> <p>8.2.6.1. Nghiện ma túy</p> <p>8.2.6.2. Say rượu</p> <p>8.2.6.3. Hooligan</p>	
--	--	--

	<p>8.2.6.4. Tự tử</p> <p>8.2.6.5. Sự tha hoá về đạo đức</p> <p>8.2.7. Một số nguyên nhân, điều kiện của hiện tượng tội phạm ở nước ta hiện nay và các biện pháp phòng ngừa</p> <p><i>8.3. Các biện pháp phòng, chống hiện tượng tội phạm</i></p> <p>8.3.1. Biện pháp tiếp cận thông tin</p> <p>8.3.2. Biện pháp phòng ngừa xã hội</p> <p>8.3.3. Biện pháp áp dụng hình phạt</p> <p>8.3.4. Biện pháp tiếp cận y-sinh học</p> <p>8.3.5. Biện pháp tiếp cận tổng hợp</p>		
--	---	--	--

5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

5.1. Hình thức, phương pháp đánh giá

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Dung nội dung đáp án: 7.0 điểm 	10

			<ul style="list-style-type: none"> + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tư luận (thời gian 90 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi. 	10

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Ngọ Văn Nhân (2018), *Giáo trình xã hội học pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

- Thanh Lê (2002), *Xã hội học tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
- Trần Đức Châm (2018), *Xã hội học pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020

P. HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Quang

P. TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Quang
Nguyễn Văn Quang

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Cảnh Hân
TS. Nguyễn Thị Cảnh Hân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÂY DỰNG VĂN BẢN
PHÁP LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số 73/QĐ-DHNCT ngày 23 tháng 7
năm 2020 của Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Cần Thơ – Năm 2020

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CĂN THƠ
KHOA LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

- **Tên môn học:** Xây dựng văn bản pháp luật
- **Đối tượng áp dụng:**
 - + Ngành Luật
 - + Bậc học: Đại học
 - + Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02; **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Khoa Luật
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01 - Khu Hiệu Bộ - Số 168, Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC

Sau khi học xong môn học Xây dựng văn bản pháp luật, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

2.1. Về kiến thức

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về văn bản pháp luật như khái niệm văn bản pháp luật, ngôn ngữ trong văn bản pháp luật;
- Xác định được các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật;
- Xác định được quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật;
- Xác định được tên loại văn bản pháp luật và kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật;
- Xác định được các nội dung cần thiết của văn bản pháp luật;
- Xác định và trình bày được quy trình kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản pháp luật;

2.2. Về kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng nhận diện về thẩm quyền giải quyết công việc của chủ thể ban hành văn bản pháp luật; hình thức văn bản pháp luật và các dạng khiếm khuyết của văn bản pháp luật;

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình như nghị quyết, quyết định, chỉ thị;

- Có kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá các vấn đề pháp luật;

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức, có khả năng tự nghiên cứu và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo văn bản pháp luật.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Tự định hướng và đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân.

2.4. Về thái độ

- Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học;

- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học;

- Sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của văn bản pháp luật và hoạt động xây dựng văn bản pháp luật trong quản lý nhà nước.

3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

Văn đề/bậc nhận thức	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Văn đề 1: Khái quát về VBPL	1A1. Nêu được khái niệm VBPL. 1A2. Trình bày được 5 đặc điểm của VBPL. 1A3. Nêu được 2 nhóm VBPL. 1A4. Liệt kê được 2	1B1. Phân tích được một số quan điểm khác nhau về khái niệm VBPL. 1B2. Phân tích được 5 đặc điểm của VBPL. 1B3. Phân tích được đặc điểm của	1C1. Đánh giá được mối quan hệ và ý nghĩa của các tiêu chí chính trị, tiêu chí tính hợp pháp và tiêu chí tính hợp lý của VBPL. 1C2. Đánh giá

	<p>biểu hiện của tiêu chí về chính trị mà VBPL phải đáp ứng.</p> <p>1A5. Nêu được 5 biểu hiện của tiêu chí về tính hợp pháp của VBPL.</p> <p>1A6. Nêu được 4 biểu hiện của tiêu chí về tính hợp lý của VBPL.</p>	<p>từng nhóm VBPL và lấy được ví dụ minh họa cho mỗi nhóm.</p> <p>1B4. Minh họa được bằng ví dụ cho mỗi nhóm VBPL.</p> <p>1B5. Phân tích được 2 yêu cầu về tiêu chí chính trị của VBPL.</p> <p>1B6. Phân tích được 5 yêu cầu về tính hợp pháp của VBPL.</p>	<p>được chất lượng của VBPL hiện nay.</p>
Vấn đề 2: Quy trình xây dựng VBPL	<p>2A1. Liệt kê được các bước trong quy trình xây dựng văn bản QPPL.</p> <p>2A2. Nêu được các chủ thể có quyền sáng kiến, đề nghị xây dựng VBQPPL.</p> <p>2A3. Liệt kê được các cơ sở cho việc đề nghị xây dựng VBQPPL.</p> <p>2A4. Trình bày được các nhiệm vụ của cơ quan soạn thảo VBQPPL.</p> <p>2A5. Nêu được nội dung của hoạt động thẩm định, thẩm tra dự thảo VBQPPL.</p> <p>2A6. Liệt kê được</p>	<p>2B1. Lấy được ví dụ minh họa cho từng hoạt động trong quy trình ban hành văn bản QPPL. Vận dụng để chỉ ra được các bước trong quy trình để ban hành văn bản QPPL cụ thể.</p> <p>2B2. Lấy được ví dụ cho từng hoạt động chuyên môn trong quy trình ban hành văn bản ADPL.</p> <p>2B3. Phân tích được sự khác nhau giữa hoạt động thẩm định và thẩm tra dự thảo</p>	<p>2C1. So sánh được quy trình ban hành văn bản ADPL với quy trình ban hành văn bản QPPL.</p> <p>2C2. Đánh giá được những bất cập trong quá trình thực hiện thủ tục đề nghị xây dựng VBQPPL (lập chương trình).</p> <p>2C3. Phân tích được vai trò, ý nghĩa của hoạt động đánh giá tác động của dự thảo VBQPPL.</p> <p>2C4. Đánh giá được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động thẩm</p>

	<p>những tài liệu bắt buộc trong hồ sơ trình dự thảo VBQPPL.</p> <p>2A7. Nêu được thủ tục thông qua VBQPPL.</p> <p>2A8. Nêu được các bước trong quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật.</p> <p>2A9. Trình bày được hoạt động lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng giải quyết công việc cụ thể.</p>	VBQPPL.	<p>định, thẩm tra dự thảo VBQPPL.</p> <p>2C5. Phân tích được trách nhiệm của các chủ thể tham gia vào quy trình xây dựng VBQPPL.</p> <p>2C6. Nhận diện được sự khác biệt về thủ tục ban hành VBADPL trong nội bộ và thủ tục ban hành VBADPL giải quyết công việc cho người dân.</p>
<i>Vấn đề 3:</i> Ngôn ngữ trong VBPL	<p>3A1. Trình bày được khái niệm ngôn ngữ VBPL và chỉ ra được ba đặc điểm của ngôn ngữ VBPL.</p> <p>3A2. Liệt kê được 4 yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ khi soạn thảo VBPL.</p> <p>3A3. Nêu được kỹ thuật sử dụng từ trong VBPL.</p> <p>3A4. Nêu được kỹ thuật sử dụng câu và đoạn văn trong VBPL.</p>	<p>3B1. Phân tích được sự cần thiết phải đặt ra các yêu cầu đối với việc sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>3B2. Vận dụng để diễn đạt được quy định của VBPL trong tình huống cụ thể.</p>	<p>3C1. Đánh giá được về thực trạng sử dụng ngôn ngữ trong VBPL hiện nay.</p> <p>3C2. Bình luận được vai trò của ngôn ngữ trong việc đảm bảo chất lượng của VBPL.</p>
<i>Vấn đề 4:</i> Hình	4A1. Nêu được 2	4B1. Vận dụng để	4C1. Đánh giá

thức văn bản pháp luật	căn cứ xác định tên loại văn bản. 4A2. Liệt kê được các yếu tố hình thức của VBPL. 4A3. Nếu được cách thức trình bày hình thức của VBPL. 4A4. Liệt kê được những điểm khác nhau giữa hình thức của VBQPPL và hình thức của VBADPL.	soạn thảo được hình thức của VBPL cụ thể. 4B2. Hiểu được ý nghĩa của từng yếu tố hình thức trong VBPL.	được sự hợp lý và chưa hợp lý của những quy định về thể thức trình bày văn bản trong pháp luật hiện hành. 4C2. Bình luận được sự khác biệt trong cách thức trình bày hình thức văn bản ADPL và văn bản QPPL.
<i>Vấn đề 5:</i> Nội dung văn bản pháp luật	5A1. Nếu được các chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL theo quy định của pháp luật hiện hành. 5A2. Nếu được nội dung của mỗi loại văn bản QPPL. 5A3. Xác lập được các đề mục trong kết cấu hình thức của văn bản QPPL. 5A4. Nhận biết được vị trí trình bày phần cơ sở của văn bản QPPL. 5A5. Nếu được nội dung và cách trình bày phần cơ sở của văn bản QPPL (cơ sở pháp lý và cơ sở	5B1. Vận dụng để lựa chọn được tên loại văn bản QPPL trong tình huống cụ thể. 5B2. Vận dụng được các đề mục thuộc kết cấu hình thức để xác lập văn bản QPPL cụ thể. 5B3. Chỉ ra được sự khác nhau về cách trình bày phần cơ sở của văn bản QPPL theo kết cấu điều khoản và văn bản QPPL theo kết cấu nghị luận. 5B4. Vận dụng để soạn thảo được phần cơ sở của văn bản QPPL cụ thể.	5C1. Bình luận được về vai trò, ý nghĩa của phần cơ sở trong văn bản QPPL. 5C2. Bình luận được về cách trình bày các loại QPPL trong những văn bản QPPL hiện hành (có tình huống cụ thể).

	thực tiễn).	5B5. Vận dụng để soạn thảo được đối tượng tác động của văn bản QPPL cụ thể.
	5A6. Nêu được khái niệm, vị trí và cách trình bày phần đối tượng tác động của văn bản QPPL.	5B6. Phân tích được vai trò, ý nghĩa và nội dung của từng loại QPPL và vận dụng để soạn thảo theo tình huống cụ thể.
	5A7. Trình bày được nội dung các loại QPPL.	
	5A8. Nêu được vị trí và cách trình bày các biện pháp bảo đảm việc thực hiện phán quyết đối với hành vi.	5B7. Vận dụng để nhận biết và soạn thảo được các quy định về biện pháp bảo đảm việc thực hiện phán quyết đối với hành vi trong tình huống cụ thể.
	5A9. Nêu được vị trí và cách trình bày phần hiệu lực pháp lý của văn bản QPPL.	5B8. Vận dụng để nhận biết và soạn thảo được hiệu lực pháp lý của văn bản QPPL theo tình huống cụ thể.
	5A10. Nêu được 3 hoạt động chuyên môn trong quy trình ban hành văn bản ADPL: Soạn thảo, thông qua, ban hành văn bản ADPL.	5B9. Lấy được ví dụ minh họa cho từng loại văn bản ADPL trong hệ thống VBPL hiện hành.
	5A11. Nêu được vai trò của từng loại văn bản ADPL trong hệ thống VBPL hiện hành.	
	5A12. Nêu được vị trí, nội dung và cách trình bày phần cơ sở ban hành của văn bản ADPL (cơ sở pháp lý và cơ sở	5B10. Vận dụng những quy định chung để trình bày được thể thức văn bản ADPL trong từng trường hợp cụ

	thực tiễn).	thê.
	5A13. Nêu được các yêu cầu khi xác lập hai nhóm đối tượng tác động của văn bản ADPL (cá nhân, tổ chức).	5B11. Phân tích được 3 nguyên tắc viễn dẫn phần cơ sở pháp lý (văn bản có kết cấu điều khoản); chỉ ra được sự khác nhau về cách thức trình bày phần cơ sở của văn bản ADPL có kết cấu điều khoản và văn bản có kết cấu nghị luận.
	5A14. Nêu được các nội dung cơ bản cần phải xác lập trong văn bản ADPL.	5B12. Lấy được ít nhất 3 ví dụ minh họa cho từng nhóm đối tượng.
	5A15. Nêu được 3 cách xác lập về thời điểm bắt đầu có hiệu lực của văn bản ADPL.	5B13. Chỉ ra được sự khác nhau trong cách thức thể hiện nội dung giữa hai loại văn bản ADPL có kết cấu điều khoản và kết cấu nghị luận. Vận dụng để soạn thảo được từng nội dung trong văn bản ADPL cụ thể.
	5A16. Nêu được cách thức xác lập thời điểm kết thúc hiệu lực pháp lý cho văn bản ADPL.	
	5A17. Liệt kê được các trường hợp văn bản ADPL bị mất hiệu lực pháp lý bởi văn bản ADPL khác.	
	5A18. Liệt kê được 2 nhóm đối tượng có nghĩa vụ thi hành văn bản ADPL.	5B14. Phân biệt được điều kiện áp dụng từng cách thức xác lập về thời điểm bắt đầu có hiệu lực pháp lý của văn bản ADPL và lấy được ví dụ minh

		<p>họa.</p> <p>5B15. Vận dụng để soạn thảo được hoàn chỉnh văn bản ADPL trong tình huống cụ thể.</p>	
<p>Vấn đề 6: Kiểm tra, rà soát và xử lý VBPL</p>	<p>6A1. Nếu được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của hoạt động kiểm tra VBPL.</p> <p>6A2. Trình bày được 3 phương thức kiểm tra VBPL.</p> <p>6A3. Trình bày được các hoạt động cần tiến hành trong nghiệp vụ kiểm tra VBPL.</p> <p>6A4. Nếu được mối quan hệ giữa hoạt động kiểm tra và hoạt động xử lý VBPL.</p> <p>6A5. Nếu được khái niệm rà soát VBPL.</p> <p>6A6. Nếu được khái niệm và nguyên tắc xử lý VBPL khiếm khuyết.</p> <p>6A7. Nếu được khái niệm VBPL khiếm khuyết.</p> <p>6A8. Trình bày</p>	<p>6B1. Phân tích được những điểm khác biệt giữa hoạt động kiểm tra và hoạt động thẩm tra, thẩm định, rà soát VBPL.</p> <p>6B2. Giải thích được sự khác nhau giữa các phương thức kiểm tra VBPL.</p> <p>6B3. Vận dụng để chỉ ra được dạng khiếm khuyết cụ thể trong các VBPL.</p> <p>6B4. Vận dụng để xác định được chủ thể có thẩm quyền xử lý VBPL trong tình huống cụ thể.</p> <p>6B5. Lựa chọn được biện pháp xử lý cụ thể trong tình huống thực tiễn.</p> <p>6B6. Vận dụng để soạn thảo được VBPL có nội dung xử lý VBPL khiếm khuyết trong tình</p>	<p>6C1. Nếu được quan điểm cá nhân về nguyên nhân dẫn đến những khiếm khuyết của VBPL.</p> <p>6C2. Nếu được ý kiến cá nhân về việc lựa chọn thẩm quyền xử lý VBPL khiếm khuyết.</p> <p>6C3. Bình luận được quy định của Luật ban hành văn bản QPPL về các biện pháp xử lý nhất là hủy bỏ, bãi bỏ văn bản QPPL.</p>

	<p>được các dạng khiếm khuyết của VBPL.</p> <p>6A9. Nếu được các chủ thể có thẩm quyền xử lý VBPL khiếm khuyết theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6A10. Nếu được 6 biện pháp xử lý VBPL khiếm khuyết.</p> <p>6A11. Nếu được 3 nguyên tắc lựa chọn đúng tên gọi văn bản có nội dung xử lý.</p> <p>6A12. Nếu được các điều khoản cần phải có trong VBPL có nội dung xử lý VBPL khiếm khuyết.</p>	<p>huống cụ thể.</p>	
<i>Vấn đề 7:</i> Soạn thảo một số VBPL điển hình	<p>7A1. Nếu được thẩm quyền ban hành nghị quyết.</p> <p>7A2. Nếu được nội dung của nghị quyết.</p> <p>7A3. Nếu được thẩm quyền ban hành quyết định.</p> <p>7A4. Nếu được nội dung của quyết định.</p> <p>7A5. Nếu được</p>	<p>7B1. Trình bày được kết cấu hình thức và nội dung của nghị quyết.</p> <p>7B2. Vận dụng để trình bày được kết cấu hình thức và nội dung của nghị quyết theo tình huống cụ thể.</p> <p>7B3. Trình bày được kết cấu hình thức và nội dung</p>	<p>7C1. Bình luận và phân tích được thực trạng ban hành quyết định, chỉ thị hiện nay.</p>

	<p>thẩm quyền ban hành chỉ thị.</p> <p>7A6. Nêu được nội dung của chỉ thị.</p>	<p>của quyết định.</p> <p>7B4. Vận dụng để trình bày được kết cấu hình thức và nội dung của quyết định theo tình huống cụ thể.</p> <p>7B5. Trình bày được kết cấu hình thức và nội dung của chỉ thị.</p> <p>7B6. Vận dụng để trình bày được kết cấu hình thức và nội dung của chỉ thị theo tình huống cụ thể.</p>	
--	---	--	--

4. HÌNH THÚC TỔ CHỨC DẠY – HỌC

4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VĐ	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lý thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	07 văn đề	13		12	5

4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-2	<p>Chương 1: Khái quát về văn bản pháp luật</p> <p>1.1. Khái niệm văn bản pháp luật</p> <p>1.1.1. Định nghĩa văn bản pháp luật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>1.1.2. Đặc điểm văn bản pháp luật</p> <p>1.1.3. Phân loại văn bản pháp luật</p> <p>1.2. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật</p> <p>1.2.1. Tiêu chí về chính trị</p> <p>1.2.2. Tiêu chí về tính hợp hiến, hợp pháp</p> <p>1.2.3. Tiêu chí về tính hợp lý</p>		
Tiết 3-5	<p>Chương 2: Quy trình xây dựng văn bản pháp luật</p> <p>2.1. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>2.1.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục thông thường</p> <p>2.1.2. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn</p> <p>2.2. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật</p> <p>2.2.1. Xác định thẩm quyền giải quyết công việc cần áp dụng pháp luật và lựa chọn quy phạm pháp luật để áp dụng pháp luật.</p> <p>2.2.2. Soạn thảo văn bản áp dụng pháp luật.</p> <p>2.2.3. Trình, thông qua, ký và ban hành văn bản áp dụng pháp luật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 6-7	<p>Chương 3: Ngôn ngữ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.1. Khái niệm ngôn ngữ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.2. Yêu cầu đối với ngôn ngữ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>trong văn bản pháp luật</p> <p>3.2.1. Đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan</p> <p>3.2.2. Đảm bảo tính chính xác, rõ ràng</p> <p>3.2.3. Đảm bảo tính phổ thông, thống nhất</p> <p>3.3. Kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.3.1. Kỹ thuật sử dụng từ trong văn bản pháp luật</p> <p>3.3.2. Sử dụng câu trong văn bản pháp luật</p> <p>3.3.3. Xây dựng đoạn trong văn bản pháp luật</p>		
Tiết 8-13	<p>Chương 4: Hình thức văn bản pháp luật</p> <p>4.1. Xác định tên loại văn bản pháp luật</p> <p>4.1.1. Sự cần thiết phải xác định tên loại văn bản pháp luật</p> <p>4.1.2. Căn cứ xác định tên loại văn bản pháp luật</p> <p>4.2. Kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật</p> <p>4.2.1. Yêu cầu về mẫu giấy và vùng trình bày văn bản pháp luật</p> <p>4.2.2. Cách thức trình bày hình thức văn bản pháp luật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống
Tiết 14-18	<p>Chương 5: Nội dung văn bản pháp luật</p> <p>5.1. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống

	<p>5.1.1. Soạn thảo cơ sở ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.2. Soạn thảo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.3. Soạn thảo quy định về hiệu lực pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>5.1.4. Kỹ thuật phân chia, sắp xếp các quy phạm pháp luật</p> <p>5.2. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật</p> <p>5.2.1. Soạn thảo cơ sở ban hành văn bản áp dụng pháp luật</p> <p>5.2.2. Soạn thảo mệnh lệnh của chủ thể áp dụng pháp luật</p> <p>5.2.3. Soạn thảo quy định về hiệu lực pháp lý của văn bản áp dụng pháp luật</p>	giải đáp	
Tiết 19-22	<p>Chương 6: Kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản pháp luật</p> <p>6.1. Kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.1. Khái niệm và đặc điểm kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.2. Ý nghĩa của hoạt động kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.3. Nguyên tắc và phương thức kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.4. Nội dung kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.1.5. Quy trình kiểm tra văn bản pháp luật</p> <p>6.2. Rà soát văn bản pháp luật</p> <p>6.3. Xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống

	<p>6.3.1. Những khiếm khuyết của văn bản pháp luật</p> <p>6.3.2. Nguyên tắc xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p> <p>6.3.3. Thẩm quyền xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p> <p>6.3.4. Cách thức xử lý văn bản pháp luật khiếm khuyết</p>		
Tiết 23-28	<p>Chương 7: Soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình</p> <p>7.1. Nghị quyết</p> <p>7.1.1. Thẩm quyền ban hành nghị quyết</p> <p>7.1.2. Nội dung của nghị quyết</p> <p>7.1.3. Cách thức soạn thảo nghị quyết</p> <p>7.2. Quyết định</p> <p>7.2.1. Thẩm quyền ban hành quyết định</p> <p>7.2.2. Nội dung của quyết định</p> <p>7.2.3. Cách thức soạn thảo quyết định</p> <p>7.3. Chỉ thị</p> <p>7.3.1. Thẩm quyền ban hành và nội dung của chỉ thị</p> <p>7.3.2. Cách thức soạn thảo chỉ thị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng - Hướng dẫn, giải đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng - Thực hành soạn thảo văn bản
Tiết 29-30	Ôn tập kết thúc môn	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
		15	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <p>Tổng: 10 điểm</p>	10
3	Thi kết thúc HP	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) 	10

		+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi	
--	--	--	--

6. HỌC LIỆU

A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

- Trường Đại học Hà Nội (2017), *Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật*, Nxb. Tư Pháp;
- Hiến Pháp Việt Nam năm 2013.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Cần Thơ, ngày 15 tháng 8 năm 2020



P. TRƯỞNG KHOA
Nguyễn Văn Quang
nghị quyết
chủ động

TRƯỞNG BỘ MÔN
Nguyễn Thị Cẩm Hạnh
nghị quyết
Thi Cửu